



Chủ nhiệm: **HT. Thích Nguyên Trí**
Thủ quỹ: **Ni sư Thích Diệu Tánh**

Chủ bút: **Vinh Hào**

Với sự cộng tác của chư tôn đức Tăng Ni và văn thi hữu tán đồng chủ trương của Chánh Pháp.

Trình bày: **Tâm Quang**

Hình bìa: **12019 (pixabay)**

LIÊN LẠC:

• Bài vở: baivochanhphap@gmail.com

• Quảng cáo / Phát hành:

(714) 638-0989

(714) 266-4171

Trải hơn 25 thế kỷ, Chánh Pháp của Phật vẫn được tuyên dương và lưu truyền bởi hàng đệ tử xuất gia lẫn tại gia, đem lại giải thoát và giác ngộ cho những ai học hỏi và thực hành đúng đắn. Chánh Pháp ấy là thuốc hay, nhưng bệnh mà không uống thì chẳng phải là lỗi của thuốc. Trong kinh Di Giáo, đức Phật cũng ân cần huấn thị lần chót bằng những lời cảm động như sau: "Thể hiện lòng đại bi, Như Lai đã nói Chánh Pháp ích lợi một cách cứu cánh. Các thầy chỉ còn nỗ lực mà thực hành... Hãy tự cố gắng một cách thường trực, tinh tiến mà tu tập, đừng để đời mình trôi qua một cách vô ích, và sau này sẽ phải lo sợ hối hận."

Báo Chánh Pháp có mặt để góp phần giới thiệu đạo Phật đến với mọi người. Ước mong pháp mầu của Phật sẽ được lưu chuyển qua những trang báo nhỏ này, mỗi người sẽ tùy theo căn tánh và nhân duyên mà tiếp nhận hưởng vị.

Nguyệt san Chánh Pháp là báo biểu, không trả nhuận bút cho bài vở gửi đăng. Quý văn thi hữu nào muốn có nhuận bút xin ghi rõ "có nhuận bút" và địa chỉ liên lạc để tòa soạn quyết định. Bài gửi đăng xin đánh máy sẵn và gửi bằng electronic file qua email:

baivochanhphap@gmail.com

Trân trọng cảm ơn.

Chi phiếu ủng hộ xin ghi:

CHANH PHÁP

11502 Daniel Ave.

Garden Grove, CA 92840

NỘI DUNG SỐ NÀY:

- **THƯ TÒA SOẠN**, trang 2
- **TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI** (Diệu Âm lược dịch), trang 4
- **VUỐT RÊU – thơ HT. Thích Quảng ĐỘ** (ĐNT Tín Nghĩa kính họa), tr. 8
- **BIÊN TRUNG BIÊN LUẬN TỤNG THÍCH**, t.t. (HT. Thích Thắng Hoan), trang 9
- **THƯỜNG TRÀ THIỀN** (thơ xướng-họa Thích Chúc Hiền), trang 11
- **LÁ THƯ NGÀY TẾT** (Thiền Thệ tử Thích Tuệ Sỹ), trang 12
- **ĐÌNH HÌNH CON ĐƯỜNG TU CHỨNG TRONG KINH PHÁP HOA** (Thích Nguyên Siêu), trang 13
- **Ý XUÂN, VỖ TIẾNG CƯỜI** (thơ Mặc Phương Tử), trang 16
- **TRANG NGHIỆM TỊNH ĐỘ** (Ns. Thích Nữ Trí Hải) trang 17
- **MỘT MÀN KHÔNG GIAN** (thơ Hoàng Phong), trang 18
- **THIỆN SỰ TRẦN NHÂN TÔNG ĐÃ NHẮC NHỚ GÌ...** (Thích Phước An) trang 19
- **TINH THẦN ĐẠI HÙNG ĐẠI LỰC ĐẠI TỬ BI...** (Gs. Nguyễn Ngọc Huy), trang 21
- **BÁT & TIỂU SỬ** (thơ Nguyễn Lương Vỹ), trang 22
- **DÒNG THƠ TIỀN BẠN** (thơ Nguyên Giác) trang 24
- **PHẬT GIÁO VÀ VẤN ĐỀ KỶ THỊ CHUNG TỘC, GIAI CẤP, GIỚI TÍNH** (Huỳnh Kim Quang), tr. 25
- **THƠ XUÂN** (Nguyễn Thị Khánh Minh), trang 30
- **CHÁNH TƯ DUY** (Toại Khanh), trang 32
- **CHÙA QUÁN SỨ Ở BẮC VIỆT, VNPG SỬ LUẬN, Chương 33, t.t.** (Nguyễn Lang), trang 33
- **TỬ CÚ LỤC BÁT ĐÓN TÂN XUÂN** (thơ TK Vinh Hữu), trang 36
- **NĂM HẠNH – Câu Chuyện Cuối Tuần** (Nhóm Áo Lam), trang 38
- **ĐÔI THOẠI ĐÁ, HOÀNG HÔN NÚI** (thơ Trần Hoàng Vy), tr. 41
- **GIÃ GAO CHÀY ĐÔI** (thơ Hồ Thanh Nhã), trang 42
- **CON TRÂU CỦA TUỆ TRUNG THƯỢNG SĨ** (TM Ngô Tăng Giao), trang 47
- **BÂY GIỜ - NOWADAYS** (thơ song ngữ Lê Mai & Thanh Thanh), trang 49
- **ĐỌC "PHẬT ĐIỂN PHỔ THÔNG: DẪN VÀO TUỆ GIÁC PHẬT"** (Nguyễn Giác), trang 50
- **CẢM THẤY KHỎE HOẶC YẾU** (Bs. Nguyễn Ý Đức), trang 54
- **HOA VÔ THƯỜNG** (thơ TT Lê Đình Cát), trang 55
- **THE STORY OF THE DISCIPLES OF NON-BUDDHIST ASCETICS** (Daw Tin), trang 56
- **NẤU CHAY: MÌ XÀO CHAY** (Ni Giới Việt Nam) trang 57
- **BẾN KIA SÔNG** (Huệ Trân), tr. 58
- **TUYẾT SƠN, THÀNH TÂM CẦU NGUYỆN** (thơ Chánh Năng), trang 60
- **QUÂN TỬ CÂM VÀ ÓNG LÃO VƯỜN ĐÀO** (Trần Hoàng Vy), tr. 61
- **CHÂN NHƯ** (thơ Dương Hồng Anh), trang 63
- **TRUYỆN CỰC NGẮN** (Steven N.), trang 64
- **THỜI GIAN KHÔNG CHỜ ĐỢI AI** (TN. Hằng Như), trang 66
- **XUÂN VÀ THƠ, XUÂN DI LẶC** (thơ Diệu Viên), trang 71
- **NATALIA PETRUNINA - MỘT NGƯỜI PHẬT TỬ NGƯỜI NGA** (Tiểu Lục Thần Phong), trang 72
- **CÁP MẮT THÁI TỬ CẬU NA LA** (Truyện cổ Phật giáo), trang 74
- **NGƯỜI ĐÀU** (thơ Vinh Hào), tr. 75
- **NGŨ THOÁT – chương 4, t.t.** (Vinh Hào), trang 80



Báo Chánh Pháp số 112, tháng 03.2021, do Chùa Pháp Vũ (Florida) và Brodard Chateau, Brodard Restaurant & Bamboo Bistro ủng hộ ấn phí. Tòa soạn xin thành tâm cảm tạ. Kính nguyện quý tự và chư phật-tử được hưng long, an lạc để hoằng truyền và hộ trì Phật Pháp.



Thư Tòa soạn

NGƯỜI ĐI

Khi một người ra đi, rời chốn này, hay rời khỏi cuộc đời này, những kỷ niệm để lại từ những hình vật cụ thể cho đến tiếng nói giọng cười, chữ viết, hình ảnh, thơ văn, ý tưởng, thật và sống động như vẫn còn quanh đây. Niềm lưu luyến của người thân ở lại tưởng chừng không có ngày chấm dứt: dùng dằng, dai dẳng, vừa bám víu, vừa đẩy xô; vừa gọi kêu, vừa né tránh; để tìm thắt lại, để hồn nhói đau, để nước mắt rơi dài những đêm thâu...

Nhưng rồi mọi thứ cũng qua đi. Nỗi đau trong hồn có khi còn phai nhanh hơn ngoại vật. Nỗi đau hay niềm vui, dù đậm hay nhạt, cũng phải đổi thay theo năm tháng. Không có nỗi đau trường cửu, không có niềm vui bất tận. Còn sống trong cảm giác là còn sống với vô thường. Sẽ là ảo giác khi tin rằng cảm giác hay ý niệm không bao giờ đổi thay. Cảm giác hay ý niệm đều là những biểu hiện của tâm thức: liên tục chuyển động. Chính vì chuyển động không ngừng mà niềm vui đoàn tụ sẽ không bao giờ kéo dài, và nỗi đau ly tán cũng không thể chìm chết một tâm hồn hay làm héo hắt một đời người.

Sau những biến thiên, con người tiếp tục gượng dậy và vươn lên.

Dẫu sao, không thể phủ nhận nỗi bàng khuâng và cái buồn hoang lạnh hắt hiu khi nhìn lại dấu tích đâu đó của người đi để lại. Cái áo hay chiếc gối đầu nằm. Cây bút hay cuốn sách trên bàn. Có khi thương cha nhớ mẹ quắt quay mà không dám tìm lại hơi ấm nơi chiếc giường đơn lạnh; cũng không đủ can đảm lục soạn đồng thư từ cũ nằm trong hộc tủ. Nỗi trống trải quặn lên từ ký ức, trùm lấp cả không gian chung quanh. Nước mắt chỉ chực tuôn rơi khi nhớ lại người xưa.

Thiền gia có đời sống nhẹ nhàng hơn, nhưng cũng không thiếu những tâm cảnh tương tự. Xâu chuỗi và cây gậy của sư cụ còn lưu lại nơi thiền phòng. Tường rêu như còn in bóng thầy sau chiếc ghế gỗ đã mòn nhẵn lưng dựa. Nhớ ngày nào thầy còn ngồi đó, im như núi, tĩnh một cõi tâm hư. Thoảng khi hồi tưởng, chỉ nhớ mơ hồ cánh hạc về tây không dấu tích. Thầy từng ngồi đó mà không ngồi đó. Thiền trượng, giày rơm, còn đây mà không còn đây. Dấu tích, chẳng qua là do nơi người sau giữ lại hoặc khởi hoạt từ tâm tưởng. Như Tuệ Trung một lần nhìn chiếc thuyền gác mái bên bãi cát ven sông mà liên tưởng hành trình vô tung biệt tích của tiền nhân:

"Ta Tam nay đã không tin tức

Để chiếc thuyền trở bãi cát này." (1)

Giang hồ một thuở đã phi chí bình sinh. Lữ khách neo thuyền lên non ẩn tích.

Hình ảnh chiếc thuyền không, ghéch mình lên cát chính là ẩn dụ "qua sông bỏ bè" được nói trong kinh Phật (2).

Nhìn chiếc thuyền mà man mác hoài niệm cổ nhân một thời. Hoài niệm ở đây không phải là nỗi buồn thông thường của thế nhân. Chỉ là cảm khái về một hành trạng, một tâm thức xả ly siêu tuyệt tương ứng với sở hành sở đắc của tự thân.

Đã lên bờ rồi, còn mang thuyền theo làm gì!

Lên đường, là để đi đến chỗ tuyệt cùng cao thẳm.

Tiền người đi, là tiền đến nơi không bờ không bến.

Không buồn đau, không nuối tiếc. Chỉ là chút u hoài vu vơ trong một thoáng mơ màng, chiêm bao.

- (1) Bài "Giang hồ tự thích" của Tuệ Trung, được trích từ "Tuệ Trung Ngữ Lục", bản dịch của Thiền sư Thích Thanh Từ (trong "Tuệ Trung Thượng Sĩ Ngữ Lục Giảng Giải," 1996).

(Trích):

VUI THÍCH GIANG HỒ

*Tâm xưa hồ hải chứa từng khuây
Ngày tháng như tên dường tự thoi.
Gió mát trắng thanh sanh kể đủ
Non xanh nước biếc nếp sóng đầy.
Sáng sớm gương buồm bằng nước thăm
Chiều nâng sáo thổi cột khói mây.
Tạ Tam nay đã không tin tức
Để chiếc thuyền trơ bãi cát này.*

Thiền sư Thích Thanh Từ chú thích về nhân vật Tạ Tam như sau:

"Tạ Tam là Tạ Tam Lang, tức Thiền sư Huyền Sa Sư Bị, lúc còn cư sĩ ông là một người thả thuyền câu dưới sông, vui thú giang hồ nay đầu ghènh mai cuối bãi. Đến ba mươi tuổi ông đem thuyền lên bãi để, rồi bỏ đi tu, sau trở thành một Thiền sư nổi tiếng." (ngưng trích)

Một bản dịch khác rất hay, đã được phổ biến từ đầu thập niên 1970s, của Trúc Thiên, trích từ "Tuệ Trung Ngữ Lục," xuất bản tại Sài-gòn năm 1968:

*"Giang hồ tâm ấy chứa từng lau
Ngày tháng như thoi như bóng câu
Gió mát trắng thanh luôn vẫn đó
Non xanh nước biếc thiếu gì đâu
Chiều nghiêng sáo thổi sương lồng khói
Sớm cuộn buồm phẳng sóng bạc đầu
Tăm bóng Tạ Tam nay vẫn bật
Thuyền không bỏ đó gôi còn nâu."*

- (2) "Nhữ đẳng tỳ-kheo, tri ngã thuyết pháp như phiệt dụ giả, pháp thượng ưng xả, hà huống phi pháp." Dịch: Các thầy tỳ-kheo nên biết rằng pháp của ta như ví dụ về chiếc bè; pháp còn nên buông xả, huống gì phi pháp. (Kinh Kim Cang, Đoạn 6 – Chánh Tín Hy Hữu). Ở đây chỉ nhắc đến hai chữ "phiệt dụ" (ví dụ về chiếc bè) chứ không nói rõ ý nghĩa của ẩn dụ này; nhưng từ những lần thuyết pháp khác của đức Phật trước đó, người đọc tự hiểu rằng người thực hành chánh pháp không nên cố chấp về sở tri, sở đắc của mình, giống như người qua sông, phải bỏ bè lại, không vác theo mình mọi nơi.



TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI

DIỆU ÂM *lược dịch*

HÀN QUỐC: Viện Di sản Văn hóa Hàn Quốc phục hồi kinh Phật trên vỏ cây theo yêu cầu của Mông Cổ

Viện Lịch sử và Khảo cổ học tại Học viện Khoa học Mông Cổ đã yêu cầu Viện Nghiên cứu Di sản Văn hóa Quốc gia (NRICH) Hàn Quốc khôi phục kinh Phật được viết trên vỏ cây và giấy. Các bản kinh này có niên đại từ thế kỷ 17, được khai quật vào năm 2019 từ địa điểm khảo cổ Sum Tolgoi tại Tes soum, tỉnh Zavkhan ở miền tây Mông Cổ.

Viện Lịch sử và Khảo cổ học Mông Cổ đã gửi 21 hiện vật, bao gồm cả sách kinh bằng vỏ cây và gỗ, đến NRICH Hàn Quốc khi hai bên ký thỏa thuận Dự án Chung Hàn Quốc - Mông Cổ về Nghiên cứu và Bảo tồn Di sản Văn hóa vào năm 2019.

Các bản kinh Phật này được khai quật từ đất khô, do đó bị nhàu rách hoặc bể thành nhiều mảnh nhỏ và nội dung không thể đọc được. Trung tâm bảo tồn của NRICH đã loại bỏ chất gây ô nhiễm và mở các bản kinh và dùng giấy phục chế làm từ cây dầu tằm Hàn Quốc để tăng cường chống rách.

Trung tâm cũng đã sử dụng nhựa xenlulo để cố định bề mặt của các bản kinh vỏ cây để phục hồi chúng về trạng thái dễ đọc, giúp đọc được nội dung.

Nhóm phục chế cũng tìm thấy các chữ cái được xác định rõ ràng từ hình ảnh và các thành phần của sắc tố có chứa mực, bạc và sắt bằng hồng ngoại. Xác định niên đại bằng carbon phóng xạ cho thấy rằng các sách kinh

này có từ khoảng thế kỷ 15 đến thế kỷ 17.
(koreatimes.co.kr February 2, 2021)



Một khoa học gia bảo tồn đang làm sạch một bản kinh Phật giáo viết trên vỏ cây của Mông Cổ



Kinh Phật trên vỏ cây từ Mông Cổ trước và sau khi phục chế



Photos: Viện Nghiên cứu Di sản Văn hóa Quốc gia (NRICH) Hàn Quốc

MÃ LAI: Chùa Kek Lok Si thực hiện lễ thắp-sáng hàng năm thông qua trực tuyến

Penang, Mã Lai – Do đại dịch COVID-19, ngôi chùa Kek Lok Si 130 năm tuổi mang tính biểu tượng của Penang ở Air Itam chỉ được thực hiện lễ thắp-sáng hàng năm của bản tự thông qua phát trực tiếp trực tuyến.

Uy viên quản trị của chùa Kek Lok Si, ông Datuk Seri Steven Ooi, cho biết ngôi chùa sẽ được chiếu sáng đến tận pho tượng Quán Thế Âm và sảnh cao 33,6m trong suốt thời gian diễn ra lễ hội Tết Nguyên đán từ ngày 7- 2 đến 11- 3.

Ông cho biết ngôi đền vẫn chưa chắc chắn về một màn bắn pháo hoa vào ngày 7- 2 nhưng tất cả các đèn sẽ bật sáng cho đến ngày 11- 3 để công chúng xem.

Hơn 10,000 chiếc đèn lồng truyền thống của Trung Hoa cùng hàng ngàn đèn neon và đèn LED hiện đại sẽ khiến khu phức hợp chùa Phật giáo lớn nhất Đông Nam Á này rực rỡ để đánh dấu năm Tân Sửu vào tuần tới.

Nằm trên một ngọn đồi rộng lớn ở Jalan Air Itam, chùa Kek Lok Si được mệnh danh là viên ngọc quý trên vương miện của những ngôi đền di sản ở Malaysia, đồng thời được xác định là một trong những khu phức hợp đền thờ lớn nhất và tốt nhất Đông Nam Á.

(BERNAMA – February 3, 2021)



Chùa Kek Lok Si (Penang, Mã Lai)
Photo: BERNAMA

TÂN TÂY LAN: Chùa Phật Quang Sơn tổ chức Bữa tối Đoàn tụ nhân dịp đầu năm mới

Auckland, Tân Tây Lan - Gần đây, chùa Phật Quang Sơn đã tổ chức Bữa tối Đoàn tụ như một ghi chú mang tính kỷ niệm cho sự khởi đầu năm mới.

Tại sự kiện thường niên được dàn dựng liền mạch này, Ni sư trụ trì Manshin đã chia sẻ thông điệp "mỗi người vun đắp một trái tim nở hoa trong tất cả các mùa".

Một đội quân tình nguyện viên trẻ và nhiệt tình đã làm việc hậu trường với độ chính xác của kim đồng hồ để đảm bảo rằng 200 khách được chăm sóc chu đáo.

Trước bữa tối, những vị khách đặc biệt bao gồm các vị chức sắc lần đầu tiên được xem triển lãm 'Sự lộng lẫy trong Đồ thêu' tại Phòng trưng bày nghệ thuật Phật Quang Sơn.

Cuộc triển lãm tranh thêu hoàn hảo kéo dài đến ngày 11-4 (vào cửa miễn phí, mở cửa cho công chúng) này đã cho phép khách sử dụng kính lúp để xem những đường khâu tinh xảo trong các tác phẩm nghệ thuật tuyệt đẹp.

(times.co.nz - February 3, 2021)

Các vị khách đặc biệt tại Bữa tối Đoàn tụ tổ chức tại chùa Phật Quang Sơn



Khách xem tranh thêu tại Phòng trưng bày nghệ thuật Phật Quang Sơn
Photos: times.co.nz

HÀN QUỐC: Phật phái Jogye tái xuất bản cuốn sách in từ bản kim loại cổ xưa nhất

Jikji - cuốn sách cổ nhất thế giới được in bằng bản kim loại có thể di chuyển - đã được xuất bản bằng tiếng Hàn và tiếng Anh, Phật tông Jogye của Hàn Quốc cho biết vào ngày 31-1-2021.

Jikji, được viết bằng chữ Hán của nhà sư Baegun Gyeonghan, là tên viết tắt của một tài liệu Phật giáo với tên đầy đủ là "Jikji Sim-che Yojeol": "Tuyển tập các bài Thiên giảng của các đại sư Phật giáo".

Cuốn sách này được in vào năm 1377 tại chùa Heungdeok ở trung tâm thành phố Cheongju trong triều đại Goryeo (918-1392).

Tông phái Jogye xuất bản các bản dịch tiếng Hàn và tiếng Anh của Jikji lần đầu tiên vào năm 2005, và các bản mới nhất đã được hoàn thành thông qua việc xem xét và sửa lại trong suốt năm 2020.

Trong năm 2001, UNESCO đã xác nhận Jikji là



cuốn sách in bằng bản kim loại lâu đời nhất thế giới và đưa nó vào danh sách đăng ký của UNESCO về Ký ức Thế giới vào năm đó. Hiện cuốn sách được lưu giữ tại Thư viện Quốc gia Pháp ở Paris.

(Tipitaka Network - February 5, 2021)



Ấn bản Hàn ngữ và Anh ngữ của cuốn tài liệu Phật giáo cổ Jikji—Photo: Jogye Order

MIỄN ĐIỆN: Nhóm nhân quyền BHRN yêu cầu quân đội thả 3 nhà sư bị bắt vào ngày đầu tiên của cuộc đảo chính

Ngày 5-2-2021, Mạng lưới Nhân quyền Miễn Điện (BHRN) có trụ sở tại Luân Đôn (Anh Quốc) kêu gọi quân đội ở Miễn Điện "trả tự do ngay lập tức" cho 3 nhà sư Phật giáo, những người đã bị giam giữ trong một cuộc đảo chính quân sự hồi đầu tuần.

BHRN cho biết 3 nhà sư đã bị bắt giữ vào ngày 1-2 ở Mandalay và Yangon "như một phần của các cuộc bắt bớ rộng rãi dẫn đến cuộc đảo chính của quân đội."

"Ba nhà sư này là những nhân vật ôn hòa nổi tiếng vì đứng lên chống lại chủ nghĩa dân tộc tôn giáo độc hại."

Giám đốc điều hành của BHRN, Kyaw Win, cho biết: "Quân đội Miễn Điện từ lâu đã nuôi dưỡng mối quan hệ với các nhà sư theo chủ nghĩa dân tộc bạo lực và khiến những người tìm kiếm hòa bình và hòa hợp trong xã hội im lặng. Chư tăng đã đóng một vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy sự công bằng".

Ông nói: "Chúng ta không được quên họ trong lời kêu gọi của chúng ta cho tự do và công lý."

(aa.com.tr - February 6, 2021)

CANADA: 1,000 con hạc giấy được gấp cho nhân viên y tế ở Richmond, British Columbia (B.C)

Các tình nguyện viên của chùa Steveston đã gấp 1,000 con hạc giấy, biểu tượng của hy vọng và sự hồi phục, để giúp nâng cao tinh thần của các nhân viên chăm sóc sức khỏe khi đại dịch xảy ra nhân kỷ niệm ca nhiệm COVID-19 đầu tiên ở tỉnh B.C.

Keiko Go, một quản lý của ngôi chùa, và các tình nguyện viên khác đã gấp những con hạc trong nhiều tuần và đặt chúng lên những thanh tre.

"Chỉ để mang đến hy vọng và một thông điệp rằng chúng tôi rất cảm kích những gì họ làm cả ngày lẫn đêm", cô nói về các nhân viên y tế. "Tất cả chúng ta cùng đến với nhau."

Kaiko Go nói rằng cùng với biểu tượng của những con hạc, những thanh tre tượng trưng cho sự bình an và sức mạnh bên trong.

Nhà chùa hy vọng có thể giao những hạc giấy này cho các công nhân viên tại bệnh viện thành phố Richmond một khi an toàn. Cô Go cho biết bệnh viện hiện không thể nhận chúng do các biện pháp phòng ngừa an toàn đại dịch. Cô nói bệnh viện sẽ chia sẻ hình ảnh của những con hạc với các công nhân viên.

(NewsNow - February 8, 2021)



1,000 con hạc giấy dành cho công nhân viên bệnh viện Richmond



*Keiko Go, một tình nguyện viên quản lý của chùa Steveston ở Richmond, B.C (Canada)
Photos: CBC*

MIỄN ĐIỆN: Liên minh Tăng đoàn Hòa bình tuyên bố về cuộc đảo chính ở Miến Điện khi chư tăng tham gia biểu tình ủng hộ dân chủ

Tổ chức Phật giáo quốc tế Liên minh Tăng đoàn Hòa bình đã ra tuyên bố công khai tố cáo cuộc đảo chính quân sự gần đây ở Miến Điện.

Đây là một liên minh quốc tế được thành lập gần đây của các Phật tử dẫn thân.

Khi các cuộc biểu tình và đình công ủng hộ dân chủ tiếp tục diễn ra, các tăng ni Phật giáo đã tham gia cùng hàng chục ngàn người biểu tình dân sự tuần hành tại các thị trấn và thành phố trên khắp quốc gia Đông Nam Á này. Họ phản đối việc quân đội loại bỏ và giam giữ các nhà lãnh đạo được bầu cử dân chủ của Miến Điện vào ngày 1-2-2021 và kêu gọi khôi phục nền dân chủ.

Tại Yangon, thành phố lớn nhất của Myanmar, các nhóm tăng ni Phật giáo diễu hành cùng với sinh viên và

công nhân, trong bối cảnh có nhiều lời kêu gọi ủng hộ chiến dịch bất tuân dân sự công khai. Các cuộc biểu tình vào ngày 7-1 được cho là lớn nhất kể từ "Cuộc cách mạng Y vàng" năm 2007 do các nhà sư Phật giáo dẫn đầu, dẫn đến cải cách dân chủ ở Myanmar.

(Buddhistdoor Global - February 08, 2021)



Chư tăng tham gia biểu tình ủng hộ dân chủ tại Miến Điện



Peace Sangha Union

Biểu trưng của tổ chức Phật giáo quốc tế Liên minh Tăng đoàn Hòa bình

Photos: Buddhistdoor

TÍCH LAN: Các nhà sư Tích Lan truyền giới cho cây họ đậu cuối cùng

Ngày 8-2-2021, các nhà sư Phật giáo Tích Lan đã truyền giới cho mẫu vật duy nhất được biết đến trên thế giới của một loài cây địa phương, trong nỗ lực ngăn nó bị đốn hạ để dọn đường cho một đường cao tốc.

Cây Họ Đậu Tích Lan (*Crudia zeylanica*) được phân loại lần đầu tiên vào năm 1868 và được tìm thấy lần cuối vào năm 1911. Năm

2012, nó đã bị tuyên bố tuyệt chủng, cho đến khi có phát hiện bất ngờ về một cây đơn độc ở phía bắc Colombo vào năm 2019.

Nhưng cây cao 8 mét (26 foot) nổi trên đã nằm trong kế hoạch bị đốn hạ trong tuần này - để cho phép xây dựng đường cao tốc đến thành phố hành hương trung tâm Kandy - cho đến khi các nhà môi trường lên tiếng báo động và kêu gọi sự giúp đỡ.

Nhà sư Phật giáo Thangalle Saarada tức tốc đến địa điểm vào ngày 8-2, và cùng với một số người khác, đã ban phước cho cây và buộc một chiếc y màu nghệ tấy quanh thân cây trong khi thực hiện các bài tụng kinh thiêng liêng.

Sư Saarada nói sau khi buộc chiếc y và tưới nước ban phước: "Cây này bây giờ tượng trưng cho một nhà sư. Chúng tôi muốn cứu cái cây khỏi chính phủ."

Hành động từ tâm của các nhà sư được kỳ vọng sẽ cứu được cái cây, với việc Phật giáo nhận được sự tôn trọng rộng rãi ở quốc đảo 21 triệu dân, nơi tôn giáo này chiếm đa số.

(AFP - February 10, 2021)



*Các nhà sư Tích Lan truyền giới cho cây Họ Đậu Tích Lan (Crudia zeylanica) cuối cùng
Photos: AFP & newsfirst.lk*

NGA: Hội nghị Phật giáo Châu Á vì Hòa bình sẽ không bao giờ công nhận Đạt lai Lạt ma do Trung Quốc bổ nhiệm

Moscow, Nga - Ngày 10 tháng 2 năm 2021, Telo Tulku Rinpoche - nhà lãnh

đạo tinh thần Phật giáo Tây Tạng của người Kalmyk và là người đại diện của Đức Đạt lai Lạt ma ở Nga, Mông Cổ và các nước SNG - nói với Sputnik rằng: Hội nghị Phật giáo Châu Á vì Hòa bình đã quyết định rằng người Tây Tạng sẽ không bao giờ công nhận một ứng cử viên cho hóa thân mới của Đạt lai Lạt ma thứ 14 do Trung Quốc lựa chọn.

Phật tử vẫn tin rằng chỉ có vị quyền Đạt lai Lạt ma (Đức Đạt Lai Lạt Ma thứ 14, Tenzin Gyatso, đang sống lưu vong tại Ấn Độ) mới có thể quyết định nơi nào và làm thế nào để tìm kiếm sự tái sinh tiếp theo.

"Vấn đề xác định và công nhận một hóa thân mới của Đạt lai Lạt ma là điều tối quan trọng không chỉ đối với Phật tử ở Tây Tạng, mà còn đối với Mông Cổ, vùng Hy Mã Lạp Sơn và các vùng Phật giáo của Nga, nơi việc giảng dạy Phật giáo Tây Tạng do Đức Đạt lai Lạt ma lãnh đạo đang được công khai tuyên bố. Tất cả đều bình đẳng trong việc thảo luận vấn đề tôn giáo độc quyền này, không liên quan gì đến chính trị. Vì vậy, người ta chỉ có thể hoan nghênh nghị quyết được thông qua bởi các tổ chức tôn giáo tham gia Hội nghị Phật giáo Châu Á vì Hòa bình", Telo Tulku Rinpoche nói.

(Spunik - February 10, 2021)



Telo Tulku Rinpoche - nhà lãnh đạo tinh thần Phật giáo Tây Tạng của người Kalmyk và là người đại diện của Đức Đạt lai Lạt ma ở Nga, Mông Cổ và các nước SNG

Photo: NewsonRadar

HOA KỲ: 84000 thông báo xuất bản Lịch sử của một Kinh Phật lớn chưa từng có bằng tiếng Anh

Nhân dịp Năm Mới Âm lịch Tân Sửu, tổ chức phi lợi nhuận toàn cầu '84000: Dịch Những Lời Phật dạy' (Colorado, Hoa Kỳ) thông báo xuất bản bản dịch mới của một kinh điển quan trọng được gọi là 'Ứng dụng chánh niệm của Đạt-ma linh thiêng'. Bản kinh này, một trong những bản văn dài nhất của Kinh điển Phật giáo Tây Tạng, chưa từng được dịch đầy đủ bằng tiếng Anh trước đây.

Với 2,158 trang tiếng Tây Tạng, 'Ứng dụng chánh niệm của Đạt-ma linh thiêng' là một bản trình bày phong phú về các cõi luân hồi (samsāra), một kho tàng Pháp rộng lớn, và một tác phẩm văn học thể giới sáng lạn vốn nổi bật như một trong những tác phẩm văn học vĩ đại nhất của Ấn Độ cổ điển.

Bản dịch tiếng Anh mới này cũng là sản phẩm của nhiều dịch giả và biên tập viên - lần này, trên khắp thế giới - cộng tác trong nhiều năm. Khởi động bởi Ủy ban Dịch thuật Dharmachakra vào năm 2015, việc dịch thuật mất gần bốn năm để thực hiện. Công việc biên tập và kỹ thuật tiếp theo được thực hiện tại 84000 mất thêm hai năm.

Giờ đây, cuối cùng, 'Ứng dụng chánh niệm của Đạt-ma linh thiêng' đã được xuất bản, được đánh dấu bằng các tính năng chú giải tương tác, và sẵn sàng tải xuống miễn phí bởi các học giả, người tu tập, nhà sử học và độc giả quan tâm trên khắp thế giới.

(Buddhistdoor Global - February 11, 2021)

VUỐT RÂU (*)

*Trên đời quý nhất có bộ râu,
Khi buồn ta vuốt để quên sầu,
Dưới cằm một bụi vừa ngang rón,
Trên má hai chòm tiếp với râu.
Trông kỹ in tuồng như Đạt Ma,
Nhìn qua có vẻ giống Quan Hầu.
Râu ta nào phải là râu cọp ?
Buồn thì cứ vuốt có sao đâu.*

HT. THÍCH QUẢNG ĐỘ

Kính họa nguyên Vận :

Kính họa 1

*Nam nhi chi chí, kiếp mày râu,
Cứ vuốt nhưng tâm chẳng vương sầu,
Vùng vẫy dọc ngang nên gắng sức,
Hiên ngang xuôi ngược đoạt công đầu.
Xả buông danh lợi như Đạt Ma,
Ghi khắc tuổi tên tựa Quan Hầu.
Bảy nổi ba chìm bao sồn chí ?
Hơn thua thắng bại sợ gì đâu ?*

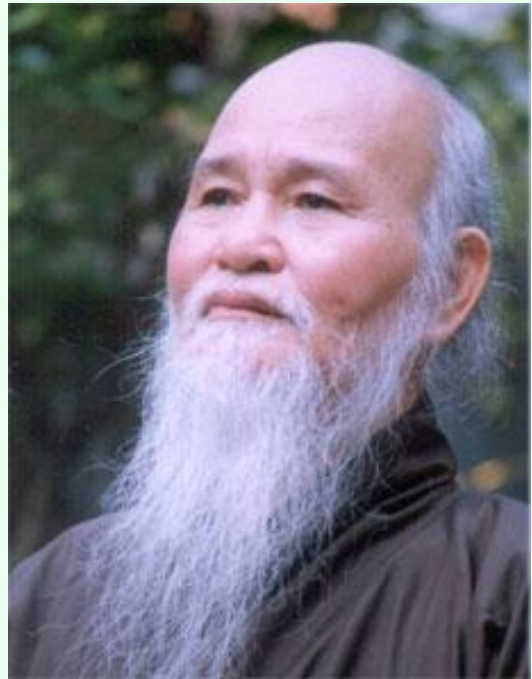
Kính họa 2 :

*Mỹ Nhiệm Công (1) đẹp với bộ râu,
Nhưng vẫn đêm đêm dạ vương sầu,
Tào Tháo bao phen lo nát óc,
Trương Liêu (2) mấy bận dụ về đầu.
Thái Bình (3) luyện chí như Đạt Ma,
Dung Đạo (4) thi ân tựa Quan Hầu.
Tù tội thân tâm đều bất động,
Râu dài cứ vuốt ngại gì đâu ?*

thơ

ĐNT TÍN NGHĨA

Kính họa



HÒA THƯỜNG THÍCH QUẢNG ĐỘ
(1928—2020)

Ghi chú :

(*) Bài "Vuốt Râu", ngày 04-02-2000 - Phật lịch 2543, Tín Nghĩa tui gọi phone về thăm và cho Ngài biết sẽ có người nhà đến thiền viện để cúng dường tịnh tài. Hòa thượng vui vẻ nhận tất cả tấm lòng của Tín Nghĩa tui.

Hòa thượng hỏi : Thầy là đệ tử của Ngài nào ngoài Huế ?

Dạ thưa Hòa thượng, Sư phụ của con là Đại lão Hòa thượng Thích Mật Hiền, tọa chủ Trúc Lâm Đại Thánh tự, Cổ đô Huế.

Quý hóa quá, tôi có biết về Ngài.

Hòa thượng bảo : Gửi lại cho Hòa thượng và cả bài họa nguyên vận nữa ; Vì để đâu tìm không ra và già rồi nên bài của tôi cũng không còn nhớ chính xác. Cả hai bài thơ xướng họa đều có đăng trong Tạp chí Nguồn Sống số 7 & 8 tháng 01 năm 1987 do chư Tăng trẻ miền Bắc California chủ trương.

Hôm nay, ngày 10 tháng 10 năm 2020, tác giả tập thơ "Trúc Lâm Thiển Phái - Tập II" chuẩn bị xuất hiện, khi lục lại chồng sách cũ thì gặp được bài thơ lưu niệm này giữa Ôn Quảng Độ và tôi, nên cũng xin đưa vào tập thơ này làm lưu niệm.

1.- Mỹ Nhiệm Công là ông râu đẹp, chỉ cho Quan Văn Trường mà Tào Tháo đã tặng.

2.- Trương Liêu là bạn thân của Quan Hầu, sau về đầu Tào Tháo, Tào Tháo nhờ lên núi Thổ San để chiêu dụ Quan Hầu.

3.- Thái Bình là tỉnh nhà của Hòa thượng Quảng Độ, ngài đã bị đưa về đây để quản thúc trên mười năm.

4.- Đạo Dung là con đường ở núi Hoa Dung, Quan Văn Trường tức Quan Hầu đã tha chết cho Tào Tháo. Vì Quan Công muốn đền trả cái ân Ba ngày tiểu yến, Bảy ngày đại yến mà Tào Tháo đã thết đãi cũng như để mua chuộc Quan Hầu.

BIỆN TRUNG BIÊN LUẬN TỤNG THÍCH

(Giải thích những bài Tụng của bộ luận Biện Minh Trung Đạo
và Nhị Biên, trích từ trong **Thái Hư Toàn Thư**)

Dịch Giả: **THÍCH THẮNG HOAN**

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

(tiếp theo kỳ trước)

5>Xứ Phi Xứ Thiện Xảo:

Bài Tụng:

**“Nơi Phi Ái, Ái, Tịnh, Câu Sanh, và
Thắng Chủ, Đắc, Hành không tự tại; là
nghĩa xứ phi xứ.”**

Giải Nghĩa:

Bài Tụng đây là giải thích Xứ Phi Xứ Thiện

Xảo mà phá trừ chấp trước có Ngã Tự Tại. Tụng nói rằng nơi Phi Ái (nơi không ham muốn) là hiển bày quả Phi Ái không có khả năng tự tại, như con người nguyên là không có ý nguyện phi ái (ham muốn) đọa Địa Ngục, nhưng mà do nghiệp tội cho nên phải đọa Địa Ngục. Lại nữa như mỗi con người đều không ý nguyện phi ái chịu khổ về lão bệnh tử, nhưng mà do nghiệp đã thuần thực cho nên không thể không thọ khổ về lão bệnh tử. Đây chính là nơi Ái không khả năng tự tại, nghĩa là như có người nhờ phước nghiệp của họ mà được thọ phước báo và phước báo của họ được thọ nhận không phải do họ mong cầu mà được kết quả, đây cũng gọi là không tự tại. Nơi thanh tịnh không tự tại, nghĩa là quả nhất định phải do nhân và nhân thành thực thì mới cảm thọ được quả, như trì Ngũ Giới thì được sanh lên cõi Trời và cõi Người, tu Thất Giác Chi thì chứng được Niết Bàn, nhưng muốn chứng Vô Thượng Bồ Đề thì nhất định phải tu đầy đủ Phước Huệ song hành. Câu Sanh Không Tự Tại, nghĩa là ở nơi một trong ba ngàn Đại Thiên Thế Giới không có hai Phật Đà, như Ta Bà Thế Giới này đồng thời chỉ có một Phật Thích Ca mà thôi. Đến



HT Thắng Hoan

nư ở đời gọi người nào đó là Phật Sống, đây chỉ là lối nói khách sáo mà thôi. Nơi một Tiểu Thế Giới đồng thời cũng chỉ có một Chuyển Luân Thánh Vương mà không có Thánh Vương thứ hai, đây gọi là Câu Sanh Không Tự Tại. Thắng Chủ Không Tự Tại nghĩa là chỉ cho danh hiệu của Phạm Vương, Đế Thích, Chuyển Luân Thánh Vương, v.v... Chỗ thần thể để nương tựa của các vị ấy tất nhiên phải thân nam thì mới có thể làm Thế Thắng Chủ. Chứng Đẳng Không Tự Tại, nghĩa là nơi Quả Phật và quả Bích Chi Phật cũng phải thân nam thì mới có thể chứng đặng. Hiện Hành Không Tự Tại, nghĩa là như người đã chứng Sơ Quả nơi Thiện Câu Sanh thì nhất định hạnh sát sanh không thể sanh khởi trở lại, nhân vì họ đã đoạn trừ dứt nhân ác pháp. Sơ Quả đã là như thế, ngoài ra Thánh Quả nhất định cũng không bị ác hạnh tái diễn. Nơi Phạm Phu cũng có rất nhiều quyết định không thể hạn lượng được, như khi đức Phật còn tại thế vua Lưu Ly muốn tiêu diệt dòng họ Thích, đức Phật quán thấy đây chính là nghiệp đã thuần thực, không có phương pháp nào có thể cứu vãng được, nhưng Mục Kiên Liên bạch Phật: con có thể dùng thần thông đem hết dòng họ Thích cứu vào trong cõi Không. Đức Phật trả lời: ông có thể cứu dòng họ Thích thì cũng có thể đem nghiệp lực của tất cả chúng sanh an trí vào trong cõi Không hay sao? Mục Kiên Liên làm thỉnh. Hiện tại người đời hành động độc ác đối với chúng ta đó cũng là cộng nghiệp chiêu cảm của chúng ta, mặc dù trong cộng nghiệp chiêu cảm nói trên có một người phát khởi năng lực tu thiện định thì lúc đó họ chẳng qua chỉ giải thoát

được một người mà thôi, còn đại nghiệp của cộng đồng thì khó có thể chuyển hoá toàn bộ được. Cho nên công nghiệp thì rất rộng lớn, trong trường hợp nghiệp đã thuận thực, ngay lúc đó có người phát tâm tu hành thì những thứ nhân đã tu tập được sẽ đem công nghiệp khiến cho giảm nhẹ trong tương lai, mặc dù họ ở trong hoàn cảnh khổ mà ngược lại không cảm thấy khổ trước những điều khó khăn nài và lại còn thọ nhận những điều thuận lợi. Hết sức quan trọng ở chỗ là đã không thọ lấy quả khổ mà còn cần phải quyết định không được tạo thêm nghiệp nhân ác mới, hoặc cần phải chữa trị nghiệp ác tích lũy lâu đời khiến được giảm thiểu. Cho nên ở trong Phật Pháp tin hiểu chân chính là phải ngăn ác hành thiện và nương nơi đó để tu hành thì có thể được giải thoát. Nếu không được như thế mặc dù cầu Phật để cứu độ thì cũng vô dụng. Như A Nan đệ tử của Phật, ông nguyên vì tu hành chưa chứng quả, lúc nào cũng nương tựa ý lại nơi Phật, rốt cuộc cũng không thoát khỏi nạn Ma Đăng Già. Đây là lời dạy chân thật, nghĩa là nương nơi nhân thì được nơi quả. Bày ý nghĩa như thế chính là giải thích rõ đạo lý có Xứ (có chỗ) có khả năng tự tại và có Phi Xứ (có không chỗ) tất nhiên không khả năng tự tại.

6> Căn Thiện Xảo:

Bài Tụng:

“Căn nơi Thủ, Trụ, Tục, Dụng, hai Tịnh, Tăng Thượng.”

Giải Nghĩa:

Câu Tụng đây là giải thích Căn Thiện Xảo. Chữ Căn là nghĩa tăng thượng, gồm có hai mươi hai loại, có khả năng phát khởi công dụng tăng thượng của sáu Thức để nhận lấy sáu Trần, cho nên sáu Căn (như Nhãn Căn, Nhĩ Căn, v.v... Ý Căn) đây gọi là Thủ (nhận lấy). Lại nữa chúng ta khi ngủ mê, v.v... mà vẫn sinh hoạt như người chưa ngủ (mộng du), đây chính là mạng căn và cũng gọi là Trụ Tăng Thượng. Tục Tăng Thượng, nghĩa là hai Căn của nam nữ có thể khiến cho gia tộc nối tiếp liên tục không dứt. Dụng Tăng Thượng, chữ Dụng nghĩa là thọ dụng, tức là có thể thọ dụng năm Thọ Căn như: Khổ, Lạc, Ưu, Hỷ, Xả. Xả Thọ trong đây chính là thọ bình thường không phải khổ không phải lạc. Hai Tịnh, chính là thanh tịnh của thể gian và thanh tịnh của xuất thế gian. Tín, v.v... năm Thiện Căn là năng lực thể gian tăng thượng; đã biết, chưa biết, biết đầy đủ là ba vô lậu Căn thuộc về năng lực xuất thế thanh tịnh tăng thượng. Trước khi chưa chứng quả Thánh nghĩa là sẽ vào kiến đạo, trường hợp đây gọi là chưa tri căn; đã chứng quả Thánh, đã biết Tứ Đế, trường hợp đây gọi là đã tri căn; đã thành A La Hán và đã thành Phật, trường hợp đây gọi là tri căn đầy đủ. Ba Căn

nói trên là thuộc về Thiên Pháp Xuất Thế. Còn Căn Tăng Thượng thì không phát xuất hai mươi hai loại Căn. Hai mươi hai loại Căn gồm có: sáu Căn (Nhãn Căn, Nhĩ Căn, v.v...) cộng thêm Mạng Căn, cộng thêm hai Căn Nam Nữ thì thành chín Căn; chín Căn cộng thêm năm Căn nữa (Khổ, Lạc, v.v...) thì thành mười bốn Căn; mười bốn Căn cộng thêm năm Căn nữa (Tín, Tấn, v.v...) thì thành mười chín Căn; mười chín Căn cộng thêm ba Căn sau (ba Vô Lậu Căn) thì trở thành hai mươi hai loại Căn. (Ba Vô Lậu Căn gồm có: 1- Vị Tri Dục Tri Căn, nghĩa là Căn chưa nghe biết chân lý Tứ Đế nay muốn nghe biết, đây thuộc về ngôi vị Kiến Đạo. 2- Dĩ Tri Căn, nghĩa là Căn đã biết rõ chân lý Tứ Đế, đây thuộc về ngôi vị Tu Đạo. 3- Cụ Tri Căn, nghĩa là Căn đã biết rõ chân lý Tứ Đế và còn đoạn trừ xong các phiền não, đây thuộc về ngôi vị Vô Học. Ba Vô Lậu Căn này được trích trong Từ Điển Phật Học Huệ Quang) Nơi có khả năng tác dụng Tăng Thượng thì không phát xuất hai mươi hai loại căn này.

7> Thế Thiện Xảo:

Bài Tụng:

“Nhân quả đã chưa thọ dụng, thì nghĩa ba đời nên biết.”

Giải Nghĩa:

Câu Tụng đây là giải thích ba đời. Nhân đã thọ dụng mà quả còn hiện tại, đây gọi là hiện tại; nhân quả đều đã thọ dụng, đây gọi là quá khứ; nhân quả đều chưa thọ dụng, đây tức là vị lai. Tất cả pháp phạm đã có đầy đủ nhân quả mà chưa có nghĩa thọ dụng thì đều được ghép vào Thế Thiện Xảo.

8> Đế Thiện Xảo:

Bài Tụng:

“Thọ và Thọ Tư Lương, các Hành sở nhân kia, hai Tịch Diệt, đối trị: là nghĩa Đế nên biết.”

Giải Nghĩa:

Bài Tụng đây là giải thích nghĩa Tứ Đế. Các thứ tư lương của được thọ và khổ thọ chính là Khổ Đế. Nhân của các thứ Khổ Thọ kia chính là Tập Đế. Công năng diệt trừ hai đế Khổ và Tập chính là Diệt Đế. Công năng Chánh Hạnh đối trị Khổ và Tập chính là Đạo Đế. Đó là nghĩa của Tứ Đế.

9> Thừa Thiện Xảo:

Bài Tụng:

“Do công đức lỗi lầm, và Trí vô phân biệt; Y Tha, tự thoát ly khỏi, là nghĩa Thừa nên biết.”

Giải Nghĩa:

Bài Tụng đây là giải thích nghĩa ba Thừa. Thừa là nghĩa chuyên chở, tức là chỉ cho khả năng chuyên chở từ biển sanh tử đến thành Niết Bàn. Thừa đây có ba hạng: Theo bài

Tụng do các công đức lỗi lầm chính là nói Thánh Giả ba Thừa. Người nào nếu như nghe đến chỗ lỗi lầm của công đức sanh tử mà được thoát ly khỏi, đây là hạng Thịnh Văn Thừa. Người nào chưa được nghe đến chỗ công đức lỗi lầm của sanh tử của niết bàn kia mà tự mình giác ngộ được và thoát ly khỏi, đây là hạng Độc Giác Thừa. Người nào không từng nghe đến chỗ công đức lỗi lầm của sanh tử của niết bàn mà tự nhiên phát khởi trí vô phân biệt và được thoát ly khỏi, đây là hạng Đại Thừa. Những nghĩa của Thừa đây cần phải hiểu biết.

10> Hữu Vi Vô Vi Thiện Xảo:

Bài Tụng:

"Nghĩa hữu vi vô vi: gọi nếu là giả, nếu là nhân, nếu là tướng; nếu là vắng lặng, nếu nghĩa sở quán kia."

Giải Nghĩa:

Bài Tụng đây là giải thích nghĩa của pháp hữu vi và vô vi. Một câu trước là nói chung, ba câu sau là giải thích riêng biệt. Nếu là giả, nếu là nhân, nếu là tướng chính là giải thích hữu vi. Giả đây nghĩa là các pháp chỉ có giả danh, không có thật thể. Nhân đây nghĩa là Tạng Thức thân nhiếp các chủng tử. Tướng đây nghĩa là khí thể giới của y báo và căn thân của chánh báo, sáu trần cảnh của chỗ thọ dụng, năm Thức tướng năng thủ cảnh hiện lượng, Thức thứ sáu năng tư duy, cho đến Thức thứ bảy năng hằng thẩm tư lương, tất cả đều bao gồm ở trong Tướng. Như thế nếu là giả, là nhân, là tướng thảy đều thuộc về hữu vi. Nếu là tịch tịnh, nếu là nghĩa sở quán, chính là giải thích vô vi. Nguyên do Niết Bàn và Đạo Đế có thể chứng đắc, cho nên tất cả đều thuộc về tịch tịnh. Nếu là nghĩa của sở quán thì cảnh sở quán đây thuộc về chân như của bản tánh Niết Bàn, nhờ chân như này trí vô phân biệt mới có thể duyên được cảnh chân thật.

(còn tiếp)

XƯƠNG:

THƯỜNG TRÀ THIÊN

*Sáng ra tập thơ thường thiên trà
Quán niệm âm thầm nhắc nhở ta
Thế sự đa đoan thôi vương bận
Đạo tâm nhất niệm quảng lo xa
Hơn-thua được-mất sương treo cỏ
Thắng-bại thành-hư gió giỡn hoa
Nhân ngã tranh giành chông chát khổ
Sanh già bệnh chết một đời qua!*

HOẠ 1:

SUY NGẪM

(Đào vĩ vận)

*Bao mùa lá đỏ đã trôi qua
Gió bụi mưa sa chan kiếp hoa
Nhân-ngã thị-phi gieo rắc khổ
Trò đời dâu bể vẽ chia xa
Thôi đừng rong ruổi, về bên Phật
Khép lại phiêu lưu, trở lại ta
Của báu xưa nay toan mở lấy
Gia tài sẵn có thưởng hương trà.*



HOẠ 2:

CẢNH KHUYA

*Đêm khuya thức dậy nhấp chung trà
Bên cạnh hiên thiên sương nhẹ sa
Vạn vật im lìm nơi phố vắng
Mây trời lờng lờng cuối trời xa
Thanh bình tự tại trăng soi cỏ
Tĩnh mịch thông dong gió lộng hoa
Nhiếp niệm quay về nơi giác tánh
Lắng nghe duyên khởi dệt sơn hà.*

California, 09-01-2021

thơ

TRÚC NGUYỄN
THÍCH CHỨC HIỀN
(cảm đề)

LÁ THƯ NGÀY TẾT

Kính đảnh lễ Chư Tôn Trưởng Lão

Kính gởi Huynh đệ Bốn chúng,

Ngày đầu xuân, kính gởi đến Đại chúng niềm vui trong Chánh pháp, cùng chia sẻ Pháp lạc trong Giáo pháp hiện thế của Đức Thích Tôn, cùng hướng đến Giáo nghĩa đương lai của Đức Từ Tôn Vô Năng Thắng.

Trong những chu kỳ thành-trụ-hoại-không của thế giới, trong cái cộng nghiệp và biệt nghiệp của mỗi chủng loại, của mỗi dân tộc, nhân loại đã và đang trải qua những biến đổi trong thế giới tự nhiên, những biến động trong xã hội loài người, làm thay đổi tư duy của con người từ giáo nghĩa, giáo điều, tín lý của các tôn giáo, các hệ tư tưởng, gây nên những thế kỷ xung đột, bạo hành, chiến tranh, giữa các dân tộc, các tôn giáo.

Trong những cộng nghiệp và biệt nghiệp ấy, dân tộc Việt Nam cũng đang trải qua những biến đổi trầm trọng, từ hình thái tổ chức xã hội cho đến định hướng tư duy. Phật giáo Việt Nam cũng đã và đang chịu những thử thách lớn của thời đại, không chỉ xuất hiện những hình thái sinh hoạt biến đổi theo cơ cấu tổ chức của một xã hội tiêu thụ, mà chính trong tư duy cũng biểu hiện những giá trị lệch hướng, định hướng theo thị hiếu quần chúng, thỏa mãn nhu cầu tri thức thấp kém, những giá trị thế tục phù phiếm.

Khi mà những người học Phật bị mê hoặc bởi các giá trị thế tục, diễn giải giáo nghĩa theo kiến thức nhạt lợm từ những thành tựu vật trong xã hội tiêu thụ, chánh kiến mờ nhạt dần, và Chánh pháp được thay thế bằng tượng pháp; vàng thật được thay thế bằng vàng giả, như Đức Phật đã giải thích cho Tôn giả Đại Ca-diếp: Khi vàng giả xuất hiện trong thị trường tiêu thụ, vàng thật biến mất. Đây là quy luật cần được hiểu theo ý nghĩa kinh tế học. Do bản thân vàng giả không hàm chứa giá trị nội tại, người tiêu thụ dễ dàng phung phí. Từ đó, tạo ra ảo tưởng về một xã hội phồn vinh, mà nhất định nó sẽ dẫn đến sự sụp đổ. Cũng vậy, những giá trị phù phiếm của tượng pháp vẽ ra ấn tượng hư cấu về một thời kỳ hưng thịnh của Chánh pháp, đồng thời cũng hàm chứa tín hiệu cho sự suy tàn tất yếu.

Phật giáo Việt Nam, trong hiện tại đang chứng kiến hiện tượng trăm hoa đua nở, mà bất cứ ai, có trí hay không có trí, có học hay không học, có đạo hay vô đạo, đều có thể phát ngôn tự ý và tự gán cho đó là Phật ngôn mà không thể tìm thấy bất cứ đâu trong kho tàng Thánh điển; được diễn giải tùy tiện nhằm thỏa mãn thị hiếu vật dục thấp hèn. Như một dự ngôn đã báo trước bằng ẩn dụ: đem vàng đi đổi củi; mang giáo nghĩa giải thoát cao thượng đổi lấy những giá trị thế tục được cho là giá trị văn minh thời đại.

Quả thực, với những hiểu biết giáo lý nông cạn không được thực chứng qua công phu tu tập, tu trì nghiêm mật, giữa thời đại mà nhiễu loạn thông tin đang là công cụ đắc lực cho các tham vọng quyền lực, đam mê tài sản, hấp dẫn tiêu thụ, thật khó mà phân biệt thật với giả, chánh tín với tà tín và cuồng tín. Đó là hiện tượng mà ngày nay nó được gọi là sự nhiễu loạn thông tin qua các mạng truyền thông xã hội.

Nhiều loạn thông tin, tuyên truyền phổ biến những giá trị hư cấu, có thể nói, cũng được tìm thấy, từ xa xưa, như là tín hiệu xã hội cho các giai đoạn thăng trầm của các cộng đồng dân tộc và tôn giáo. Những giá trị hư cấu được phổ biến gây nên ảo giác về một xã hội phồn vinh; cũng vậy, Phật ngôn hư cấu tác thành vọng tưởng về sự hưng thịnh của Chánh pháp, và lịch sử quá khứ cũng như hiện tại đã và đang chứng kiến sự suy thoái đạo đức trong các chúng đệ tử Phật.

Tuy nhiên, như mặt trời giữa hư không, sau những lúc bị mây mù, khói bụi che khuất, rồi cũng xuất hiện tỏa sáng thế gian. Cũng vậy, mặt trời trí tuệ, vốn là Giác tính uyên nguyên của mọi loài chúng sinh, trong sinh tử trường kỳ bị che lấp bởi khách trần phiền não, rồi cũng sẽ bừng sáng khi nhân duyên hội đủ. Đạo Phật Việt Nam, kể từ thời dựng nước, độc lập và tự chủ, đã dung hội giác tính trong nhất thể dân tộc, trải qua những thăng trầm, vinh nhục của lịch sử, vẫn tự tin và đứng dậy từ những sụp đổ đau thương.

Vũ trụ xoay vần trong các chu kỳ thành-trụ-hoại-không, thiên nhiên xoay vần trong bốn mùa xuân-hạ-thu-đông, những người con Phật, qua các giai đoạn thịnh suy, bĩ thái của dân tộc và nhân loại, vẫn hướng đến tương lai trong ánh sáng Từ bi và Trí tuệ, trong ngày Xuân Di-lặc, trong nụ hoa vi tiếu của Đức Từ Tôn Vô Năng Thắng.

Kính chúc đại chúng ngày Xuân tăng ích và an lạc trong Chánh Pháp.

Nam-mô Đương lai Thế Tôn Từ Thị Vô Năng Thắng

Phật lịch 2564, Xuân Tân Sửu, 2021

Thiện Thệ Tử Thích Tuệ Sỹ

ĐỊNH HÌNH CON ĐƯỜNG TU CHỨNG TRONG KINH PHÁP HOA

Thích Nguyên Siêu

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

Đức Phật đã dạy: "Nhất thiết chúng sanh giai hữu Phật tánh." Tất cả mọi loài, ai cũng có cái tánh làm Phật. Mình hiểu lời Phật dạy một cách nộn na như vậy. Bước thêm bước nữa, để hiểu Phật tánh là tánh giác ngộ. Tánh giải thoát. Tánh không còn ô nhiễm, vô minh. Cái tánh mà trong Kinh Pháp Hoa, Phật nói:

"Đức Phật vì một Phật sự lớn mà thị hiện nơi đời, đó là Khai, Thị chúng sanh - Ngộ, Nhập Phật tri kiến. Bốn chữ: Khai, Thị, Ngộ, Nhập là con đường độ sinh của Phật, mà cũng là chỗ ách yếu cho những ai tinh tấn tu trì để giác ngộ thành Phật".

Hai chữ Khai, Thị là của Phật. Còn hai chữ Ngộ, Nhập là của chúng ta. Phật vì lòng Từ Bi, Trí Tuệ mà phương tiện quyền xảo mở bày dưới mọi phương thức, hành động, giáo dục mà không đóng kín cửa con đường giác ngộ. Con đường giác ngộ rộng thênh thang. Bầu trời giác ngộ không có ngăn mé, giới hạn. Giáo Pháp của Phật là giáo pháp thật chứng, là giáo pháp công truyền cho những ai đến để thấy. Cánh cửa thật tu thật chứng đã mở cho tất cả mọi căn cơ, trình độ. Cánh cửa vô sanh, bất tử đã hiển bày. Đức Phật đã mở bày cho chúng ta qua giáo pháp Tứ Thánh Đế, Bát Thánh Đạo... Để từ đó, chúng ta:

Khai: Phật mở rộng tất cả các pháp môn khai, quyền, hiển, thật... Mở ra con đường tu tập chấm dứt khổ đau. Mở ra con đường tu chứng thánh quả Vô Thượng Bồ Đề. Mở ra giáo pháp Tri kiến Như Lai, Phật thừa thánh đạo.

Thị: Phật chỉ cho chúng ta thấy đây là khổ các con phải thấy. Mà thấy thì chúng ta phải đoạn tận nguyên nhân của Khổ - Tập. Sau khi thấy Khổ là hậu quả của nhân tức Tập, mà tiến lên một bước nữa là Diệt và Đạo: Tu để chứng. Như vậy, Phật chỉ cho chúng ta thấy một cách rõ ràng Khổ Tập là nhân quả của thế gian, cần phải chấm dứt. Diệt, Đạo là nhân quả của xuất thế gian để tu mà chứng.

Ngộ: Giác ngộ. Liễu tri. Hiểu biết một cách tường tận về sự Khổ. Thấy rõ sự mê mờ, tối tăm của các hành vô minh, tham dục, khát ái, để ly khai chúng, dập tắt không cho sinh khởi, mà một khi dập tắt vô minh, đoạn trừ tham dục và khát ái thì một trời giác ngộ hiện bày. Tham, sân, si không còn. Vô tham, vô sân, vô si hiển hiện. Trời chân như tỏ rõ, hiện tiền:

*"Nhất nhưn phát chơn quy nguyên
Thập phương thế giới tận thành tiêu
vẫn."*

Khi chúng ta phát tâm tu tập để trở về với bản tánh chân thật, thì cảnh giới mê mờ, lầm chấp, vô minh trụ địa, vọng tưởng trước đó đều tiêu mất không còn tồn tại. Điều này giống như người nhắm mắt nhìn vào hư không thì thấy đầy trời hoa đốm. Nhưng khi hết nhắm mắt rồi thì nhìn vào hư không thấy rỗng suốt, vắng trong, không thấy có hoa đốm nữa.

Nhập: Sau khi chúng ta đã ngộ được lời Phật dạy: Như pháp câu không. Ngã, ngã sở đều giả có mà không thật. Tất cả các pháp đều không tánh - như lời Kinh Bát Nhã: "Thị chư pháp không tướng, bất sanh, bất diệt, bất cấu, bất tịnh, bất tăng, bất giảm" thì thênh thang mà bước vào thế giới chân như, Thường, Lạc, Ngã, Tịnh. Một thế giới tuyệt đối an lạc. Vậy trước khi bước vào thế giới an



lạc tuyệt đối này cần phải rũ bỏ tất cả mọi huyền hoặc của phàm tình để có được tri kiến Phật. Phương tiện có Khai, có Thị, có Ngộ, có Nhập một cách rất ráo mà có được tri kiến Phật. Đây chính là định hướng con đường tu chứng của Kinh Pháp Hoa. Ngoài ra, còn có nhiều nhưn duyên phương tiện khác:

*"Nhất nhưn tán loạn tâm
Nhập ư tháp miếu trung
Nhứt xưng Nam Mô Phật
Giai dĩ thành Phật Đạo."*

Dịch:

*Một người tâm tán loạn
Đi vào trong tháp Phật
Một lần niệm Phật thời
Người ấy đã thành Phật.*

Nếu hiểu rất ráo thì thành Phật đâu dễ dàng như vậy. Tâm tán loạn đã là tâm cần buông bỏ tâm cần thủ hộ, phòng hộ cẩn mật, chứ có đâu mà chỉ niệm "Nam Mô Phật" mà thành Phật được. Vậy thành Phật ở đây phải hiểu như thế nào?

Điều thứ nhất: Nhất thiết chúng sanh giai hữu Phật tánh. Cái tánh Phật luôn có trong tâm của con người, dù người ấy định tâm hay tán tâm, bất cứ khi nào, lúc nào tánh Phật cũng luôn ở trong ta.

Điều thứ hai: Dù người tán tâm ấy suy nghĩ trời, trăng, mây, gió nhưng cũng đồng thời nhớ mình bước chân vào tháp Phật thì niệm Phật nghe. Niệm Phật được phước. Như vậy, tâm Phật và tâm chúng sanh trộn lẫn với nhau, ở chung với nhau. Khi tâm nào mạnh hơn thì tâm ấy hiện khởi, tâm ấy nổi trội, còn tâm nào yếu hơn thì tâm ấy chìm xuống, lắng sâu.

Điều thứ ba: Khi mình đối cảnh mà không sinh tâm: Cư trần lạc đạo – Trần Nhân Tông, thì gọi là Thiền. Nhưng đồng thời đối cảnh mà sanh tâm – tâm thiện, tâm lành, tâm sùng kính, tâm lễ Phật, quy y... thì đây là trường hợp ngang qua đời sống, sinh hoạt hằng ngày. Như năm bảy người đang chuyện trò, nói đông tây, kim cổ ở ngoài sân chùa và được mời vào Chánh điện, thì tất cả những chuyện đông tây, kim cổ ấy đều chấm dứt ngay – tâm tán loạn lắng xuống và tất cả mọi người nhất tâm chấp tay, chiêm ngưỡng Phật và lạy Phật – tâm thanh tịnh đầy khởi. Như vậy, những người ấy cũng được phước. Ta gọi đó là thành Phật – thành Phật từng phần chứ chưa phải thành Phật toàn phần. Từng phần giác, chứ chưa phải toàn phần giác, rồi nhiều nhưn duyên hội tụ như vậy mà thành toàn giác.

Điều thứ tư: Con người có tâm tán loạn khi đó nhưng vẫn có nhưn duyên với Phật

Pháp, nên đã bước chân vào tháp Phật và niệm "Nam Mô Phật" thì có gì bằng. Trong khi tâm mình tán loạn, ấy vậy mà nhìn thấy ngôi bảo tháp thờ Phật, tâm thành kính trời đất, tâm tán loạn liền mất. Đây có phải là đã thành Phật trong sát na ấy không? Vì trước mặt của mình chỉ có tháp Phật và mình đang ở trong tháp Phật, cảm giác an vui, hạnh phúc của người có tín tâm với Phật. Niệm tin yêu giác ngộ.

Điều thứ năm: Có biết đâu, người tâm tán loạn hôm nay, nhưng nhiều đời trước họ cũng đã từng niệm "Nam Mô Phật". Do vậy, hạt giống Phật đã được gieo trong tâm và bây giờ gặp cảnh Phật thì nhớ mà niệm "Nam Mô Phật" một cách tự nhiên, không cố gắng, không vận dụng, không cố ý, mà đã nhập diệu lâu đời.

Tóm lại, nhờ nhưn niệm Phật mỗi ngày một ít, để tích lũy lâu đời, được tâm thanh tịnh, rồi một khi nhưn duyên nó đến là hiển lộ Phật tâm, Phật lòng, Phật hạnh ngay tức khắc. Con đường tu chứng của Kinh Pháp Hoa là làm như thế nào để cho cái hoa sen trong tự tâm của chúng ta ngày thêm tươi tốt, vượt thoát ra khỏi bùn lầy phiền não để nở hoa đẹp, để đơm hương thơm hiển dâng cho đời, như lời bài kệ:

*"Khế thủ từ bi đạo sĩ tiền
Mạc sanh Tây thổ mạc sanh thiên
Nguyên vi nhất trích dương chi thủy
Sái tác nhân gian tịnh để liên."*

Dịch:

*Trước đấng từ bi nguyện mấy lời
Chẳng sanh đất Phật chẳng lên trời
Xin làm giọt nước cành dương nhỏ
Sái rức đài sen sạch bụi đời.*

Giáo pháp tu chứng ngay trong thế gian mà không tìm cầu nơi xa xôi nào khác. Bởi vì sự vật nó là: cái Tánh như vậy, cái Tướng như vậy, cái Thể như vậy, cái Tác như vậy, cái Dụng như vậy... Rất ráo trước sau như vậy. Giáo pháp Thập như đã khẳng định một cách minh nhiên rằng: sơn hà đại địa và thế giới con người tất cả đều là như vậy.

Nhất thừa đạo là con đường tu chứng của Kinh Pháp Hoa. Chúng ta hãy nhiếp niệm tâm ý nghe lời Phật dạy qua bài kệ nơi Phẩm Phương Tiện:

*Chư Phật lưỡng túc tôn
Tri pháp thường vô tánh
Phật chúng tòng duyên khởi
Thị cổ thuyết nhất thừa
Thị pháp trụ pháp vi
Thế gian tướng thường trụ
Ư đạo tràng tri dĩ*



Đạo sư phương tiện thuyết.”

Dịch:

Các đức Phật có đủ đôi chân phước và huệ – Phước huệ lưỡng toàn

Phật biết rõ các pháp là không tánh – tánh không

Hạt giống Phật từ nơi duyên mà hiện khởi.

Cho nên phương tiện nói là nhất thừa.

Pháp ấy an trụ và vị trí nó như vậy

Tướng của thế gian luôn hiện hữu – Hiện hữu trong vô thường, vô ngã.

Nơi Đạo tràng, trong hội chúng hiểu như vậy.

Bậc Đạo sư phương tiện mà giảng dạy.

“Đức Phật thì thấy các pháp trùng trùng duyên khởi tương quan lẫn nhau vô cùng tận mà hình thành. Như vậy, một pháp hiện hữu giữa tất cả các pháp, tất cả các pháp hiện hữu từ một pháp. Ngoài một pháp không có tất cả pháp, ngoài tất cả pháp không có một pháp. Nếu thấy các pháp riêng biệt là không hiểu rõ lý duyên khởi... Các pháp có khi thành, khi hoại, khi có, khi không, gọi là sanh tử thành hoại, nhưng cái vô tự tánh của các pháp thì không có sanh tử thành hoại.” (Lược giảng Kinh Pháp Hoa – HT Thích Thiện Siêu – Trang 515)

Tu cho mình. Tu cho người. Tu cho cả hai. Rồi cả hai đều thành Phật thì cần phải có yếu tính Từ Bi:

- *Chúng sanh duyên từ*

- *Pháp giới duyên từ, hay đồng thể đại bi*

- *Vô duyên từ hay vô duyên đại từ*

Cả một trời đại từ. Cả một biển đại bi. Người tu lấy đó làm chất liệu để hóa độ. Có hóa độ thì có tu tập. Có tu tập thì có chứng đắc. Ba đức tính của người tu Pháp Hoa thật rõ ràng:

- *Ở nhà Như Lai*

- *Mặc áo Như Lai*

- *Ngồi tòa Như Lai*

1. Nhà Như Lai là Đại Bi Tâm. Người tu là phải có Tâm Đại Bi. Không có Tâm Đại Bi – Tâm Cứu Khổ là không tu được.

2. Áo Như Lai là áo Nhu hòa Nhẫn nhục. Người tu mà không nhẫn nhục thì không thể tu được.

3. Tòa Như Lai là Nhất thiết pháp không. Người tu phải hiểu, tất cả các pháp đều không – Vô ngã. Nếu không hiểu các pháp đều không – Sự vật đi trên tiến trình: Thành, Trụ, Hoại, Không thì không thể tu được. Vì còn nhiều sự ràng buộc, dính mắc bởi cái ngã và ngã sở.

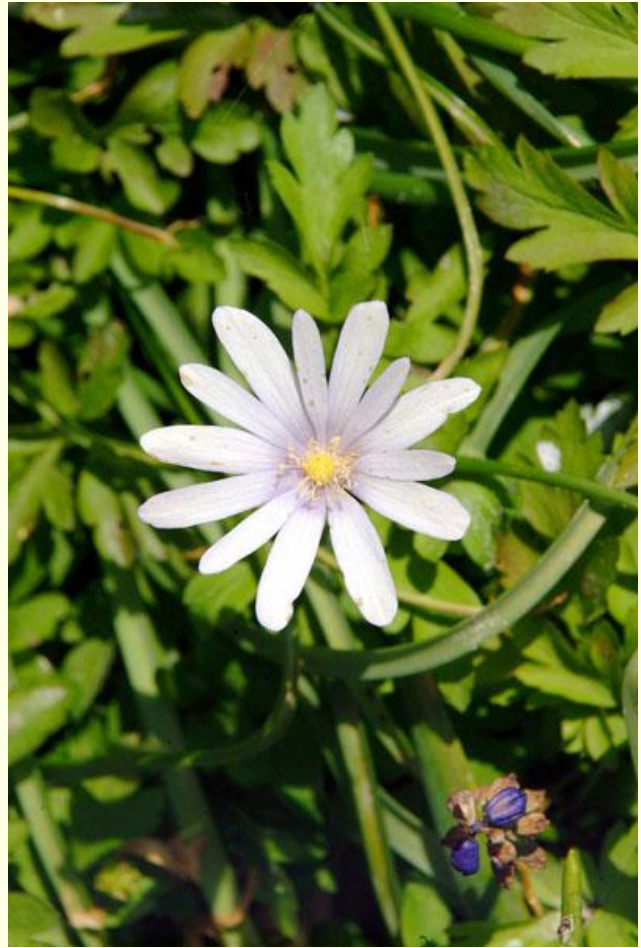
Chúng ta lắng nghe HT Thích Trí Thủ phát nguyện:

"Một lòng kính lạy Phật Đà

Ngàn đời con nguyện ở nhà Như Lai.

Con nguyện mặc áo Như Lai

Con ngồi pháp tòa Như Lai muôn đời."



Định hình cho một con đường tu chứng là hạnh phúc biết bao. Con đường của sự thăng hoa Thánh thiện. Con đường dẫn đến sự giác ngộ, giải thoát – Con đường Nhất Thừa Đạo – con đường mà Pháp Hoa đã khẳng định: con người tu, con người thành Phật. Đức Thế Tôn đã tuyên bố một cách minh nhiên.

Chùa Phật Đà, ngày 30 tháng 01 năm 2021
Thích Nguyễn Siêu

* Tứ Tuyệt Kỳ 1 – Phùng Tiểu Thanh:

稽首慈雲大士前,

莫生西土莫生天。

願為一滴楊枝水,

化作人間并蒂蓮。

Khế thủ từ vân Đại sĩ tiền,

Mạc sinh Tây Thổ, mạc sinh thiên.

Nguyện vi nhất trích dương chi liễu,

Sải tác nhân gian tịnh để liên.

Ý XUÂN

Nhớ năm nào đón xuân sang
Dọc đường gió bụi mai vàng nở tươi.
Giữa ngàn hoa
Nức hương đời,
Cho từng mạch chuyển ngọt lời quê hương.

Ai còn chiếc áo phong sương
Về nghe trở giấc ngàn phương tự tình.
Ai còn náu giọt bình minh,
Để rơi điệp khúc dâng trình trăm năm.

Mùa xưa
Giờ đã xa xăm
Cảnh xuân ngày trước... chùng thắm thắm rồi!
Dòng đời nước chảy mây trôi,
Đóa mai vàng khép bên trời viễn phương.

Vẫn lì chiếc áo phong sương
Bên bờ tuyết trắng còn hương xuân nào!
Ngàn xưa cho đến ngàn sau,
Giữa lòng cát bụi nhịp cầu thanh tân.

Dù mai trên bước phong trần
Sắc màu sự thế mấy lần phai pha!
Vẫn còn đây khúc tình ca,
Ý Xuân màu nhiệm muôn nhà bình yên.

South Dakota, chớm xuân Tân Sửu 2021

VỠ TIẾNG CƯỜI

Nhịp gõ thời gian đã điếm rồi
Năm tàn, năm vẫn tiếp dòng trôi.
Có ai ngày trước mơ xuân mộng,
Cho kẻ ngàn sau thả giấc đời.

Chung đỉnh bao phen, rồi được mắt,
Nhục vinh mấy cuộc, những đầy vui.
Mới hay trò diễn tuồng dâu bể,
Ta lại cùng nhau vỡ tiếng cười!

South Dakota, 1/1/2021

thơ

MẶC PHƯƠNG TỬ



TRANG NGHIÊM TỊNH ĐỘ

Ni sư Thích Nữ Trí Hải

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

Trong kinh Kim Cương có đoạn Phật hỏi Tu Bồ Đề:

- Bồ Tát có trang nghiêm Phật độ hay không?

Tu Bồ Đề bạch Phật:

- Dạ không, bởi vì trang nghiêm cõi Phật nghĩa là không trang nghiêm mới gọi là trang nghiêm.

Tiếp theo Phật lại hỏi:

- Nếu có người thân lớn như núi Tu Di, thân ấy có lớn không?

Tu Bồ Đề trả lời:

- Dạ rất lớn. Vì không thân nên Phật dạy là thân lớn.

Câu hỏi thứ nhất chỉ cho nhân tu của Bồ tát, câu hỏi thứ hai chỉ quả chứng của Bồ tát. Thân lớn là báo thân trang nghiêm của Bồ tát, kết quả của công hạnh tu tập lục độ vạn hạnh. Câu thứ nhất có thể diễn ý như sau: Bồ tát có ý thức rằng mình đang làm những việc tốt đẹp, đang độ sanh hành đạo giáo hóa, bố thí v.v... hay không? Chính những công việc đó làm đẹp cuộc đời, làm cho cõi chúng sinh thành cõi Phật. Có làm những việc ấy mới gọi là Bồ tát, nhưng nếu làm mà còn thấy mình làm là còn ngã tướng, chúng sinh tướng... tức còn ham danh, thì không phải Bồ tát mà vẫn là chúng sanh, và việc làm đó cũng không gọi là Phật sự, chỉ đáng gọi "chúng sinh sự." Cho nên Tu Bồ Đề đáp Bồ tát "không trang nghiêm", vì Bồ tát không bao giờ kể ta làm việc này việc nọ lợi lạc chúng sinh. Hơn nữa, hạnh Bồ tát khi đã thuần thực thì xem việc lợi tha tự nhiên như việc ăn uống, thở không khí v.v... không khoe công, không tự thấy công đức gì trong những việc mình làm. Bồ tát còn trở lại cảm ơn người đã nhận sự bố thí của mình, cảm ơn người đã nhục mạ, gây rối, vì nhờ đó Bồ tát thành tựu được các hạnh ba la mật.

Ở một đoạn sau, Phật cũng dạy: "Tu Bồ Đề, nếu Bồ tát nói ta sẽ làm trang nghiêm cõi Phật, thì đó không phải là Bồ tát." (Tu Bồ Đề, nhược Bồ tát tác thị ngôn, ngã đương trang nghiêm Phật độ, thị bất danh Bồ tát.)

Vì Bồ tát xem việc làm ấy tự nhiên như lòng mẹ yêu con, không bao giờ nói. Hoặc như người tự yêu thân mình, lo cho bản thân thì không bao giờ nói, chỉ nói tôi lo cho đoàn thể, quốc gia, xã hội. Không ai nói lên sự thực muôn đời "duy ngã độc tôn" của mình. Do vậy, cái gì nói ra đều không thật, hoặc chỉ thật một phần, nên Lục Tổ dạy: "Chưa nói thì phải, nói rồi thì không phải." (Nếu có



bà mẹ nào đi khoe rằng, tôi rất yêu con tôi, thì tình yêu ấy rất khả nghi). Chẳng những Bồ tát không ý thức có cái ta trang nghiêm tịnh độ mà ngay cả cái việc trang nghiêm Bồ tát cũng không chấp, nghĩa là ngài không cho rằng mình làm lợi lạc chúng sinh. Kịch sĩ không ý thức mình đóng kịch mới diễn xuất được trọn vẹn, nếu suốt buổi người đóng kịch cứ nghĩ mình đang đóng kịch và mong khán giả vỗ tay, thì không thể nào diễn xuất được. Do đó kinh nói rằng "không trang nghiêm mới là trang nghiêm."

Lại nữa cõi Phật vốn đã trang nghiêm, không cần gì phải "làm" cho trang nghiêm. Như khi dứt tiếng động thì tự nhiên có vắng lặng, nhưng không thể nói sự vắng lặng ấy do tạo tác mà có, hay do ai làm ra. Tâm vốn tự thanh tịnh như hư không, chỉ do vọng tưởng điên đảo của chúng sinh mà có nhiễm ô xuất hiện. Khi vọng tưởng dứt thì tâm trở lại thanh tịnh. Không thể nói sự thanh tịnh ấy do tạo tác mà thành. Bồ tát không vọng tưởng điên đảo, tâm tự vắng lặng, cảnh (Phật độ) tự trang nghiêm, không có tướng tạo tác trong đó, nên Tu Bồ đề nói "không trang nghiêm gọi là trang nghiêm". "Gọi là trang nghiêm" là chúng sinh gọi, so với uế độ của chúng sinh nên gọi cõi Bồ tát là tịnh độ, so với uế tâm của chúng sinh mới gọi tâm Bồ tát là tịnh tâm. Như người bệnh nặng, sau khi chữa lành gọi là khỏe. Còn đối với người không từng đau ốm thì đâu có ai bảo là người ấy còn bệnh hay hết bệnh, một khỏe không áp dụng cho người ấy.

Lại nữa, nơi nào có Bồ tát thì nội sự

hiện diện của vị ấy đã có tác dụng đem lại thanh bình an lạc cho tất cả, từ cỏ cây muông thú cho đến loài người. Mạnh lực tâm từ bi có ảnh hưởng sâu rộng, mặc dù có thể vị ấy không làm gì cả. Cõi đất tự trang nghiêm nhờ sự hiện diện của Bồ tát, cho nên nói không cần làm cho trang nghiêm mà vẫn trang nghiêm.

Nhân tu của Bồ tát như vậy là "trang nghiêm Phật độ" mà không thấy có cái ta đem lại sự trang nghiêm, và cõi Phật được trở thành trang nghiêm. Thành tựu chúng sinh mà không thấy có mình là người giáo hóa, chúng sinh là kẻ được giáo hóa, vì Bồ tát đã dứt hết ngã chấp. Nhờ dứt ngã chấp nên Bồ tát có thể thực hành Lục độ vạn hạnh đến chỗ rốt ráo tận cùng, không bao giờ mỏi mệt. Vì đã chứng được "như huyền tam muội", Bồ tát thấy tất cả mình, người đều như huyền.

Nhân tu của Bồ tát rộng lớn như vậy, nên quả chứng tất nhiên cũng rộng lớn, đó là báo thân như núi Tu Di mà Phật ám chỉ trong câu hỏi kế tiếp, và ngài Tu Bồ Đề đáp "không thân mới là thân lớn." Thân lớn chưa hẳn là lớn vì còn thân, dù có lớn như núi Tu Di đi nữa cũng không ra ngoài hư không. Do đó nói: không thân mới là thân lớn, nghĩa là dù có báo đáp thân trang nghiêm vĩ đại vẫn không chấp vào thân tướng ấy mới thực sự là Bồ tát. Nhân tu đã xem như huyền, thì quả chứng cũng xem như huyền. Có một mối nguy chúng sinh thường mắc phải là khi còn hân vi, chưa nên danh phận, thì có thể nhìn đời như mộng huyền, nhưng đến khi thành danh, có lợi lộc lại thấy như thật, chẳng huyền chút nào. Vậy là ở nhân không vướng, mà ở quả lại bị kẹt. Nhưng Bồ tát thì không vậy, nên ở trong nhân không vướng mắc ngã tướng (thấy mình có nhiều công đức), ở trong quả không chấp trước báo thân tốt đẹp.

Phật tử chúng ta nếu học được hạnh vô trú như trên của Bồ tát, làm mọi Phật sự mà không chấp tướng, không vướng ngã, nhân, thành không kiêu, bại không nản, thì chính là đang thọ trì bốn câu kệ của kinh Kim Cương công đức vô lượng, tâm nhờ đó được thanh tịnh mà cảnh nhờ đó được trang nghiêm.

(trích tác phẩm "Đường Về" của cố Ni trưởng Thích Nữ Trí Hải)



MỘT MẢNH KHÔNG GIAN

*Rọc rách không gian từng miếng nhỏ,
Xếp vào từng mảnh túi hành trang.
Lốp lốp không gian ngày xưa đó,
Gói vào nén chặt nỗi niềm thương.*

*Cắt đứt thời gian từng đoạn ngắn,
Buộc túi hành trang đeo lên vai.
Hun hút ngàn thu đâu cách mãi?
Thời gian đâu dễ vương chân ai.*

*Đường về quá khứ lần bước nhẹ,
Tìm về với mẹ chuỗi ngày thơ.
Chọn mảnh không gian làng quê mẹ,
Trải ra phủ sạch lớp bụi mờ.*

*Cả mảnh không gian ửng nắng hồng,
Có hàng tre rủ, vũng ao sen,
Có ông bà ngoại thương con gái,
Rời bỏ làng quê đi lấy chồng.*

*Chẳng một lần về, xa từ đây,
Mẹ xa bà ngoại xa ông ngoại,
Xa cả bờ ao, xa luống khoai,
Tiếc cả hội làng vui biết mấy...*

*Nhắc mãi mẹ thương hoài quê cũ,
Có gói về đây bên cạnh mẹ,
Chút mảnh không gian làng Mông Phụ,
Đắp lên mình mẹ giấc ngàn thu.*

thơ HOANG PHONG

THIÊN SƯ TRẦN NHÂN TÔNG ĐÃ NHẮC NHỞ GÌ CHO DÂN TỘC VIỆT KHI MÙA XUÂN VỀ?

Thích Phước An

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

I.

Trong truyền ngôn có tên là Mẹ và Em, cố nhà văn Võ Hồng có viết một câu mà theo tôi gần như là một sự khẳng định: “Có lẽ vì văn minh không lặp lại còn thiên nhiên thì không đổi thay”. Đúng là biết bao nền văn minh đã suy tàn và những nền văn minh mới lại ra đời. Còn thiên nhiên là mây trắng, là nắng vàng, những bình minh, những buổi chiều tà, dòng sông hay rặng núi thì không bao giờ thay đổi. Còn có một cái không thay đổi nữa đó là thứ âm thanh lạ lùng mà lỗ tai của chúng ta không bao giờ nghe được. Đó là âm thanh tịch liêu của vũ trụ.

Thi hào Vương Duy đời Đường bên Trung Quốc, nghĩa là cách đây hơn một ngàn rưỡi năm, trong một đêm xuân có trăng sáng trên đỉnh núi cao đã bất chợt nghe được thứ âm thanh tịch liêu này thối qua núi vắng:

*Nhân nhàn quá hoa lạc
Dạ tĩnh xuân sơn không
Nguyệt xuất kinh sơn điệu
Thời minh xuân giản trung.*



*Người nhàn hoa quá rụng
Đêm vắng núi xuân không
Trăng tỏ động chim núi
Khe xuân tiếng hót vang.*
(Vũ Thế Ngọc dịch)

Gần mười thế kỷ sau, cũng vào một buổi sáng mùa xuân, thiền sư thi sĩ Trần Nhân Tông của nước Đại Việt lên đứng một mình trên núi Bảo Đài thuộc dãy Yên Tử của quê hương và cũng đã lắng nghe được thứ âm thanh tịch liêu đó thối tràn qua bài thơ Đăng Bảo Đài Sơn của ông:

*Địa tịch đài du cổ
Thời lai xuân vị thâm
Vân Sơn tương viễn cận
Hoa kính bán tình âm.
Vạn sự thủy lưu thủy
Bách niên tâm ngữ tâm
Ý lan hoành ngọc dịch
Minh nguyệt mãn hung khâm.
Cảnh vắng đài thêm cổ
Xuân sang màu chứa hồng
Xa gần mây núi hợp
Rợp bóng nẻo hoa hồng.
Vạn sự nước xuôi nước
Trăm năm lòng gửi lòng
Tựa hiên nâng sáo thổi
Trăng sáng đầy cõi tâm*
(Nguyễn Lang dịch)

Có cái gì thôi thúc trong lòng muốn nói thành lời, nhưng ngôn ngữ không diễn đạt được, nên thiền sư của chúng ta đành:

*Bách niên tâm ngữ tâm
Trăm năm lòng ngộ lòng*

Và trên đỉnh núi cao của Yên tử vắng vẻ, tịch liêu của buổi sáng mùa xuân ấy, Trần Nhân Tông dường như đã tìm được một mùa xuân vĩnh cửu cho đời mình:

*Minh nguyệt mãn hung khâm
Trăng sáng đầy cõi tâm*

Nhưng giữa thế giới ồn ào, đầy tiếng động này, ai là người có thể lắng nghe được thứ âm thanh tịch liêu của vũ trụ đó?

Trong bài Cư Trần Lạc Đạo Phú viết bằng chữ Nôm, Trần Nhân Tông đã viết:



*Núi hoang rừng quạnh, ấy là nơi dật sỷ
tiêu dao;
Chiền (chùa) vắng am thanh, chín (chính)
thực cảnh đạo nhân du hý.*

Vậy là, chỉ có những kẻ can đảm vút bỏ
lại sau lưng cuộc đời đầy bụi bặm, lên đường
tìm đến nơi thâm sơn cùng cốc thì mới lắng
nghe được tiếng nói huyền diệu ấy.

II.

Một lần nọ, Trần Nhân Tông đứng ngắm
buổi chiều mùa xuân như thế này:

*Dương liễu hoa thâm diệu ngữ tri
Hoa đường thiêm ánh mộ vẫn phi.*

(Xuân cảnh)

*Trong khóm hoa dương liễu rậm, chim hót
chậm rãi*

*Dưới bóng thềm ngôi nhà chạm vẽ, mây
chiều lướt bay.*

Thì điều kiện của Trần Nhân Tông đưa ra
như sau:

Khách lai bất vấn nhân gian sự

Công ý lan can khán thúy vi.

Khách đến chơi không nên hỏi việc đời

*Mà nên tựa lan can ngắm màu xanh mờ
mịt ở tận chân trời.*

Vậy chuyện đời, theo Trần Nhân Tông là
chuyện gì?

Thị phi niệm trục triều hoa lạc

Danh lợi tâm tùy dạ vũ hàn

Hoa tận vũ tình sơn tịch tịch

Nhất thanh để diệu hựu xuân tàn.

Niềm thị phi rụng theo hoa buổi sớm

Lòng lợi danh lạnh theo trận mưa đêm

*Hoa rụng hết, mưa đã tạnh, núi non tịch
mịch*

Một tiếng chim kêu lại cảnh xuân tàn.

Dường như mấy tiếng "núi non tịch tịch"
cứ lặp đi lặp lại mãi trong cõi thơ của Trần
Nhân Tông.

III.

Nhưng khi thi nhân đã trở thành Thiền sư,
thì cách nhìn về thiên nhiên, về mùa xuân
cũng hoàn toàn đối khác. Như bài thơ Xuân
vãn của Trần Nhân Tông dưới đây:

*Niên thiếu hà tằng liễu sắc không
Nhất xuân tâm tại bách hoa trung
Như kim khám phá đông hoàng điện
Thiền bản bồ đoàn khán trụ hồng.
Niên thiếu chưa từng hiểu sắc không
Xuân sang hoa sắc vương tơ lòng
Diện mục xuân nay từng khám phá
Thiền tọa an nhiên ngắm rụng hồng.*

(Nguyễn Lang dịch)

Khi đọc bài thơ này, sẽ có nhiều người
nghĩ là tâm hồn của các thiền sư đã nguội
lạnh, không còn biết rung động với bao nỗi
buồn vui của nhân thế nữa, thì làm sao các
thiền sư có thể xuống núi để cứu khổ cho
cuộc đời? Để tránh ngộ nhận này, ta có thể
lấy câu:

Nhậm vận thịnh suy vô bổ úy

Mặc cuộc thịnh suy đừng sợ hãi

của thiền sư Vạn Hạnh đời Lý, mà giải
thích câu:

Thiền bản bồ đoàn khán trụ hồng

Thiền tọa an nhiên ngắm rụng hồng

của thiền sư Trần Nhân Tông đời Trần.

Như vậy, "Thiền tọa an nhiên ngắm rụng
hồng" không phải là không còn thiết tha với
cuộc đời, mà phải hiểu là các thiền sư không
còn sợ hãi thịnh suy, hưng phế, thành bại mà
con người chúng ta vẫn thường nơm nớp lo
sợ.

Chính cái tinh thần không sợ hãi (vô bổ
úy) này, mà hoàng đế Trần Nhân Tông đã hai
lần lãnh đạo toàn dân nước Đại Việt đánh tan
đạo quân của đế quốc Nguyên Mông đến xâm
lược nước ta vào thế kỷ thứ 13, trong khi từ
Đông sang Tây thời bấy giờ đang nằm trong
cơn sốt Thất Đất.

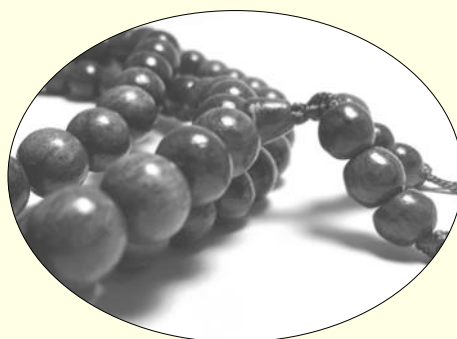
Để rồi cuối cùng, Trần Nhân Tông đã
cùng với dân tộc hát lên bài ca chiến thắng:

Xã tắc lưỡng hồi lao thạch mã

Sơ hà thiên cổ điện kim âu.

Xã tắc hai phen chôn ngựa đá

Non sông nghìn thủa vững âu vàng.



TINH THẦN ĐẠI HÙNG, ĐẠI LỰC & ĐẠI TỪ BI CỦA NHÀ PHẬT

Gs. Nguyễn Ngọc Huy

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Tinh thần đại hùng, đại lực và đại từ bi đối với sự hòa giải hòa hợp bên trong các dân tộc và giữa các dân tộc đưa đến nền hòa bình cho loài người.

Sự hòa giải hòa hợp đưa đến hòa bình chỉ có thể thực hiện khi những người hoạt động chính trị đều thật sự yêu thương người khác và có đủ sức chế ngự các dục vọng của mình, để không bị lòng tham quyền lực danh vọng cuốn vào con đường độc đoán và tàn ác. Các đức tánh cần thiết trên đây đã được nhiều triết gia, học phái đạo đức nêu ra.

Nhưng tự cổ chí kim, từ đông sang tây, không có trường phái nào có những nhận định và chủ trương thích ứng bằng Phật Giáo về các vấn đề này. Đó là vì Phật Giáo có những nguyên tắc căn bản khác với nguyên tắc của các giáo phái khác.

1- Giáo lý nhà Phật không kêu gọi con người nhắm mắt tin tưởng theo mình và tuyệt đối tuân hành mạng lệnh các giáo sĩ của mình để được cứu rỗi hay hưởng phước. Trái lại, nó dạy người phải dựa vào mình trước nhất và phải cố gắng tự giải thoát. Ngay đến pháp môn Tịnh Độ Tông dạy người tu hành bằng cách niệm Phật cũng không phải là một lối giải thoát hoàn toàn bằng tha lực, vì việc niệm Phật hàm ý là người tu theo Tịnh Độ tự nguyện làm lành lánh dữ và giữ các giới cấm tối thiểu. Sự tu hành theo Phật Giáo thuộc mọi tông phái đều đòi hỏi người phải có sự đại hùng đại lực, tức một sức mạnh tinh thần vững chắc.

Về mặt suy luận, tinh thần Đại Hùng Đại Lực mà Phật Giáo đòi hỏi nơi con người đưa đến sự tự do tư tưởng. Người theo Phật Giáo chân chánh không để cho mình bị cột buộc vào bất cứ tín điều hay định kiến nào mà phải tự mình suy nghĩ để tìm chân lý. Trong bộ kinh Tăng Nhứt Tập, có ghi việc Phật dạy người Kalama không nên tin theo truyền thống, kinh sách hay bậc thầy đạo hạnh cao siêu, mà chỉ nên tin theo cái phải/quấy mà chính tâm trí mình nhận thức được.

Trong lịch sử nhân loại, Đức Phật là vị giáo tổ duy nhất nhiều lần căn dặn các đệ tử không nên tin ngay các điều ngài nói mà phải xét kỹ lại những lời nói đó, khi nào thấy chắc

chắn nó có giá trị thì mới tin theo.

2- Chẳng những tự mình theo nguyên tắc tự do tư tưởng, người Phật tử chân chánh còn tôn trọng sự tự do tư tưởng của người khác. Phật đã dạy đã dạy các đệ tử phải đối xử với các giáo lý và giáo phái khác một cách khoan dung. Có lần người cầm đầu một giáo phái sai đệ tử là Upali gặp đức Phật để đấu lý về thuyết luân hồi. Upali thấy Phật có lý nên xin làm đệ tử của ngài. Nhưng Phật bảo: "Ông phải suy nghĩ cho thật chính đính về lời nói của tôi chỗ không nên vội vã". Ông Upali thiết tha nài nỉ, Phật yêu cầu ông đừng bỏ thầy cũ mà phải phụ giúp thầy này như trước. Câu chuyện này cho thấy Phật giáo dạy người mở rộng tâm não để thông cảm với mọi giáo lý khác, vì chân lý vốn hiện ra muôn mặt và thường thì mỗi học thuyết đều có chỗ sở đắc của nó. Người Phật tử chân chánh phải phá trừ kiến chấp, tránh sự cuồng tín hẹp hòi.

3- Nhưng sự khoan dung của Phật giáo không phải đưa đến sự tiêu cực thụ động trước những việc làm của kẻ sai quấy. Tinh thần đại hùng đại lực chẳng những được dùng vào việc tự thắng mình để tìm chân lý và theo chánh đạo mà còn phải được dùng vào việc chế ngự các lực lượng ác hại. Tuy nhiên, trong sự đối phó với những kẻ sai quấy, tinh thần đại hùng đại lực cần phải hòa với tinh thần Đại Từ Bi, đối với kẻ hung bạo không phải là quyết tâm diệt trừ mà cố gắng cảm hóa để lỗi về con đường phải và cho dù có phải sát hại họ vì công lợi thì cũng không nuôi lòng hận thù. Trong tinh thần Phật giáo, đại từ bi hết sức cần thiết để cân lại đại hùng đại lực.

Cái khó trong việc đạt hòa bình cho thế giới không phải phát xuất từ chỗ Phật giáo chưa phổ biến khắp nơi, nó phát xuất từ chỗ chính người đã qui y Đức Phật, và dù đã thông hiểu giáo lý của ngài mà vẫn chưa có được tâm tánh và hành động như lời ngài dạy...

(Trích tác phẩm "Các Ấn Số Chánh Trị Trong Truyện Vô Hiệp Kim Dung" của Nguyễn Ngọc Huy)

BẠT

(cho thi tập “T(i)ểu Ngạo Giang Hồ”
xuất bản năm 2016)

*tạm biệt thơ bảy chữ ngàn câu
phím đen thương cho kẻ bạc đầu
đêm tận chỉ còn nhau tri kỷ
trước đèn cứ thế gõ lao xao*

*mười lăm năm làm thân đất khách
ăn mày sương khát thực trời quen
thời gian ngùn lửa nhìn lên vách
thấy rõ hồn ta hút lỗ đen*

*chẳng biết bao giờ là bao giờ
một câu thơ bao nhiêu bài thơ
thời gian tiếng khóc hài nhi réo
thấy rõ hồn ta bụi phát phơ*

*mười lăm năm làm thân ngõ gác
t[i]ểu ngạo giang hồ chơi một mình
thời gian bù khú ghim cơn khát
thấy rõ hồn ta gió thất thanh*

*chẳng biết bây giờ là bao xa
anh niên thảng thốt chào ông già
thời gian vờ vĩnh im không nói
thấy rõ hồn ta chẳng phải ta*

*chẳng phải ta mà sương cổ độ
sinh linh lịch kiếp đồ ngời âm
thời gian tự biết đâu cần hỏi
thấy cho sâu mới thấu từ phần*

*và lắng nghe tiếng vọng sơ đầu
đồng thanh tương ứng gõ ngàn câu
bảy chữ trùng sinh trong cõi tịnh
thơ cũng là kinh tụng nhớ nhau*

(12.2016)

Trích tiểu sử lược ghi của tác giả:

NGUYỄN LƯƠNG VỸ

Tuổi Nhâm Thìn (1952)

Quê quán: Quán Rường, Tam Kỳ, Quảng Nam
Có thơ đăng trên các tạp chí văn học nghệ thuật
(Văn, Khởi Hành, Thời Tập, Văn Chương...)
tại Sài Gòn từ năm 1969.

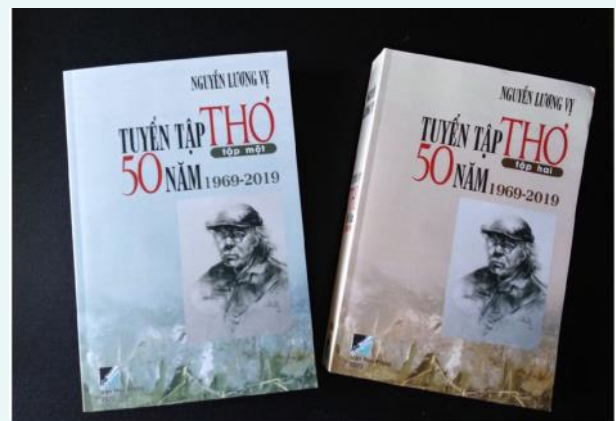
Hiện sống và làm việc tại Westminster, Nam
California, Hoa Kỳ.

Tác phẩm đã xuất bản:

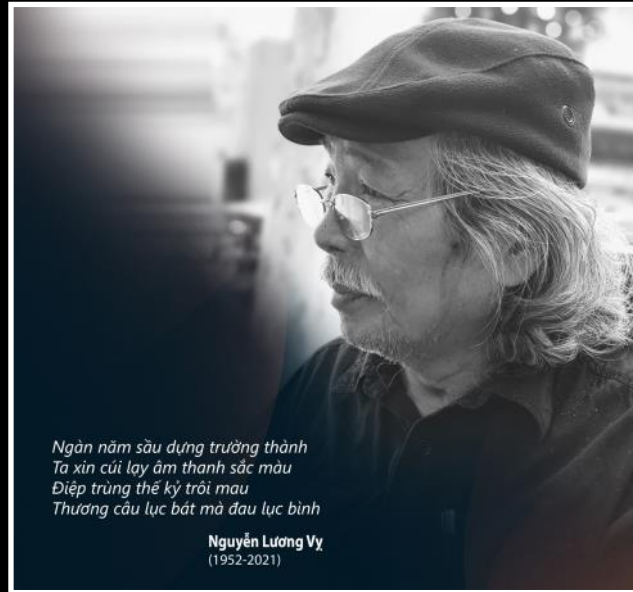
- ♦ Âm Vang Và Sắc Màu, 1991
- ♦ Phương Ý, 2000
- ♦ Hòa Âm Âm Âm Âm..., 2007
- ♦ Huyết Âm, 2008
- ♦ Tinh Âm, 2010
- ♦ Bốn Câu Thất Huyền Âm, 2011
- ♦ Tám Câu Lục Huyền Âm, 2013
- ♦ Năm Chữ Năm Câu, 2014
- ♦ Năm Chữ Ngàn Câu, 2014
- ♦ Tuyển Tập Thơ 45 Năm (1969-2014), 2015
- ♦ T[i]ểu Ngạo Giang Hồ, 2016.

Tác phẩm sẽ ấn hành:

- ♦ Thơ Trần Nhân Tông (thơ dịch)
- ♦ Úc Trai Tập - Nguyễn Trãi (thơ dịch)



thơ NGUYỄN LƯƠNG VỸ



THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

Nhà thơ **NGUYỄN LƯƠNG VY** là một trong những nhà thơ ảnh hưởng Thiên Phật giáo. Ông đã có những đóng góp đáng kể cho thi đàn Việt Nam cũng như văn học Phật giáo. Thơ của ông cũng được phổ biến rộng rãi trên các trang mạng và báo chí Phật giáo, ở Việt Nam và hải ngoại.

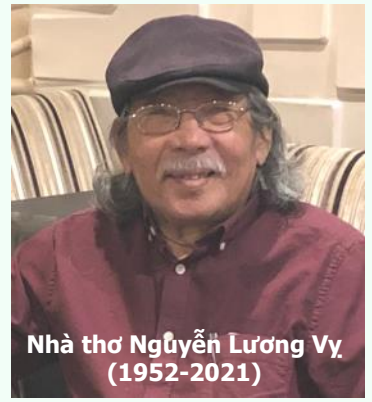
Nhận được tin nhà thơ Nguyễn Lương Vy từ trần vào đêm 17.02.2021 tại Nam California, Hoa Kỳ, hưởng thọ 69 tuổi; chúng tôi vô cùng kính tiếc gửi lời phân ưu đến gia quyến và quý thân hữu của nhà thơ. Nguyên câu hương linh nhà thơ được xả bỏ phong trần, thông dong cõi tịnh.

Đồng thành kính phân ưu:

Ban Chủ Truong và Biên Tập Nguyệt San Chánh Pháp cùng quý văn thi hữu: Bùi Ngọc Đường, Huỳnh Tấn Lê, Tâm Diệu, Đào Văn Bình, Đoàn Ngọc Đa, Ngô Thế Vinh, Hoang Phong, Đỗ Hữu Tài, Phan Tấn Hải, Trần Trung Đạo, Mặc Phương Tử, Chúc Hiền, Minh Đạo, Nguyễn Ngọc Cảnh, Tâm Minh Ngô Tằng Giao, Thy An, Hạnh Chi, Quảng Tánh Trần Cầm, Nguyễn Thanh Huy, Xuyên Trà, Lý Thừa Nghiệp, Vũ Tiến Lập, Hồ Thanh Nhã, Tâm Lương Đào Mạnh Xuân, Kiều Mộng Hà, Diệu Đức – Kim Loan, Diệu Viên, Vương Thúy Nga, Huỳnh Kim Quang, Hoàng Mai Đạt, Nguyễn Thị Minh Thủy, Tâm Nhiên, Nguyễn Thị Khánh Minh, Nguyễn Tiến Quỳnh Giao, Trịnh Gia Mỹ, Chiêu Hoàng, Diêu Linh, Pháp Hoan, Tuấn Khanh, Uyên Nguyên, Bạch Xuân Phế, TK Vĩnh Hữu, Tiểu Lục Thân Phong, Tô Đăng Khoa, Kiều Mộng Hà, Mỹ Huyền, Thục Uyên, Phan Trung Kiên, Vĩnh Hào.

Dòng Thơ Tiến Bọn

Từ biệt nhà thơ Nguyễn Lương Vy



Đêm lặng lẽ, chờ năm uẩn
tan theo nghiệp, bạn về đâu
kêu giữa trời nghiêng cánh nhận
nguyện qua bờ dứt thâm sầu.

Mở trang kinh, đọc lời Phật
vô lượng khổ ngàn kiếp xưa
chờ nền tàn theo lửa tắt
nguyện chúng sinh khắp qua bờ

Đêm chia ly, ngày sẽ tới
tôi trọn đời, ngồi chép kinh
làm thơ nhìn lửa ba cõi
thấy vô ngã, ngộ vô sinh

Mở trang kinh, nghe tin bạn
rơi tay bút, mực loang dòng
bọt sóng trôi vô cùng tận
như tia chớp, như hạt sương

Đêm rất lạnh, rừng ký ức
nghiệp trùng trùng mấy trận văn
bạn xông xáo đời giấy mực
bây giờ nằm, ai niệm tâm

hãy lặng lẽ, nghe hơi thở
thấy vô ngã, chớ suy tâm
hãy buông sạch ngàn muôn chữ
hãy buông hết trọn thân tâm.

Đêm trừ tịch, đêm lưu lạc
lời từ biệt muôn kiếp xưa
hướng tâm về tạ ơn Phật
tắm mặt trời nắng ban trưa

nhớ lời kinh, mời bạn đọc
tạ ơn Pháp, lệ vui mừng
từng dòng chữ như chuỗi ngọc
trang nghiêm tâm sáng vô cùng

Đêm không ngủ, đêm tu học
như lửa cháy khăn trên đầu
mắt tỉnh thức nhìn gió ngược
tâm tịch lặng dứt muôn sầu

mời bạn nhìn tâm sinh diệt
cái được thấy, cái được nghe
tâm không trụ xa lìa nghiệp
một pháp Như rực nắng hè.

Đêm trực nhận đời huyễn hóa
cái được thấy là vô thường
cái được nghe là vô ngã
tâm tỉnh thức sáng như gương

rời sân hận, lìa tham đắm
tâm bất động tan bóng đêm
tĩnh tĩnh tĩnh, lặng lặng lặng
giới giới giới, tâm trang nghiêm.

Đêm vô minh rừng quá khứ
đường giải thoát, tạ ơn Tăng
soi đèn pháp, kinh vô tự
xua mây mờ, sáng lối trắng

mở trang kinh, bạn có thấy
pháp duyên khởi, không cách chia
trắng Lãng già hiện trên giấy
không bờ này, không bờ kia

Đêm đi tìm Phật tam thế
một tiếng đàn, ngàn mối dây
một bề pháp giới định huệ
vượt muôn trùng, vạn gót giày

mở trang kinh, tâm không trụ
không hôm qua, không ngày mai
không hôm nay, không phương xứ
thấy ba cõi pháp Như Lai

Đêm vô tận rồi sẽ dứt
lìa hữu vô, ngộ Niết Bàn
tánh trong gương ai thấy được
rơi tất cả bụi ngàn năm

tâm vô ngã lìa giống bão
không cao hơn, không kém hơn
vui tịch lặng tâm hải đảo
không lay động giữa đại dương.

Bạn hãy nhớ, Phật tuyên thuyết:
tất cả nghe thấy hay biết
thân ý mũi lưỡi mắt tai
tất cả quá hiện vị lai
đều không tôi, không của tôi
đều không ta, đều không người
tất cả pháp, tận thâm sâu
không từ đâu, không về đâu
tất cả pháp như tiếng đàn
vốn rỗng lặng Tâm Niết Bàn.

thơ NGUYỄN GIÁC
– California, 17/2/2021

PHẬT GIÁO VÀ VẤN ĐỀ KỶ THỊ CHUNG TỘC, GIAI CẤP, GIỚI TÍNH

Huỳnh Kim Quang

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Ngày nay, vấn đề kỳ thị chủng tộc, giai cấp, giới tính được con người quan tâm và tranh đấu quyết liệt hơn bao giờ hết. Có lẽ một phần là do sự văn minh tiến bộ của xã hội đã giúp mở rộng nhận thức và tâm thức con người đối với những vấn đề xã hội như thế. Trong đó không thể không nói đến nhiều đóng góp của các phong trào dân quyền, nhân quyền, bình quyền, nữ quyền, v.v... trên thế giới từ vài thế kỷ qua đã xây dựng những nền tảng về lý thuyết và thực hành cho công cuộc đấu tranh đòi quyền sống và bình đẳng cho từng cá nhân trong cộng đồng xã hội.

Tuy nhiên, ở đời hễ có đấu tranh cho quyền bình đẳng thì tất nhiên cũng đã có thực trạng bất công và kỳ thị xảy ra. Các hiện tượng tiêu cực này không phải chỉ mới xuất hiện vài trăm năm mà đã có từ hàng ngàn năm trước.

Thời đại của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni (Shakyamuni Buddha) cách nay hơn hai mươi sáu thế kỷ -- thế kỷ thứ 6 trước Tây Lịch -- tại Ấn Độ, nơi Đức Phật đản sinh, là một xã hội phân biệt và kỳ thị giai cấp và giới tính rất nặng nề. Trong các Kinh Luật Luận của Phật Giáo còn lưu truyền ngày nay cho thấy xã hội Ấn Độ thời Phật bị phân chia ra làm 4 giai cấp, theo thứ tự từ trên xuống dưới: Tầng lữ [Brahmins – giới tầng lữ Đạo Bà la môn], vua chúa quan lại [Kshatriyas – Sát đế lợi], nghệ sĩ thương nhân điền chủ [Vaishyas – Phệ xá], và dân nghèo lao động [Shudras – Thủ đà la]. Sự đối xử phân biệt và kỳ thị trầm trọng đến mức những người ở giai cấp thấp nhất trong xã hội bị đối xử như kẻ nô lệ không hơn không kém.

Khi Đức Phật đem giáo pháp giác ngộ và giải thoát của ngài truyền bá trong xã hội và tuyên bố tất cả mọi chúng sinh đều bình đẳng như nhau không phân biệt giai cấp thì đó là một cuộc cách mạng xã hội rộng lớn chưa từng có tại Ấn Độ nói riêng và trên thế giới này nói chung. Thông điệp bình đẳng của Đức Phật cho đến nay vẫn còn y nguyên giá trị thù thắng cho nhân loại noi theo.

Nhưng, vấn đề được đặt ra là, vào thời đại của Đức Phật khi mà nhân loại vẫn còn chìm đắm trong tư duy phân biệt kỳ thị chủng tộc, giai cấp và giới tính và hành xử bất bình đẳng trong xã hội, thì Đức Phật đã dựa vào động lực nào hay yếu tố nào để thể hiện đời sống bình đẳng và chống lại những phân biệt đối xử?

Hai bánh của cỗ xe bình đẳng trong Phật Giáo

Có hai yếu tố để có thể hiểu được quan điểm của Đức Phật đối với vấn đề phân biệt và kỳ thị chủng tộc, giai cấp và giới tính. Đó là yếu tố trí tuệ và yếu tố tử bi.

Trí tuệ mà Đức Phật chứng đắc nhìn thấu suốt vào bản chất của tất cả các pháp đều do duyên mà sinh và diệt. Các pháp thực chất không có bất cứ một định tánh nào và do đó không có bất cứ một tự ngã nào tồn tại thực sự để từ đó làm nền tảng cho quan điểm giai cấp như một thực hữu cầu sinh hay bảm sinh. Vì vậy, giai cấp là quan điểm được xây dựng trên tâm phân biệt cố chấp cho rằng con người có tự ngã thực sự, hay được sinh ra từ những chỗ khác nhau trên thân thể của Phạm Thiên - theo Kinh Vệ Đà của Bà La Môn Giáo, hoặc khởi lên tự mãn, tự đắc về giai cấp của mình cho mình là thành phần thượng đẳng trong xã hội.



Bình đẳng với tất cả mọi người. (www.ipu.org)

Trong Kinh Ambattha của Trường Bộ Kinh (Dīgha Nikāya) do Hòa Thượng Thích Minh Châu dịch, Đức Phật dạy rằng:

"Này Ambattha, một vị đã thành tựu vô thượng trí đức không có luận nghị đến sự thọ sanh, không có luận nghị đến giai cấp hay không có luận nghị đến ngã mạn với lời nói: "Người bằng ta hay người không bằng ta." Chỗ nào nói đến cưới hỏi hay rước dâu đi, hay cả hai, chỗ đó mới có luận nghị đến sự thọ sanh, luận nghị đến giai cấp hay luận nghị đến ngã mạn với lời nói: "Người bằng ta hay không bằng ta."

"Này Ambattha, những ai còn chấp trước lý thuyết thọ sanh [ghi chú của người viết: tức là sự thọ sanh dựa vào vị trí trên thân của Phạm Thiên], còn chấp trước lý thuyết giai cấp, còn chấp trước lý thuyết kiêu mạn, hoặc còn chấp trước cưới hỏi rước dâu, những người ấy còn rất xa sự thành tựu vô thượng trí đức. Này Ambattha, không chấp trước lý thuyết thọ sanh, không chấp trước lý thuyết giai cấp, không chấp trước lý thuyết kiêu mạn, không chấp trước cưới hỏi, đưa dâu, người ấy tức chứng ngộ vô thượng trí đức."

Khi chúng đắc căn bản trí thể nhập bản thể vô sai biệt, Đức Phật nhìn thấy bản tính bình đẳng tuyệt đối của tất cả chúng sinh và ngài đã khởi tâm từ bi để cứu khổ muôn loài. Trong Kinh Lăng Già (Lankāvatāra Sūtra) bản dịch Hán văn của Cầu Na Bạt Đà La (Gunavarma), Đức Phật dạy rằng:

Thế gian ly sanh diệt

Do như hư không hoa

Trí bất đắc hữu vô

Nhi hưng đại bi tâm.

Thiền Sư Thích Duy Lực dịch lời Việt như sau:

Thế gian lia sanh diệt

Như hoa đốm trên không.

Trí chẳng trụ hữu, vô,

Mà khởi tâm đại bi.

Đức Phật có lòng từ bi vô lượng đối với tất cả mọi chúng sinh chứ không chỉ với con người. Trong Kinh Đại Bát Niết Bàn (Mahāparinirvāṇa Sūtra), Đức Phật dạy rằng, "Tất cả chúng sinh đều có Phật tánh." Ngài dạy rằng tất cả chúng sinh đều có khả năng thành tựu mục tiêu tối thượng giác ngộ và giải thoát như nhau. Vì vậy, tất cả chúng sinh đều bình đẳng. Đức Phật tôn trọng sự sống và phẩm giá của mọi người như nhau. Ngài dạy các đệ tử không được nỡ hại người khác và không được giết hại sinh mạng của tất cả chúng sinh. Chính lòng từ bi bao la của Đức Phật đã xô ngã bức tường phân biệt giai cấp của xã hội Ấn Độ thời bấy giờ.

Trong Kinh Từ Bi (Metta Sutta) thuộc Tiểu Bộ Kinh (Khuddhaka Nikaya), do Hòa Thượng Thích Minh Châu dịch, Đức Phật dạy thực

hành lòng từ bi đối với tất cả chúng sinh, không phân biệt các loài.

"148. Mong rằng không có ai,

Lường gạt lừa dối ai,

Không có ai khinh mạn,

Tại bất cứ chỗ nào.

Không vì giận hờn nhau,

Không vì tưởng chống đối.

Lại có người mong muốn,

Làm đau khổ cho nhau.

149. Như tấm lòng người mẹ,

Đối với con của mình,

Trọn đời lo che chở,

Con độc nhất mình sanh.

Cũng vậy, đối tất cả

Các hữu tình chúng sanh,

Hãy tu tập tâm ý,

Không hạn lượng rộng lớn."

Phật dạy về phân biệt giai cấp

Thời đại Đức Phật, giai cấp Tăng Lữ Bà La Môn đã dựa vào Kinh Vệ Đà nói họ được sinh từ miệng của Phạm Thiên (Brahma) nên nắm độc quyền về tự tưởng, tôn giáo, lễ nghi tế tự trong xã hội Ấn Độ. Họ tự cho mình thuộc giai cấp thượng đẳng nên các giai cấp thấp hơn phải tôn kính và tòng phục họ.

Khi Đức Phật truyền bá giáo pháp bình đẳng không phân biệt giai cấp thì tức khắc đã bị giai cấp Tăng Lữ Bà La Môn chống đối và nhiều lần đến tranh luận với Đức Phật về địa vị độc tôn tối thượng của họ.

Đức Phật đã trả lời và khai thị cho họ về quan điểm giai cấp thực ra là thiên kiến, cố chấp, vì con người sinh ra và thừa tự tất cả những gì mà chính con người đã và đang tạo dựng qua ba nghiệp thân, khẩu và ý. Chính các hành động của con người làm cho họ cao thượng hay thấp hèn, chứ không do bất cứ ai khác ban phát hay quyết định. Nếu người tự cho mình thượng đẳng mà hành động không chân chính, không cao đẹp thì chính hành động đó làm cho họ thấp hèn bị người khác khinh miệt. Ngược lại, những người bình dân nghèo khổ nhưng hành động chân chính, chất trực, cao thượng thì các hành động đó làm cho họ cao quý được người khác quý trọng.

Trong Kinh Kê Bần Tiên (Vasalasuttam) trong Tập V của Kinh Tập (Sutta Nipata) thuộc Tiểu Bộ Kinh (Khuddhaka Nikaya) do Hòa Thượng Thích Minh Châu dịch sang tiếng Việt, Đức Phật đã dạy cho Bà-la-môn Aggibhàradvàja về giai cấp như sau:

116. Người phân nô, hiểm hận,

Ác nhân, gièm pha người,

Ác tà kiến, man trá,

Được biết là bần tiện.

117. Ai ở đây hại vật,

Một sanh, hoặc hai sanh,

*Không thương xót hữu tình,
Được biết là bản tiện.*

...
*131. Ở đời nói không thật,
Bị si mê che đậy,
Tham cầu chút lợi nhỏ,
Được biết là bản tiện.
132. Ai để cao tự ngã,
Khi miệt giá trị người,
Hạ mình với tư cao,
Được biết là bản tiện.*

...
*136. Bản tiện không vì
sanh,
Phạm chí không vì sanh,
Do hành, thành bản tiện,
Do hành, thành Phạm chí.*

Chữ “hành” được dịch trong bài kệ trên là chỉ cho hành động tạo tác (karma, actions) gồm ý nghĩ, lời nói và hành động của con người. Bản dịch tiếng Anh của Thanissaro Bhikkhu dùng chữ “action” tức là hành động tạo tác.

Khi hành động, con người tạo ra năng lực, mà trong Luận Câu Xá (Abhidharmakośakārikā của Ngài Thế Thân) gọi là vô biểu sắc, một dạng năng lực vô hình; và trong Duy Thức Tông (vijñaptimātravādin) gọi là chủng tử. Từ năng lực này duy trì nhân tạo tác cho đến khi có kết quả thọ nhận.

Chính trong ý nghĩa này, Đức Phật đã xác định sự bình đẳng của mọi chúng sinh và qua đó Ngài cũng bác bỏ chủ trương giai cấp được các Tăng Lữ Bà La Môn dựng lên.

Trường hợp ngài Ưu Ba Ly

Trước hết là trường hợp người thợ cạo tóc Ưu Ba Ly (Upali) được xuất gia trong Tăng Đoàn của Đức Phật.

Ưu Ba Ly sinh ra ở giai cấp thấp nhất trong xã hội Ấn Độ. Ông có cơ thể yếu đuối cho nên cha mẹ ông cho ông làm nghề hớt tóc. Ưu Ba Ly được nhiều người thích, chẳng bao lâu ông đã trở thành thợ hớt tóc cho các thái tử dòng họ Thích Ca.

Khi Ưu Ba Ly được 20 tuổi, Đức Phật trở lại Ca Tỳ La Vệ để thăm phụ thân của ngài. Đức Phật đã được Ưu Ba Ly hớt tóc. Ưu Ba Ly rất hồi hộp nên ông đã đem mẹ của mình theo. Trong lúc hớt tóc, mẹ của Ưu Ba Ly hỏi Đức Phật, “Nghề hớt tóc của Ưu Ba Ly thế nào?” Đức Phật trả lời, “thân thể quá cong.” Ưu Ba Ly liền đứng thẳng người, và đạt được cấp đầu tiên của chánh niệm (sơ thiền). Sau một lúc, mẹ của Ưu Ba Ly lại hỏi, và Đức Phật đã trả lời, “Bây giờ cơ thể quá thẳng.” Ưu Ba Ly liền buông thả căng thẳng và đạt được cấp thứ hai của chánh niệm (nhị thiền).



*Một người đàn ông thuộc
giai cấp Thủ Đà La từ Bali.
Hình từ năm 1870 của
Tropenmuseum tại Hòa Lan.
(www.en.wikipedia.org)*

Một lúc sau, mẹ của Ưu Ba Ly lại hỏi, và Đức Phật đã trả lời, “hơi thở hít vào quá nhanh.” Ưu Ba Ly tức thì tập trung vào hơi thở, và đạt được cấp thứ ba của chánh niệm (tam thiền). Một lát sau, mẹ của Ưu Ba Ly lại hỏi, và Đức Phật đã trả lời, “hơi thở ra quá nhanh.” Bây giờ Ưu Ba Ly kiểm soát được tất cả tư duy và đạt được cấp thứ tư của chánh niệm (tứ thiền). Đức Phật liền dạy thêm rằng, “Người nào đó nên nhanh chóng lấy con dao khỏi Ưu Ba Ly, ông đã nhập vào cấp thứ tư của chánh niệm, hãy giúp ông để ông không bị té xuống đất!” Tôn Giả Ưu Ba Ly đã được xuất gia trước bảy vị hoàng tử của dòng họ Thích Ca. Ông ấy trở thành sư huynh thọ giới trước, không bao giờ phạm bất cứ giới

nào. Ông thường được Đức Phật nhờ đàn xếp các vụ tranh tụng trong Tăng Già. Sự vô tư và nghiêm khắc của Tôn Giả Ưu Ba Ly đã làm cho ông đàn xếp thành công tất cả các vụ tranh tụng. Tôn Giả Ưu Ba Ly cũng góp ý với Đức Phật trong nhiều nghi ngờ về giới luật và nếp sống thiền môn, để Đức Phật dạy nhiều Kinh.

Tôn giả Ưu Ba Ly là vị đệ tử tri giới số một trong những vị đệ tử xuất gia của Đức Phật. Sau khi Đức Phật nhập Niết Bàn, Tôn Giả Ưu Ba Ly đã trùng tuyên Giới Luật trong kỳ kết tập Kinh Điển đầu tiên do Tôn Giả Đại Ca Diếp chủ trì trong mùa an cư đầu tiên sau khi Đức Phật diệt độ.

Ưu Ba Ly sinh ra trong giai cấp Thủ Đà La là giai cấp thấp nhất trong xã hội. Theo xã hội Ấn Độ thời đó thì Ưu Ba Ly không thể đứng ngang hàng với giới Tăng Lữ Bà La Môn. Nhưng Tôn Giả Ưu Ba Ly đã được đối xử bình đẳng trong Tăng Đoàn của Đức Phật vì Tăng Đoàn của Phật giống như biển cả bình đẳng có thể dung nạp mọi dòng nước từ sông ngòi giai cấp đổ vào.

Nữ giới trong Đạo Phật

Vào thời đại của Đức Phật, thế kỷ thứ 6 trước Tây Lịch, người phụ nữ vẫn còn bị đối xử phân biệt và kỳ thị ở khắp nơi. Đức Phật là Người đầu tiên trong lịch sử nhân loại thừa nhận khả năng và vai trò của phụ nữ bình đẳng với nam giới. Trong Tiểu Phẩm (Cullavagga) của Luật Tạng (Vinaya Pitaka), Đức Phật dạy rằng phụ nữ cũng có thể thành đạt sự giác ngộ.

Trong Kinh Mạt Ly Phu Nhân (Mallikā Sutta) thuộc Kinh Tạng Pali, qua bản dịch Anh Ngữ của Bhikkhu Sujato, khi Vua Ba Tư Nặc

(Pasenadi) của Nước Kosala (Kiều Tát La) mà Thủ Đô là Thành Xá Vệ (Sāvathī) phản nản với Đức Phật về việc Hoàng Hậu Mạt Ly sinh con gái thay vì con trai, Đức Phật đã tán dương Hoàng Hậu Mạt Lợi với Vua Ba Tư Nặc rằng:

*"Tốt, một số phụ nữ thì tốt hơn đàn ông.
Hỡi nhà lãnh đạo quần chúng
Trí tuệ và đức hạnh,
một người vợ hy sinh là người đã tôn kính
mẹ chồng.
Và khi bà ấy có con trai
anh ấy trở thành một anh hùng, hỡi vị
chúa tể của quốc gia.
Con trai của người phụ nữ diễm phúc như
thế*

thậm chí cũng có thể trị vì đất nước."

Liên quan đến Vua Ba Tư Nặc và Mạt Ly Phu Nhân, trong Phần Giới Thiệu Kinh Thắng Man (śrīmālādevī-sūtra), Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ cho biết Thắng Man Phu Nhân trong Kinh Thắng Man chính là công chúa con của Vua Ba Tư Nặc và Mạt Ly Phu Nhân.

"Về tiểu sử của Thắng Man Phu nhân, hiện chúng ta biết rất ít, ngoại trừ những điểm chính như được nói trong phần mở đầu của kinh. Các tài liệu trong điển tịch Phật giáo Trung hoa hiện có cũng không nói gì nhiều hơn những điều mà kinh này nói. Như vậy, chúng ta biết một cách vắn tắt về thân thế của Phu nhân như sau: Phu nhân là con gái của vua Ba-tư-nặc và Mạt-ly Phu nhân, là vương phi của vua Hữu Xứng."

Trong bài giới thiệu này, Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ cũng đã nói đến sự bình đẳng nam nữ trong Phật Pháp.

"Và đây cũng là một biến cố vĩ đại, khi Thắng Man Phu nhân phát khởi chí nguyện Đại thừa. Chí nguyện ấy là mong học hỏi và thấu triệt vô lượng vô biên Phật pháp; và không chỉ có thế, chí nguyện của Phu nhân còn hướng đến những thực hành cao cả, tự mình gánh vác trách nhiệm lớn lao, sẵn sàng xả bỏ thân mạng vì sự tồn tại của Chính pháp và vì ích lợi của tất cả chúng sinh. Nơi đây không còn giới hạn vấn đề mà người ta nói là thường tình nhi nữ hay chí khí trượng phu nữa."

Năm năm sau ngày Đức Phật giác ngộ và cũng là 5 năm sau ngày Đức Phật thành lập Tăng Đoàn Tỳ Kheo, Đức Phật đã chấp nhận cho phụ nữ xuất gia và thọ trì Tỳ Kheo Ni Giới, với vị Tỳ Kheo Ni đầu tiên là Ngài Ma Ha Ba Xà Ba Đề Kiều Đàm Di (Mahapajapati Gotami). Từ đó mà Ni Đoàn của Đức Phật hiện diện và phát triển với vô số vị Tỳ Kheo Ni chứng quả A La Hán giống như chư vị Tỳ Kheo Tăng.

Trong số chư vị Tỳ Kheo Ni đặc đạo thời Đức Phật, ngoài Ngài Ma Ha Ba Xà Ba Đề Kiều Đàm Di và Tỳ Kheo Ni Gia Du Đà La

(Yasodharā), còn có chư vị Tỳ Kheo Ni khác gồm: Tỳ Kheo Ni Khemā, Tỳ Kheo Ni Uppalavannā (Tỳ Kheo Ni Liên Hoa Sắc), Tỳ Kheo Ni Paṭācārā, Tỳ Kheo Ni Dhammānā, Tỳ Kheo Ni Nandā, Tỳ Kheo Ni Soṇā, Tỳ Kheo Ni Sakulā, Tỳ Kheo Ni Bhaddā Kuṇḍalakesā, Tỳ Kheo Ni Bhaddā Kāpilānī, Tỳ Kheo Ni Bhaddakaccānā, Tỳ Kheo Ni Kisāgotamī, Tỳ Kheo Ni Singālakamātā, Tỳ Kheo Ni Singālakamātā, v.v..., theo Tương Ưng Bộ Kinh (Aṅguttara Nikāya).

Trong một hội nghị về Phụ Nữ Trong Phật Giáo tại Đại Học Hamburg của Đức vào năm 2007, Đức Đạt Lai Lạt Ma Đồi Thứ 14 phát biểu về nữ giới như sau:

"Chiến tranh theo truyền thống được thực hiện chủ yếu bởi nam giới bởi vì họ có vẻ được huấn luyện về thể chất tốt hơn cho hành động tấn công. Phụ nữ, ngược lại, có khuynh hướng nhạy bén hơn đối với sự bất an và đau khổ của người khác. Dù nam giới và nữ giới có cùng các khả năng đối với sự tấn công và tâm lòng ám áp như nhau, họ khác nhau trong cách mà cả hai thể hiện dễ dàng hơn. Vì thế, nếu đại đa số lãnh đạo thế giới là phụ nữ, có lẽ sẽ ít nguy cơ chiến tranh và nhiều hợp tác hơn trên cơ bản của sự quan tâm toàn cầu. Tôi cảm thông với những người ủng hộ nữ quyền, nhưng họ không nên chỉ la ó. Họ phải thực hiện các nỗ lực để tạo ra những đóng góp tích cực cho xã hội."

Còn vấn đề giới tính thì Đạo Phật có quan điểm như thế nào?

Giới tính trong Đạo Phật

Đây là vấn đề rất tế nhị và vẫn còn nhiều tranh luận tiếp diễn. Tuy nhiên, có điều rõ ràng là Đạo Phật với lòng từ bi vô lượng không hề kỳ thị và chống đối đối với những người đồng tính nam và nữ, lưỡng tính, và chuyển giới.

Trong bài viết vào năm 1998 của Steve Peskind, người đã qua đời vì bệnh AIDS vào năm 2004 và được đăng trên trang mạng www.lionsoars.com vào 2009, tác giả Peskind có nhắc lại câu nói của Đức Đạt Lai Lạt Ma Đồi Thứ 14 được tạp chí OUT trích thuật nói rằng, *"Nếu một người đến với tôi và hỏi [về đạo đức của hành động đồng tính luyện ái] điều đó có ổn hay không, tôi trước hết sẽ hỏi bạn có đang giữ lời thề tôn giáo nào không. Và câu hỏi kế tiếp của tôi là, quan điểm của người bạn đồng hành của bạn là gì? Nếu bạn đồng ý cả hai, thì tôi nghĩ là tôi sẽ nói rằng, nếu hai người đàn ông hay hai người phụ nữ đồng ý tự nguyện để có sự thỏa mãn với nhau mà không có ý làm tổn hại đến những người khác, thì điều đó là ổn."*

Trong bài nghiên cứu công phu của Thầy Thích Chúc Phú có tựa đề "Quan Điểm Của

Phật Giáo Về Vấn Đề Chuyển Giới (Transgenderism)” được đăng trên www.thuvienhoasen.org vào ngày 19 tháng 12 năm 2017, Thầy Chúc Phú đã nêu ra một số trường hợp chuyển giới trong Kinh Tạng và Luật Tạng và đồng thời cũng nêu ra quan điểm và cách giải quyết của Đức Phật đối với các trường hợp đặc biệt này. Xin trích lại một số nhận định và kết luận của Thầy Chúc Phú trong bài viết nói trên như sau:

“Từ đoạn văn nêu trên của luật tạng, đã bộc lộ rõ ràng quan điểm của Đức Phật đối với vấn đề chuyển giới, thể hiện cụ thể qua những chủ điểm quan trọng sau.

Thứ nhất, khi một vị tỷ-kheo Tăng, vì một lý do đặc thù nào đó mà chuyển thành tỷ-kheo Ni và ngược lại, thì được Đức Phật cho phép sống chung với đoàn thể Tăng, Ni tương ứng. Điều này dẫn đến một kết luận phát sinh là, một sự chuyển giới hợp pháp sẽ được Đức Phật chấp nhận.

Thứ hai, sau khi chuyển giới, vị ấy vẫn được giữ nguyên thầy tế độ, giới phẩm, thâm niên hạ lạp.... Điều đó có ý nghĩa rằng, một cá thể sau khi chuyển giới, vẫn được đảm bảo các phẩm vị cơ bản của con người theo đặc thù phái tính. Nói cách khác, cần tôn trọng và đối xử bình đẳng đối với một người chuyển giới.

Thứ ba, mặc dù được chuyển giới, nhưng tội lỗi vẫn được thẩm xét theo đặc thù phái tính và căn cứ vào thời điểm chuyển giới. Trong thực tiễn đời thường, điều này có nghĩa là, tuy có sự chuyển đổi giới tính nhưng phải đảm bảo trách nhiệm cá nhân đối với những hành vi mà mình đã gây tạo, trước hoặc sau khi chuyển giới.

Như vậy, sự kiện một chúng sanh chuyển đổi giới tính là sự thực lịch sử, được bảo chứng từ cơ sở luật tạng khả tín, và được chính Đức Phật có những quan tâm, hướng dẫn cụ thể.

4. Kết luận

Thành tựu của các ngành khoa học ở Ấn Độ cổ đại được lưu giữ trong những cổ thư Upaniṣads và kinh văn Phật giáo đã xác tín rằng, giới tính con người tuy được định hình trong khi mang thai nhưng thực chất có những biến đổi linh hoạt.

Theo Vi diệu pháp (abhidhamma), giới tính con người được căn cứ vào sắc nam (purisabhāvarūpa) và sắc nữ (iṭṭhibhāvarūpa) thuộc sắc pháp (rūpadhamma). Và đã là sắc pháp, tất sẽ chịu sự tác động của nguyên lý vô thường. Chính vì vậy, khi sắc pháp biến đổi, thì giới tính của con người có khả năng thay đổi theo.

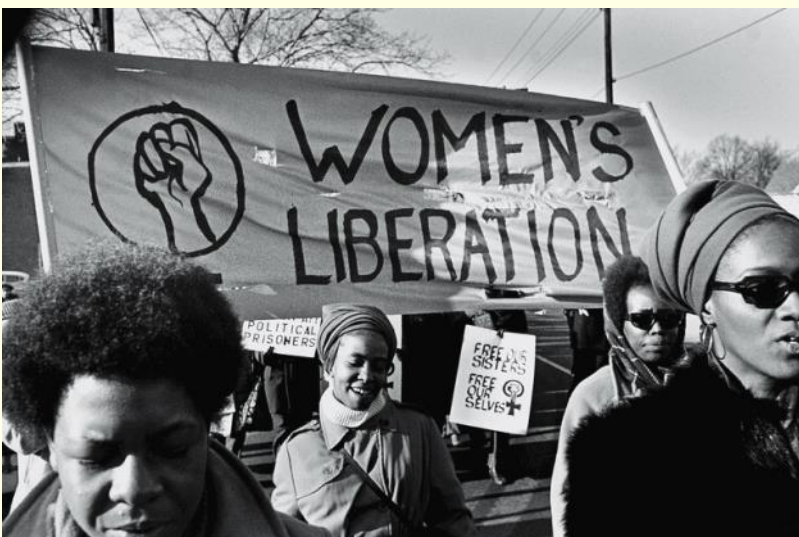
Sự biến đổi của sắc nam và sắc nữ trong khi mang thai và ngay cả lúc trưởng thành đã tạo nên những trường hợp đặc thù về giới tính. Tuy phần lớn những trường hợp này không được xuất gia và thọ giới; mặc dù vậy, vẫn có vài trường hợp biến đổi giới tính sau khi ổn định sinh hoạt trong đời sống tăng-già.

Từ những lời dạy của Đức Phật trong luật tạng liên quan đến việc chuyển đổi giới tính của hàng xuất gia, đã khẳng định rằng, Đức Phật cho phép việc chuyển giới (transgender), và bảo đảm các quyền lợi về nhân thân cũng như trách nhiệm của cá thể này trong những mối quan hệ tương ứng.”

Độc giả có thể đọc nguyên văn bài viết của Thầy Chúc Phú ở đây: <https://thuvienhoasen.org/a29059/quan-diem-cua-phat-giao-ve-van-de-chuyen-gioi-transgenderism->

Tóm lại, những vấn đề này, đặc biệt vấn đề giới tính, vẫn còn nhiều tranh luận chưa thống nhất. Đức Đạt Lai Lạt Ma Đồi Thứ 14, theo bài viết của tác giả Steve Peskind được nói ở trên, cũng đã cởi mở và khuyến khích các thảo luận đối với vấn đề giới tính, nhưng ngài không chấp nhận thái độ bạo động đối với vấn đề này. Ngài cũng cho biết rằng Ngài không có thẩm quyền để thay đổi Giới Luật.

*Vận động đòi giải phóng phụ nữ.
(www.jacobinmag.com)*



thơ NGUYỄN THỊ KHÁNH MINH

MÔNG MỘT TẾT CHA

Ba mươi còn giấu câu mừng
Sáng nay mông một thơm lừng thiệp hoa
Bước chân về với mẹ cha
Con đường ấm chiếc nô nhà. Mẹ ơi

MÔNG BA TẾT THẦY

Cẩn đôi hạt chữ nên lời
a, b, c... dẫn một đời. Bước đi
Một ngàn con chữ theo vì
Mùa xuân kết cỏ. Ôn ghi. Thưa Thầy.

ÔN CHA MẸ

Tình cha huyết mẹ nên con
Vô lượng kiếp chảy trong nguồn sống tươi
Vô lượng mai kia cát bồi
Dòng sông con lại chảy đời biển xanh
Cha mẹ. Hạt suối ngon ngành...
(Mùa Vu Lan 2020)

ÔN ANH EM

Mình được gọi nhau, anh em
Cùng cha mẹ, cùng ruột mềm máu rơi*
Duyên lành lại có xa xôi
Lại cùng nhau, lại ngọt bù, anh em...

*tục ngữ: Anh em máu chảy ruột mềm
(7.2020)



ÔN CON

Vỡ òa tiếng khóc tình khô
Ôn con đến. Mẹ dâm chồi. Nở hoa

Ôn con. Thơ trẻ phù sa
Đắp bồi năm tháng. Tre già. Xanh tươi

Ôn con. Trong veo lòng suối
Cho mẹ về đời đá cuội bình yên

Ôn con. Hải đăng trong đêm
Sóng cả mưa dôn. Tay thuyền mẹ vững

Ôn con. Bãi bờ ngọt lựng
Sóng mẹ về nương những đắng cay

Ôn con bé nhỏ vòng tay
Ôm mẹ ngủ. Rúc no đây giấc thơm

(Viết trong sinh nhật Chương-Chương,
tháng 1, tháng 2.2020)

TIỀN BẠN HIỆN NGUYỄN LƯƠNG VY

Anh ra đi ngày 18 tháng 2, 2021. lúc 1:38 sáng

*Nhạc trầm âm thấm buốt xương da
Không một ai thấy ta vừa chết...(*)*

Anh nói
Tui một đời chỉ học tu thơ
Tim ban sơ nuôi hoài ánh lửa
Soi đêm dài. Điểm mặt ngu ngơ

Một bóng anh đi. Dặm trường con chữ
Từ hòn đất nâu. Bụi ốt quê nhà
Cánh chuồn mỏng kêu mưa. Trời cổ xứ

Nơi khắp khểnh chân ra vào của mẹ
Chiều bên thềm. Xiên nắng quái trên vai
Hỏi, thẳng Vy sao lâu rồi không thấy...

Anh hẹn
Nhất định tui phải về bên mẹ
Áo sờn vai hai bóng một vuông chiều
Như chưa từng, thưa mẹ! Biết bao nhiêu

Biết bao nhiêu! Trả lại đời hư ảo
Chiều mênh mông nghe sương khói mênh mông
Anh bay bổng. Con lần theo nếp áo...

Biết bao nhiêu! Hạt sương rung đầu cỏ
Một chấm ngàn thu. Người đi kẻ ở
Vô tận xa. Ơi vô tận hẹn về

Buổi tàn đông trời cuồng gió nổi
Lạnh nhân gian tung bao nhíp nổi
Thôi xưa sau. Quên nhớ. Bước qua cầu

Thần thờ đêm sâu. Cong dấu hỏi
Ngẩn ngơ hạt lệ. Dấu than gầy!
Ly biệt ly tan đùa nhau vậy

Ngàn sương dấu hỏi dấu than bay...

NTKM

(*) Những chữ xiên là thơ Nguyễn Lương Vy.

Photo: Uyên Nguyễn



TRỞ VỀ MỤC LỤC

CHÁNH TƯ DUY

Toại Khanh

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC



Một trong 7 Tư lương cho Định là Chánh tư duy.

KTC 7. V. Phẩm Đại Tể Đàn 42. Tư Lương Cho Định:

"Này các Tỷ-kheo, có bảy tư lương này của định. Thế nào là bảy? Chánh tri kiến, **chánh tư duy**, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm. Nhất tâm, này các Tỷ-kheo, được bảy chi phần này làm tư lương; đây được gọi là Thánh chánh định, này các Tỷ-kheo, với các sở ý, với các tư lương."

Chánh tư duy gồm có 3 đó là:

1. Ly dục tư duy

Là lìa bỏ một cách có ý thức, intentionally, đối với sự cảm dỗ của vật chất, của tình cảm, tình dục.

2. Vô sân tư duy

Là không có bất mãn, không có ý thức đối kháng với bất cứ người hay vật ở đời. Tôi nói các vị nghe có hiểu không? Là lìa bỏ tâm thái bất mãn, tâm thức đối kháng đối với người và vật ở đời. Lớn chuyện lắm. Nếu mình không nghe định nghĩa như vậy đó thì mình thấy Bát chánh đạo là chuyện trên mây, chuyện trên trời, chuyện của mấy bậc hiền thánh trên 9 tầng cao. Sai, không phải. Chuyện của chúng mình tại đây và bây giờ. Là lìa bỏ một cách có ý thức tâm thái bất mãn, tâm thức đối kháng đối với muôn loài gồm người và vật.

3. Bất hại tư duy

Là lìa bỏ một cách có ý thức tâm thái xung đột mâu thuẫn đang trên đà bạo lực, bạo động. Là một trạng thái tâm xung đột mâu thuẫn ở mức hành động qua thân và khẩu, phun ra những câu mà làm cho người ta phải máu lệ, ra tay tấn công, triệt hạ, tiêu diệt, chà đạp đối với người, với vật. Không chỉ với người mà còn với vật: giận quá đập bàn, đập ghế, đập chén, đập đĩa, đập máy móc, đốt nhà, liêng đá vô cửa kiếng. Thì cái đó đều là hại tư duy hết. Chứ đừng có nói là "Tôi có làm gì đâu? Tôi chỉ có liêng cục đá vô cửa sổ chứ có gì mà làm gì dữ vậy?" Đó là hại tư duy, có nghĩa là mình biến cái bất mãn đó thành hành động, mình dùng cái tâm thái xung đột và mâu thuẫn ở cái mức độ ngoài kiểm soát, ngoài kiềm chế để dẫn đến một cái động thái bằng thể xác, tay chân, hay là bằng ngôn ngữ, lời nói để gây ra cái sự đổ vỡ, tan nát, sụp đổ, hư hao trên người và vật. Thì cái đó được gọi là hại tư duy. Lìa bỏ hại tư duy được gọi là Bất hại tư duy.

Ly dục tư duy, Vô sân tư duy và Bất hại tư duy cộng lại được gọi là Chánh tư duy.

(Trích bài giảng KTC.7.4 Tư Lương Kalama xin tri ân bạn elteetee ghi chép)

CHÙA QUÁN SỨ Ở BẮC VIỆT

(Chương XXXIV,
VIỆT NAM PHẬT GIÁO SỬ LUẬN, TẬP III)

Nguyễn Lang

LỊCH SỬ / TÀI LIỆU

(tiếp theo)

THIÊN SƯ TỔ LIÊN

Trong số các nhân vật hoạt động nhất của Phật giáo miền Bắc, các thiền sư Tổ Liên, Trí Hải, Tuệ Chiếu và Vĩnh Tường là những khuôn mặt nổi bật nhất. Thiền sư Tổ Liên tên đời là Nguyễn Thanh Lai, sinh năm 1903 tại Hà Đông, xuất phát từ chùa Hương Tích và là đệ tử của thiền sư chùa này. Tính người cương trực, chuộng hoạt động, ông đã từng đi du phương tham học nhiều nơi và đã dừng lại khá lâu để trau dồi Phật học tại các đạo tràng Tế Xuyên và Vĩnh Nghiêm. Ông cũng đã từng tu học tại thiền viện Côn Sơn ở Thanh Mai. Từ Côn Sơn về để cộng tác với hội Bắc Kỳ Phật giáo, ông đã đóng góp rất nhiều cho Phật học đường Quán Sứ và cho những hoạt động xã hội và văn hóa của hội. Ông làm chủ tịch hội Tăng Ni Chính Lý Bắc Việt hồi ông được 47 tuổi.

Ông đã có công cho khắc in rất nhiều bản và phổ biến trong toàn quốc bộ *Việt Nam Phật Điển Tùng San*, mong tác phẩm này được lưu truyền hậu thế và không còn bị mai một. Là chủ nhiệm và chủ bút báo *Phương Tiện*, ông còn lo mọi việc đối nội và đối ngoại không những cho hội Phật giáo Tăng Già Bắc Việt mà còn cho hội Việt Nam Phật giáo nữa. Chính ông đã vận động suy tôn thiền sư Mật Ứng lên làm thiền gia pháp chủ của Phật giáo Tăng Già Bắc Việt. Cũng chính ông đại diện cho Phật giáo Việt Nam đi dự hội nghị thành lập hội Thế Giới Phật giáo Liên Hữu năm 1950 tại Tích Lan và đưa Phật giáo Việt Nam vào với tư cách sáng lập hội viên của hội này. Trong thời gian từ 1949 đến 1954 ông thường vào Trung và Nam để tham luận và đàm đạo với các nhà lãnh đạo Phật giáo ở đây về phương thức thống nhất Phật giáo và

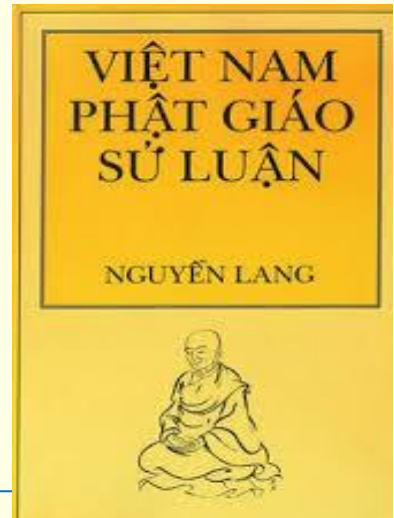


xây dựng cơ sở vững chãi cho một giáo hội tương lai. Ông để tâm rất nhiều đến việc đào tạo tăng tài và thiết lập những cơ sở văn hóa về giáo dục cho giáo hội. Ông chuyên viết bài giảng phổ thông về Phật học để nhà *Đuốc Tuệ* ấn hành.

Ông không biết cúi đầu trước bất cứ một quyền lực nào. Năm 1952 khi có lệnh động viên cả giới tăng sĩ Phật giáo, ông đã phản đối dữ dội quyết định này trước mặt ông thủ hiến Bắc Việt.

Năm 1954, sau khi đất nước bị qua phân, ông cùng thiền sư Trí Hải nỗ lực bồi đắp và bảo vệ cơ sở Phật giáo đã được xây dựng lại từ 1949 tại miền Bắc. Chính sách hạn chế tôn giáo của nhà nước miền Bắc đã từ từ giới hạn phạm vi hoạt động của Hội Phật giáo Tăng Già Bắc Việt và Hội Việt Nam Phật giáo. Ông và các thiền sư đồng chí đã cương quyết chống lại chính sách hạn chế này và quần chúng Phật tử tại Hà Nội đã hết lòng ủng hộ ông. Tuy vậy, guồng máy càng ngày càng khép chặt, cuối cùng những phần tử thân

chính quyền đã lọt vào trong các cơ cấu tổ chức Phật giáo. Năm 1958, dưới áp lực của chính quyền, Hội Phật giáo Thống nhất được thành lập với thiền sư Trí Độ ở chức vụ hội trưởng. Những cơ sở thành lập từ 1949 bị giải tán. Thiền sư Tổ Liên cùng các đồng chí mất dần vai trò lãnh đạo. Thiền sư Tuệ Tạng, thượng thủ Giáo hội Tăng già Toàn quốc phải rời chùa Quán Sứ để về Nam Định. Thiền sư Trí Độ liên tục làm hội trưởng hội Phật giáo Thống Nhất cho đến năm ông viên tịch (1979). Thiền sư Trí Độ là người được chính quyền tin tưởng. Từ 1955 trở đi ông đã được liên tục cử vào Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.



Những cơ sở như Phật học đường Vân Hồ, Phật học đường Quán Sứ, trường trung học Khuông Việt, trường trung học Vạn Hạnh, nhà xuất bản *Đuốc Tuệ*, tạp chí *Phương Tiện*, cô nhi viện Phật giáo, v.v... đã lần lượt bị giải tỏa từ sau 1954. Thiền sư Tố Liên bị cô lập hóa từ từ với quần chúng mà ông lãnh đạo và đã từng bị quản thúc nhiều năm tại Nam Định. Ông mất tại Hà Nội vào năm 1977.

THIỀN SƯ TRÍ ĐỘ

Thiền sư Trí Độ, hội trưởng hội Phật giáo Thống Nhất, tên đời là Nguyễn Kim Ba, sinh năm 1895 tại làng Phố Trạch, tổng An Nhơn, tỉnh Bình Định. Năm chín tuổi ông được học chữ Nho và năm mười tám tuổi ông theo học trường sư phạm. Năm 1919 ông được bổ đi dạy tại trường Vinh Lưu. Nơi đây, được gần gũi thiền sư Liên Tôn, ông trở thành hâm mộ đạo Phật. Thiền sư Liên Tôn khuyên ông tới thọ giới và xuất gia với thiền sư Trí Hải chùa Bích Liên ở làng Hảo Đức, quận An Nhơn. Năm 31 tuổi ông được thiền sư Trí Hải đưa tới chùa Thập Tháp để học với thiền sư Phước Huệ. Năm 1931, thiền sư Lê Khánh Hòa ở Nam Kỳ Nghiên cứu Phật học gửi thư cho thiền sư Phước Huệ để mời ông và thiền sư Liên Tôn vào Nam cộng tác với tạp chí *Từ Bi Âm*. Trong *Từ Bi Âm*, ông dịch và chú giải các kinh *A Di Đà*, *Phổ Môn*, *Vu Lan Bồn*, viết về Duy Thức trong một loạt bài mà đề tài là *Luận Về Sóng Thức* và viết những bài giáo lý như *Phép Lay Hồng Danh Sám*, v.v...

Năm 1934 ông trở về Bình Định và sau đó không lâu, ông ra Huế và được mời làm đốc giáo trường An Nam Phật học năm 1935. Vốn từng được huấn luyện về sư phạm, ông đã đưa vào trường An Nam Phật học lối giảng dạy có phương pháp rất được các học tăng ưa thích.

Tham dự vào phong trào Phật giáo Cứu quốc từ 1945, ông được bầu làm ủy viên Ủy ban Liên Việt tại Thanh Hóa năm 1950 và năm 1953 ông được nhà nước chỉ định làm ủy viên Ủy ban Việt Nam Bảo vệ Hòa bình Thế giới. Năm 1975 ông được vào Sài Gòn thăm chùa Ấn Quang và Viện Đại học Vạn Hạnh. Ông tịch ngày 24.10.1979 tại Hà Nội.

THIỀN SƯ TRÍ HẢI

Thiền sư Trí Hải tên đời là Đoàn Thanh Tảo, sinh năm 1906 tại Nam Định, trú trì chùa Mai Xá, đệ tử của thiền sư Thông Dũng



ở chùa Mai Xá, tỉnh Hà Nam. Ông xuất gia năm 17 tuổi, thọ đại giới năm 20 tuổi. Năm 25 tuổi ông được ủy nhiệm trú trì chùa Phú Đa ở xã Yên Lập, tỉnh Hà Nam. Năm sau vì bổn sư viên tịch, ông trở lại trông coi chùa Mai Xá.

Ông là người có công đầu trong việc vận động thành lập hội Bắc Kỳ Phật giáo và đã suốt đời xây dựng cơ sở Phật giáo tại miền Bắc. Chính ông đã thu xếp để mời thiền sư Tố Liên từ Thanh Mai về để cộng tác với chùa Quán Sứ.

Năm 1934, sau khi đã vận động thành lập xong hội Bắc Kỳ Phật giáo, ông chuyên lo về việc giao tế và đối ngoại cho hội. Ông đứng ra trùng tu

chùa Quán Sứ năm 1936. Ông lại vận động thành lập nhà in *Đuốc Tuệ* và viện cô nhi cho hội và đã dành rất nhiều thời giờ của ông để chăm sóc những cơ sở này. Ông đã ủy cho đệ tử của ông là thiền sư Tâm Giác trông lo về ngành thanh thiếu niên Phật tử.

Năm 1952, tại đại hội thành lập Tổng hội Phật giáo Việt Nam tại chùa Từ Đàm, Huế, ông được bầu làm phó hội chủ của Tổng hội. Phái đoàn hội Phật giáo Tăng ni Bắc Việt lúc ấy được lãnh đạo bởi thiền sư Mật Ứng, Thiền gia pháp chủ Bắc Việt.

Thiền sư Trí Hải là tác giả cuốn *Truyện Phật Thích Ca* bằng thơ lục bát, ấn hành năm 1951. Tác phẩm này tuy chỉ có 50 trang nhưng được phổ biến rất rộng vì tính cách đại chúng của nó. Từ năm 1951 đến 1953 sách đã tái bản tới bảy lần, mỗi lần hàng vạn cuốn. Sách do nhà in *Đuốc Tuệ* xuất bản. Nhà in Hòa Ký ở Hà Nội cũng đã in nhiều bài giảng của ông, như các bài *Công Cầu Đạo Của Đức Thích Ca*, *Công Quả Tu Hành Của Đức A Di Đà*, *Đế Của Thân Sau*, *Phật Học Hiện Thuyết*, *Phật Với Chúng Sinh*, *Thiên Ác Báo Ứng*, *Từ Bi Hỷ Xá*, v.v... phần lớn những bài giảng này được ấn hành khoảng từ năm 1935 đến 1940. Ông đã biên soạn và phiên dịch được cả thảy 28 tác phẩm trong đó có *Kinh Lục Độ Tập*, *Khóa Hư Lục* và *Trúc Lâm Tông Chỉ Nguyên Thanh*.

Sau 1958, cũng như thiền sư Tố Liên, ông đã bị cô lập hóa và không tiếp tục được sự nghiệp hoằng hóa lớn của mình. Ông viên tịch vào ngày 30.6.1979 tại Hải Phòng, thọ 74 tuổi, sau một chuyến thăm viếng miền Nam. Tại đây ông đã gặp nhiều bạn đồng chí cũ.

Các thiền sư Tố Liên và Trí Hải mặc dù gặp nhiều khó khăn, đã sống trên hai mươi

năm trong môi trường xã hội chủ nghĩa. Thiền sư Vĩnh Tường, một người đồng chí của họ, trú trì chùa Thần Quang, Hà Nội, người đã thực hiện pho tượng bằng đồng lớn nhất Việt Nam, chỉ sống được không đầy một năm tại môi trường này. Theo báo *Tự Do* số 730 ra ngày 6.6.1959 tại Sài Gòn thì ông đã vì bức tử, phải uống át xít tự tử năm 1955 tại chùa Thần Quang (Ngũ Xã) ở Hà Nội. Thiền sư Mật Thể đại biểu Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa vì chống lại chính sách hạn chế Phật giáo cũng đã bị quản thúc tại Nghệ An năm 1961.

Phật giáo tại miền Bắc, từ 1954 trở đi đã cố gắng đi chìm vào bề sâu. Không tạp chí Phật giáo nào xuất bản. Không Phật học viện nào được mở cửa thu nhận học tăng. Không có kinh sách nào được xuất bản, trừ bộ kinh *Lãng Nghiêm* của cư sĩ Tâm Minh. Phật tử chỉ được tổ chức lễ lược mỗi năm hai kỳ: ngày Phật Đản và ngày Vu Lan. Tăng sĩ từ 30 tuổi trở xuống đều phải cỡi áo hoặc để đi vào quân ngũ, hoặc đi vào mặt trận sản xuất. Các Phật học viện không còn học tăng. Mỗi tự viện chỉ còn lại một hoặc hai tăng sĩ lớn tuổi. Những vị này phải dùng phần lớn thì giờ của mình để làm công việc canh tác sản xuất. Ruộng đất của chùa được hiến cho nhà nước để làm cách mạng xã hội. Giáo hội không còn tài sản nào để làm cơ sở hành đạo.

Tuy vậy, tiềm lực của đạo Phật vẫn còn rất lớn lao ở chiều sâu. Tiềm lực này đã được chính quyền thấy một lần năm 1963 tại công trường Ba Đình, khi Phật tử thủ đô được mời tới dự lễ truy niệm thiền sư Quảng Đức, người đã tự thiêu tại Sài Gòn để chống chính quyền Ngô Đình Diệm. Phật tử Hà Nội, nhân dịp này, đã đến tràn ngập quảng trường Ba Đình, đông đảo không kém gì ngày mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản *Tuyên Ngôn Độc Lập* năm 1945. Hơn ai hết, chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa biết rằng tiềm lực ấy có cơ hội là phát hiện thành phong trào lớn.

CÁC NI VIỆN MIỀN BẮC

Hiện biên giả chưa có được phương tiện khảo cứu về sinh hoạt của giới ni sư miền Bắc. Ni chúng ở miền Bắc có một truyền thống lâu dài hơn miền Trung và miền Nam, đó là lẽ đương nhiên. Tại Hà Nội có một ni viện lớn ở đường Hàng Than đã được thành lập nhiều đời; tổ đình này thường được gọi là Sơn môn Am. Mỗi năm các ni sư quy tụ về đây để kết hạ có khi trên một trăm vị. Tại Hà Đông ở làng Khoang có một ni viện quy mô khác được gọi là Sơn môn Khoang. Đây cũng là một tổ đình lớn của ni giới. Ở Phúc Yên, Sơn môn Trung Hậu cũng đã đào tạo được nhiều vị danh ni để gửi đi hoằng hóa khắp nơi.

Chùa Viên Minh ở Hà Nội gần đền thờ Hai

Bà Trưng cũng là một tổ đình. Chùa này do ni sư Đàm Kiên tạo dựng. Sau khi ni sư Đàm Kiên viên tịch, các ni sư Đàm Chắt, Đàm Nghĩa, Đàm Hình và Đàm Thuần kế nhau trú trì ni viện này. Năm 1930, ni sư Đàm Thu, người kế vị Đàm Thuần, lo việc trùng tu. Bà là tổ thứ sáu của chùa Viên Minh. Nhờ có bài văn trên bia chùa do Phó Bảng Hoàng Tăng Bí soạn cho nên tên tuổi các ni sư nói trên đã được lưu truyền lại.

Ni viện đầu tiên được tổ chức theo kiểu học viện mới là ni viện Bồ Đề ở Hà Nội, trong khuôn khổ nền Phật giáo phục hưng do thiền sư Thanh Hanh lãnh đạo. Kế đó là ni viện Vân Hồ do thiền sư Tổ Liên vận động thành lập vào năm 1949. Ni sư Đàm Soạn được mời làm giám học và quản chúng ni viện này.

Ni viện Vân Hồ bước vào thời kỳ thịnh đạt kể từ năm 1952. Trong ban giảng huấn, ngoài các ni sư như Đàm Soạn và Đàm Đậu, còn có các thiền sư Tuệ Tạng, Tổ Liên và Trí Hải. Chương trình học, ngoài nội điển, còn có sinh ngữ, khoa học phổ thông và tiểu công nghệ.

NI SƯ ĐÀM SOẠN

Ni sư Đàm Soạn là một danh ni rất được mến chuộng. Vì đã từng làm tọa chủ các chùa Thanh Nhàn, Từ Hàng và Đức Viên nên ni sư cũng thường được gọi bằng những danh xưng này. Đây là vị ni đầu tiên được vời vào hoàng cung Huế dạy đạo cho các bậc hoàng hậu và cung phi. Ni sư Đàm Soạn sinh ở làng Cự Đà, tỉnh Hà Đông, xuất gia từ hồi nhỏ tuổi, được theo học với thiền sư Đông Hồ tại Sơn môn Trung Hậu tỉnh Phúc Yên.

Năm 1928, bà có tham dự vào việc xem đất để xây cất chùa Diệu Viên tại Thừa Thiên. Chùa Diệu Viên có thể được xem như là ni tự đầu tiên ở Huế. Ni sư Hương Đạo, sau này làm tự trưởng Diệu Viên, là đệ tử của bà. Bà thường hay vào Huế mỗi năm ba tháng để cùng các ni sư ở đây làm Phật sự. Năm 1950 bà được mời làm giám học và quản chúng ni viện Vân Hồ. Sau đó bà mời ni sư Đàm Đậu chấp chương trách vụ này để bà có thêm thì giờ lo việc giảng dạy.

Năm 1952 bà được hội Dục Sư mời vào viếng chùa Dục Sư ở Gia Định. Bà đã khuyến khích các ni sư ở đây nỗ lực phát triển xây dựng chùa Dục Sư thành một Ni học đường lớn. Sau khi trường Dục Sư được thành lập, bà ở lại an cư ở đây ba tháng. Sau đó bà về Hà Nội an cư tại chùa Đức Viên. Bà tịch ở Bắc Ninh năm Mậu Thân (1968). Một trong những vị cộng sự xuất sắc nhất của bà là ni sư Đàm Đậu, xuất thân từ chùa Đan Thu ở Hà Nội. Ni sư Đàm Hậu là khuôn mặt có thể gọi là sáng chói của ni viện Vân Hồ.



Tứ cú lục bát đón Tân Xuân

XUÂN XƯA

*Sân gạch đỏ, xác pháo hồng
Tươi xanh hoa lá giàn bông giấy già
Tuổi thần tiên vẫn chưa xa
Hồn nhiên áo mới, nếp nhà an vui.*

XUÂN MỘNG

*Ngát hương hoa nở đêm dài
Thiên đường rộng mở sóng soài nằm nghe
Vang lừng chim hót chân quê
Nàng Thơ nhí nhảnh nhảy đề lên tim.*

XUÂN TÌNH

*Bỗng dưng tỉnh giấc ngủ vùi
Vành môi mỉm cười trong veo
Qua rồi đông cũ hắt hiu
Sớm xuân hái lộc liêu xiêu phương tình.*

XUÂN CỬA THIÊN

*Chuông trầm thư thái vọng ngân
Vàng mai đỏ sứ quanh sân hiền hòa
Khói hương quyến lấy mứt trà
Miên man chuỗi hạt đêm già trên tay.*

XUÂN TRÊN PHỐ

*Nhạc vàng réo rắt gọi xuân
Đèn vui nhấp nháy, hoa tung bùng cười
Lao nhao điệp khúc chào mời
Cà phê góc khuất tôi ngồi ngắm em.*

XUÂN GIỮA CHỢ

*Thõng tay đi giữa chợ đời
Dập dề muôn sắc đây trôi gót mòn
Tìm hoài một chút lạ ngon
Ngẫu nhiên nhật tiếng cười giòn, giòn tan.*

XUÂN VEN ĐƯỜNG

*Đỏ vàng lấp lánh tường rêu
Nắng soi câu đối tiền nghèo ra đi
Phong bao đợi Tết sum vầy
Bên lê em mỉm cười say kẻ khờ.*

XUÂN GÁC VÀNG

*Ừ thì đã thấy ngày xuân
Bút sa tục tử đang rung nhịp đời
Thơ bay cùng với đất trời
Nâng ly trà đá xin mời nhân gian!*

thơ **TÂM KHÔNG – VĨNH HỮU**



NĂM HẠNH

(*Câu Chuyện Cuối Tuần*— bài viết hàng tuần của GĐPT
do **NHÓM ÁO LAM** thực hiện)

TRANG GIA ĐÌNH PHẬT TỬ

A.- DẪN NHẬP

Các Đức Phật, các vị Bồ tát đều có đầy đủ năm hạnh lành: Từ bi, Hỷ xả, Tinh tấn, Thanh tịnh và Trí tuệ. Là Phật tử chúng ta phải học tập năm hạnh đó. Hơn nữa, đã là một Huynh trưởng, chúng ta trước hết phải trau dồi năm hạnh, tập sống theo năm hạnh để rồi khuyến hóa nhắc nhở các em của chúng ta thực hành năm hạnh.

B.- NỘI DUNG

I.- NĂM HẠNH:

1.- Ý nghĩa của năm hạnh:

a.- *Từ bi*: Đúng ra là gồm 2: Từ và Bi. Từ là đem vui, Bi là cứu khổ.

Bằng mọi cách đem lại nguồn vui cho kẻ khác gọi là "Từ", bằng mọi cách làm vơi đi nỗi khổ cho người khác gọi là "Bi". Không những cho người mà còn cho cả loài vật. Nhưng thường đem lại nguồn vui thì cũng vơi đi nỗi khổ.

Một người đang khổ vì đói khát, không cơm ăn, mình đem thức ăn đến cho họ, trong cơn đói mà có được thức ăn thì chắc chắn cảm thấy vui sướng. Vậy, giúp cho người đang đói một bát cơm là một lúc hành động cả Từ lẫn Bi.

Một người đang đau khổ vì mất mẹ, chúng ta dùng lời lẽ ôn tồn an ủi, giải thích cho người ấy hiểu "Chết" chỉ là một giai đoạn chuyển tiếp từ trạng thái này sang trạng thái khác hoặc từ thân này sang thân khác, giống như đám mây kia gặp lạnh thì chuyển thành mưa, phàm có sinh ắt có tử, có thành ắt có hoại, ta còn có cách để báo hiếu chứ không phải là tuyệt vọng. Nhờ hiểu được như vậy, người kia đã vơi bớt nỗi khổ đau tức là giảm được nỗi buồn, đã có được niềm vui len lỏi vào trong nỗi buồn.

Một em bé đang bị kẻ du đảng uy hiếp, em hết hoảng sợ hãi, ta đến can thiệp bênh vực cho em bé, em bé thoát khỏi sự hành hung của tên du đảng. Em không còn đau khổ vì sợ hãi và em vui mừng trong cơn nguy hiểm được có người cứu thoát. Trong khi cứu khổ lại vừa đem đến an vui. Chính vì vậy mà

Từ thường ghép với Bi.

Người có hạnh Từ Bi, cõi lòng luôn rộng mở, mỗi hành động, mỗi lời nói, mỗi ý nghĩa đều đem tới vui tươi cho kẻ khác, làm vơi nỗi khổ cho kẻ khác.

b.- *Hỷ xả*: Hỷ xả cũng là hai hạnh: Hỷ là vui mừng, người có hạnh hỷ tính tình vui vẻ. Xả là buông bỏ không chấp, không tham đắm. Ví dụ: có người chưởi mắng ta nhưng ta không chấp, không lấy đó làm nhục, không vì lời chưởi mắng ấy mà nổi sùng, ta vẫn điềm nhiên.

Ta có một chiếc Honda mới, ta giữ gìn cẩn thận luôn luôn lau chùi sạch sẽ, nhưng ta sẵn sàng cho bạn mượn khi bạn cần chứ không bo bo ôm giữ: dù bạn có làm trầy chột hay hư hỏng đôi chút ta cũng không lấy gì làm tiếc nuối.

Nói rộng ra, mọi của cải tài sản, ta đừng quá lệ thuộc vào nó, đừng quan niệm là "của ta" (khi xuôi tay nhắm mắt có đem theo được không? Khi đó còn của ta nữa không?). Mỗi



khi hư hỏng, mất mát chúng ta đừng tiếc nuôi đau khổ (phải hiểu lẽ vô thường). Nếu cừ chấp chặt: phải là "của ta" thì ta đâu dám cho ai vật gì dù là nhỏ nhoi. Cả thân mạng chúng ta cũng coi thường, có phải sở hữu của ta đâu ? Chỉ cần một tai nạn là thân mạng này không còn nữa. Một luồng gió độc cũng có thể cướp mất thân mạng ta. Thân ta chỉ tồn tại trong từng hơi thở, thở ra mà không thở vào thì...

Người có hạnh "Xả" thì tâm bao giờ cũng bình thản tươi vui, tính tình trở nên vui vẻ, nên "Hỷ" thường ghép với "Xả".

c.- Tinh tấn: Tinh tấn là tinh cần và vững tiến. Luôn luôn siêng năng và có chí vượt khó. Trên đường học đạo dù gặp bao nhiêu khó khăn, bao nhiêu cực nhọc cũng bền chí tiến bước. Người có hạnh "Tinh tấn" bao giờ cũng mong cầu học hỏi giáo lý, mong cầu tu tập giải thoát, không bao giờ lui bước khi gặp khó khăn, khi đối đầu với nghịch cảnh.

d.- Trí tuệ: Hiểu biết sáng suốt. Tức là hiểu biết đúng đắn, nhận rõ được sự thật (chúng ta đừng lầm hiểu biết ở đây là hiểu biết thế gian - thế trí - Vì có thể những hiểu biết về khoa học, những phát minh lớn lao mà không phải là hiểu biết sáng suốt. Ví dụ: Như phát minh bom nguyên tử để tiêu diệt loài người thì đâu có "sáng suốt").

Người có hạnh "Trí tuệ" bao giờ cũng muốn tìm hiểu đúng sự thật, trước bất cứ vấn đề gì cũng muốn hiểu cho thấu đáo và thích nghiên cứu học tập giáo lý, thích bàn luận về giáo lý chứ không thích phung phí thời giờ trong các câu chuyện phù phiếm.

e.- Thanh tịnh: Thanh tịnh là trong lặng. Thanh tịnh thường chỉ về tâm hồn.

Một tâm hồn trong sạch tức là không có một ý nghĩ hay hành động xấu xa, độc ác.

Thanh tịnh còn có nghĩa sâu hơn, tâm thanh tịnh tức là tâm trong lặng, không vấy lên một tạp niệm nào. Người có hạnh "Thanh tịnh", không những là người không bao giờ có những ý nghĩ xấu ác, những mưu đồ đen tối mà còn là người luôn luôn tìm cách giữ tâm mình trong lặng, không vọng động.

2.-Cần hiểu đúng về năm hạnh:

Như trong bài "Mục đích Phật Pháp" có đề cập đến phải cẩn thận khi tìm hiểu một từ ngữ trong Phật giáo. Không thể hiểu từng từ Phật giáo qua từ ngữ thông thường của ngoài đời. Lầm lúc ngoài đời thường vay mượn danh từ Phật giáo nhưng dùng không thật đúng nghĩa của nó. Chẳng hạn từ "giác ngộ" từ "tự giác" đã trở thành từ đầu môi của nhiều người, nhưng những người dùng nó lại không phải là Phật tử nên đâu có đúng nguyên nghĩa của nó, "hoan hỷ" bây giờ cũng đã trở thành từ quen thuộc ở ngoài đời và người ta cũng đã dùng nó để diễn đạt một cách lịch sự ("kính xin ông hoan hỷ chấp



thuận..."). Thật là quá lạm dụng từ ngữ phải không?

Vì vậy chúng ta thấy: Từ bi không thể đồng nghĩa với "nhân từ" hay "Bác ái". Từ bi có nghĩa sâu hơn và rộng ra đến vạn loại chúng sanh chứ không phải chỉ hạn định đối với "người". Nhiều Tự điển (chẳng hạn như TỰ ĐIỂN VIỆT NAM của Ban Tu Thư Khai Trí) chỉ giải nghĩa "Thanh tịnh": 1.- Trong sạch ; 2.- Yên tĩnh. Mà đúng vậy, ngoài đời chỉ hiểu rằng: Khoảng không gian vắng lặng, không có tiếng ồn ào là thanh tịnh. Còn từ "Hỷ Xả" (cũng tự điển nói trên) giải thích: Xả thân một cách vui vẻ. Thế cũng đúng, nhưng chỉ một khía cạnh "Xả thân". Đúng nghĩa của nó là buông bỏ tất cả.

Trí tuệ ở đây phải hiểu là Phật trí chứ không phải là thế gian trí (như đã giải thích). Vậy có người có thể có bằng cấp văn hóa cao: Cử nhân, Tiến sĩ mà không hiểu gì về giáo pháp, không xây dựng sự hiểu biết của mình trên nền tảng "tình thương" thì cũng là người "không có trí" (đối với đạo Phật). Trái lại người không có bằng cấp văn hóa, nhưng lại là người từng nghiên cứu sâu sắc về đạo Phật đem giáo lý thực hành trong đời sống thì lại là người "có trí" (dĩ nhiên thế gian trí cũng có thể là phương tiện giúp cho chúng ta để mở mang Phật trí).

Tinh tấn không chỉ có nghĩa tiến tới một cách sáng suốt mà còn phải bao hàm cả nhẫn nại hy sinh.

Khi tìm hiểu một từ ngữ Phật giáo ta



phải biết tầm nguyên.

3.- Tương quan của Năm Hạnh:

Thật ra năm hạnh đều có tương quan với nhau. Người có hạnh Từ Bi làm gì cũng cần nhắc xem việc mình sắp làm có tác hại gì đến ai không? Nếu biết dựa vào giáo pháp để cần nhắc thì chính sự cần nhắc này đã thể hiện đức tính trí tuệ (phân tích thật kỹ càng, tìm hiểu cho chu đáo). Và ngược lại, người có trí tuệ (Phật Trí) thì hành động phải phù hợp với giáo pháp bao giờ cũng lợi mình, lợi người vậy hành động ấy mang tinh thần Từ bi.

Cũng vậy, người có hạnh Hỷ xả mới dễ dàng thực hiện sự Bồ thí, tức là có lòng Từ bi (người nào cứ khư khư chấp chặt vào tiền của, bo bo ôm giữ mãi, có một muốn sinh sản thành hai, ba, bốn muốn nảy nở thành năm sáu thì làm sao Bồ thí được?). Khi chúng ta đã giúp cho ai một ít tiền bạc hay vật dụng thì chúng ta đã buông bỏ nó một cách vui vẻ rồi. Vậy, có "Hỷ xả" dễ dàng tăng trưởng hạnh "Từ bi", và có Từ bi dễ dàng xây dựng hạnh "Hỷ xả".

Những người có tâm hồn trong lắng không vọng động thì trí tuệ dễ phát chiếu. Vậy hạnh Thanh tịnh hỗ trợ cho hạnh Trí tuệ và ngược lại người có Trí tuệ mới thấy được "Thanh tịnh" là cần thiết trong cuộc sống. Khi đã thấy được như vậy thì không có gì có thể làm cản trở bước đường tu học. Vì có trí tuệ ta đã nhìn rõ "Chỉ có giáo pháp là ngọn đèn soi sáng trên con đường giải thoát" mà chúng sanh thì đang lặn hụp trong bể khổ trầm luân, cho nên chúng ta thiết tha mong cầu giải thoát... Thế thì có sự nguy nan nào có thể làm chùng bước ta được trên con đường học đạo và hành đạo thì làm sao mà không phát triển được Từ bi, Trí tuệ.

Vậy thì ngược lại Tinh tấn cũng tương quan với các hạnh khác.

II.- TRAU DÔI NĂM HẠNH:

Đã là "Hạnh" tức là phải thuộc trong con người chúng ta, trong tâm chúng ta, trong thân chúng ta chứ không còn là một từ ngữ trống rỗng bên ngoài và cũng không còn chỉ là một thái độ. Chẳng hạn nói hạnh "Từ bi"

không phải chỉ là một thái độ "Từ bi" nữa. Đó là "Hạnh". Vậy nó có sẵn trong tâm, trong thân nên mỗi lời nói, một hành động, một ánh mắt, một nụ cười đều có chất liệu Từ bi.

Người Huỳnh trưởng chúng ta không còn nói là "thực hành" năm hạnh nữa.

Đối với các em, 5 hạnh này có ở các đức Phật, các vị Bồ tát, các em phải học và tập tức là hiểu và thực hành trong đời sống các em. Là Huỳnh trưởng chúng ta phải đưa năm hạnh này vào trong tâm, trong thân của chúng ta. Là 5 hạnh của người Phật tử (dĩ nhiên không sao sung mãn như các đức Phật, chư vị Bồ tát, nhưng ít ra cũng thoang thoảng đôi chút chút). Đành rằng: Hạnh thì còn có căn duyên nhưng nếu không biết trau dồi thì cũng khó mà tồn tại.

1.- Trau dồi hạnh từ bi:

Tùy căn cơ của mỗi người. Có người khi thấy một bạn đau buồn khổ sở, không có một lời để với bớt nỗi khổ của bạn mà ngược lại, nói ra lời nào thì chỉ gợi thêm sự đau khổ của bạn thôi, nhưng người đó lại có thể bỏ tiền để hỗ trợ cho công cuộc in ấn kinh sách, thể cũng là có tâm từ, cũng là Pháp thí; một quyển sách, giáo lý cũng là một vị thầy đấy. Lại có người không thể nhìn được sự vu khống nhục mạ của kẻ khác mà phải nổi cơn thịnh nộ mắng chửi, đánh đập nhưng họ lại có thể bỏ tiền gạo giúp cho những người nghèo đói. Vậy tùy căn cơ mà làm phát triển tâm Từ của mình. Ta phải biết quán - Người vu khống, chửi mắng ta, ta không nhìn được, nhưng ta thử đặt mình vào địa vị của người ấy, vì phải sợ hãi một sự kiện gì đó nên vu khống cho ta, chửi mắng ta, ta im lặng để họ có thể đổ vào ta mà không còn sợ hãi thì đó là tâm của người Từ bi. Hoặc ta giả sử người đó là cha mẹ ta, ta có chửi rủa đánh đập lại không? Vậy xem người đó là cha, là mẹ ta đi.

Àn một bát cơm ta nghĩ đến những mồ hôi nước mắt của người nông phu đổ xuống cho có hạt gạo để nuôi sống ta...

Trong từng hơi thở ta nhắc nhở mình: "Nhớ tìm cách cho vui - Nhớ làm với nỗi khổ" (Từ bi).

2.- Trau dồi hạnh Hỷ xả:

Ta phải quán vô thường có sự việc gì, có hiện tượng gì trong vũ trụ này mà thường còn mãi mãi đâu? Một luồng gió độc, một tai nạn đột xuất, ta có níu kéo được mạng sống không? Tài sản, thân mạng có giữ mãi được không? Thế thì tiếc gì mà không buông bỏ, tiếc gì mà không vui tươi trước mọi biến cố.

3.- Trau dồi hạnh Tinh tấn:

Biết ta không chủ động được mạng sống của mình thì ta phải biết dùng thân xác này làm phương tiện tu học, giải thoát. Làm được kiếp người là quý hóa lắm, giả như mạng thân kiếp súc sanh, ngựa quý thì làm sao biết

được Chánh pháp để tu tập giải thoát (kể cả thân kiếp chư Thiên, biết đâu chỉ lo vui hưởng dục lạc mà chẳng thấy được con đường giải thoát). Mà kiếp người này thì phải tranh thủ từng phút, từng giây, từng sát na, vì ai biết được cái giờ phút "không còn hơi thở". Vậy mỗi phút tim còn đập, phổi còn thở là mỗi phút tinh tấn học đạo, hành đạo.

4.- Trau dồi Trí tuệ:

Ta phải luôn luôn nghiên cứu, học hỏi giáo lý, kinh điển; tìm một mình sư hướng dẫn tu tập. Tìm bạn "Trí" để trau dồi mạn đàm, thảo luận. Đừng phí thì giờ trong các chuyện phiếm vô bổ hoặc bỏ phí thì giờ trong các buổi xem phim, Video, những phim thiếu tính cách giáo dục.

Việc tĩnh tâm rất cần thiết cho sự phát huy trí tuệ.

5.- Trau dồi hạnh Thanh tịnh:

Biết tĩnh tâm, biết cách gạt lọc những ý nghĩa không trong sạch, biết đình chỉ những vọng niệm. Phương pháp đơn giản nhất là theo dõi hơi thở. Hàng ngày dành một số thời gian (15 phút - ít nhất) tập thiền định - hoặc trong khi đi đứng... cũng có thể theo dõi hơi thở:

- Hơi thở 1: Thở ra "Nhớ tìm cách cho vui", Thở vào "Nhớ tìm cách cho vui"

- Hơi thở 2: Thở ra "Nhớ làm vơi nỗi khổ", Thở vào "Nhớ làm vơi nỗi khổ".

- Hơi thở 3: Thở ra "Nhớ giữ lòng hoan hỷ", Thở vào "Nhớ giữ lòng hoan hỷ"

- Hơi thở 4: Thở ra "Nhớ tập hạnh xả buông", Thở vào "Nhớ tập hạnh xả buông"

Cứ tập mãi như thế.

KẾT LUẬN:

Đã là hạnh của người Phật tử thì Huynh trưởng chúng ta phải luôn luôn trau dồi. Khi đã "Hạnh" thì mỗi lời nói, mỗi hành động, mỗi cử chỉ đều đượm tính chất năm hạnh một cách tự nhiên. Chưa đòi hỏi một mức độ cao, nhưng phải tùy căn cơ mà rèn luyện để được phát triển dần đến chân thiện mỹ.

(trích tài liệu tu học của Huynh Trưởng Bậc Kiên—GDPTVN)

ĐÔI THOẠI ĐÁ

*ngộ tâm đá núi hoa vàng
trưa hoang hoải nắng. Đại ngàn gió reo*

*hốt nhiên đá dựng lưng đèo
đá người người đá cheo leo vô thường*

*thưa rằng đèo núi cổ hương
vàng màu nắng trắng màu sương quê rừng*

*giữa trời đất giữa lưng chừng
đen đêm xám trắng lưng chừng mù sương*

*mơ chi về chốn phố phường
mài trơn vờ nát vô lường lương tâm*

*nâng ngang mây đá tri âm
này vân huyết lệ này đầm tịnh sen*

*đá ngàn năm xanh biếc men
nên trong tâm thạch có đèn hoa đăng*

*ta ngồi đối đá mây giăng
hoa vàng năm trước còn hăng hái vàng...*

HOÀNG HÔN NÚI

*Núi biếc. Chạm chiều mưa tím
Mây mềm, vạt áo xưa phơi
Chùa cũ. Sư thầy xuống núi
Giật mình. Kẽ lá nắng rơi!
Hoàng lan gặp chưa hé nụ
Mây ghé hiền ngày lam phai
Đá vẫn trầm tư phía suối
Nước chảy động nào thiên thai?
Lá dất hoàng hôn lưng núi
Ngủ vùi hương nắm xanh rêu
Dâng hương lòng không bén lửa
Phật cười tâm tịnh vô ưu!
Tôi dân thời gian xuống núi
Trật trây theo chiếc lá lăn
Chạm đất dường như trời tối
Núi ở sau mờ sương giăng...*



thơ TRẦN HOÀNG VY



GIÃ GẠO CHÀY ĐÔI

*Chiếc xe tang
Chở bình tro cốt mẹ về nguyên quán
Dừng lại trước ngôi từ đường
Cổ kính rêu xanh
Mẹ vào đi
Vào thăm bàn thờ cửu huyền thất tổ
Làn khói hương đầu đỏ xanh rì
Hơn ba mươi năm mẹ rời cố lý
Cây bưởi sau hè
Bông vẫn trở hàng năm
Mưa nắng hai mùa
Vườn xưa kết trái
Mà người đi... đi mãi không về
Nhịp chày đôi trua hè giã gạo
Tiếng vọng tưởng chừng qua mấy đại dương
Mẹ cứ nhắc hoài
Bà ngoại già bên nia sàn thóc
Sàn đến khi nào
Tóc ngoại trắng như bông
Rồi một ngày đông
Ngoại cũng về bên kia thế giới
Mẹ ở xứ người
Mòn mỏi nhớ quê hương
Nhịp chày đôi
Cắt cum cắt cụp
Tiếng vọng quê nghèo thương quá là thương
Nhớ mãi con đường
Đi qua rẫy mía*

*Bông mù u nở trắng chiều xưa
Ước muốn một lần về thăm nguyên quán
Mà hình như thăm thăm trời xa
Bệnh tới bệnh lui giữ chắc bước người già
Thân đất khách mà lòng xa vạn lý
Bây giờ mẹ đã về rồi
Trong bình tro cốt
Thì trăm năm có nghĩa gì đâu
Trước ngôi từ đường
Xe dừng lại ít lâu
Cho mẹ thấy những gì mẹ nhớ
Ôi hai tiếng quê hương
Chiều sâu muôn thuở
Như điệu trầm buồn dạ cổ hoài lang
Giã gạo chày đôi
Chang chang nắng hạ
Thơ ầu một thời
Thoang thoang chút hương xưa
Mẹ thấy vui chưa?
Xe chuyển bánh bây giờ
Đưa tro cốt
Về nghĩa trang hiu quạnh
Mẹ sẽ nằm đây
Bên giòng suối cạn
Rợp bóng dừa xanh
Bông điên điển vàng tươi mùa lúa mới
Sương chiều lan theo làn khói đốt đồng.*

thơ HỒ THANH NHÃ

CON TRÂU CỦA TUỆ TRUNG THƯỢNG SĨ

Tâm Minh Ngô Tăng Giao

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Hình ảnh con trâu tượng trưng cho tâm ý của chúng sinh. Mỗi người ai cũng đều có một con "trâu tâm" của riêng mình. Và cứ như thế pháp chơn trâu được nhiều người sử dụng, vừa tự mình chơn vừa dạy kẻ khác chơn.

Vào cuối thế kỷ mười ba, thời nhà Trần, trong THIÊN MÔN VIỆT NAM xuất hiện một nhân vật kiệt xuất. Đó là Tuệ Trung Thượng Sĩ tên thật là Trần Tung, ông là một thiền sư đặc đạo. Ông là người hướng dẫn vua Trần Nhân Tông vào cửa Thiền và có nhiều ảnh hưởng đến tư tưởng của vị vua sáng lập Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử này.

Ông là người chơn giữ con trâu đầu tiên trong văn học Thiền Việt Nam. Ông đã chơn con trâu chính ông, mà ông đã phát hiện từ Qui Sơn Trung Quốc chòm xóm. Đây, thơ ông viết:

放牛

偶向滄山得弟鄰，
荒蕪甘作牧牛人。
國王德澤寬如海，
隨分些些水草春。

Phiên âm: Phóng ngưu
Ngẫu hướng Qui Sơn đắc đệ lân,
Hoang vu cam tác mục ngưu nhân;
Quốc vương đức trạch khoan như hải,
Tùy phận ta ta thủy thảo xuân.

Dịch thơ: Thả trâu
*Chợt hướng Qui Sơn kiếm được nhà
Chăn trâu cam phận chơn đồng xa
Nhà vua ơn đức to như biển
Cỏ nước xuân sang đẹp phận ta.*
(Tâm Minh dịch)

Theo dõi bước tiến tâm linh của Tuệ Trung Thượng Sĩ từ khi ông thấy con trâu của Đại An ở Qui Sơn rồi cũng từ đó ông cam phận làm kẻ chăn trâu cho chính mình, ông đã linh hoạt tự mình chuyển hóa hình ảnh biểu tượng con trâu ban đầu thành con trâu

đất, con trâu bùn hay con trâu đá mang những phong thái đồng quê Việt Nam, con người Việt Nam. Ông luôn luôn chạy theo nó, luôn đóng vai là kẻ mục đồng. Ông đã diễn tả thành công tiến trình chơn trâu của mình qua bài thơ sống động sau:

守泥牛

一身獨守一泥牛，
騰鼻牽來未肯休。
將到曹溪都放下，
茫茫水急打圓球。

Phiên âm: Thủ nê ngưu
Nhất thân độc thủ nhất nê ngưu,
Đẳng tỵ khiên lai vị khảng hưu.
Tương đảo Tào Khê đô phóng hạ,
Mang mang thủy cấp đả viên cầu.

Dịch thơ: Giữ con trâu đất
*Giữ con trâu đất một mình
Liên tay xô mũi dắt nhanh trở về
Thả liền khi tới Tào Khê.
Nước mênh mông cuốn bọt đi lăn tròn.*
(Tâm Minh dịch)

Con trâu đất của Tuệ Trung Thượng Sĩ đã được điều phục, bằng cách xô mũi dắt về. Hình ảnh người chơn và con trâu đất từ đó không còn ngăn cách với nhau nữa mà đã trở thành "một". Người ta cho rằng chính cái "một" này nó được thể hiện là "hai" trong câu: "Tương đảo Tào Khê đô phóng hạ" (thả liền khi tới Tào Khê) và chính giây phút "đồ phóng hạ" (thả liền) này là giây phút không nắm giữ, mà không còn nắm giữ thì có gì để buông ra đâu, do đó không buông thả. Thái độ "không giữ không buông" này quả thật là một thái độ "ung dung tự tại" vậy.

Khi con trâu đã hoàn toàn được thuần phục dưới sự điều phục của người chơn trâu, cả người chơn trâu và trâu không còn phân biệt người chơn và được chơn, ở đây đã có một sự hòa điệu. Và như thế, quá trình hàng phục trâu là quá trình hàng phục tìm lại chơn

tâm thường tịnh trong mỗi con người thường xuyên giáp mặt với những ham muốn của cuộc sống quá nhiều bụi trần đeo bám:

悼先師

一曲無生唱了時，
擔橫筆栗故鄉歸。
上頭打過胡何有，
一箇泥牛任倒騎。

Phiên âm: Điệu tiên sư
Nhất khúc vô sinh xướng liễu thì,
Đảm hoành tất lật cố hương quy.
Thượng đầu đả quá hồ hà hữu,
Nhất cá nê ngưu nhậm đảo kỳ.

Dịch thơ: Tiếc thương thầy xưa
Khi khúc vô sinh vừa hát xong
Cầm ngang ống sáo về làng thôn
Bỏ qua cái trước không chi cả
Cưỡi ngược trâu kia cứ mặc lòng.
(Tâm Minh dịch)

Thiền dạy rằng tự ngàn trước tới ngàn sau ta không thiếu gì hết, ta vốn luôn tròn đầy. Là một nhà thơ của Phật giáo Thiền tông, Tuệ Trung Thượng Sĩ khuyên ta nên trở về tìm kiếm cái đẹp ngay bên trong, chứ đừng tìm bên ngoài. Đừng nương tựa vào người khác. Trong ta có một suối nguồn sâu thẳm, nếu ta biết khai phá một cách kiên trì, thì một lúc nào đó, hàng vạn đóa hoa xuân sẽ tung bừng nở rộ lên bất tận. Thơ của ông đã nói lên điều đó:

示學

學者紛紛不奈何，
徒將瓴甌苦相磨。
報君休倚他門戶，
一點春光處處花。

Phiên âm: Thi học
Học giả phân phân bất nại hà
Đồ tương linh địch khổ tương ma
Báo quân hưu y tha môn hộ
Nhất điểm xuân quang xứ xứ hoa.

Dịch thơ: Chỉ cách học
Học rồi chẳng biết sao đây
Gạch mài gạch mài công này uống đi
Cửa nhà người ý làm chi
Ánh xuân một điểm hoa kia rợp trời.
(Tâm Minh dịch)

Thời Trịnh Nguyễn phân tranh, trong một bài thơ tương truyền là của thiền sư Hương Hải cũng đã đề cập đến việc đi tìm chân tính hay "bản lai diện mục" như đi tìm trâu. Bài thơ như sau:

Tìm ngưu tu phóng tích
Học đạo quý vô tâm
Tích tại, ngưu hoàn tại
Vô tâm đạo dị tâm.

Bốn câu thơ này nói rõ con đường để chúng ta tìm chân lý. Muốn tìm chân lý thì phải nương vào kinh điển giống như người chăn trâu tìm trâu, noi theo dấu thì sẽ gặp. Thơ được dịch là:

Tìm trâu cần phẳng dấu
Học đạo cốt vô tâm
Dấu đâu thì trâu đó
Vô tâm đạo dễ tìm.

Tìm trâu cần phẳng dấu, người chăn trâu tìm theo cái dấu trâu đi, nó đi hướng nào thì tìm theo hướng đó. Dấu đâu thì trâu đó, khi trâu đi lạc thì người chăn trâu thấy cái dấu đi hướng nào bèn nhắm theo hướng đó mà tìm trâu, nhất định sẽ gặp được trâu. Chữ "dấu trâu" ở đây là tượng trưng cho kinh điển Phật. Kinh điển Phật dạy chúng ta học là những dấu vết để tìm chân lý. Chân lý là dụ cho con trâu.

Còn học đạo thì quý ở chỗ vô tâm. Vô tâm thì đạo dễ tìm. Người tu chúng ta nương theo giáo lý để tu, mà tu đi đến chỗ vô tâm. Vô tâm ví dụ như thấy được con trâu, mà học đạo ví dụ như theo dấu. Nếu cái dấu nó còn, thì tự nhiên chúng ta biết rằng con trâu còn, theo hướng đó tìm tới nhất định sẽ gặp nó. Cũng vậy, người học đạo mà được vô tâm thì đạo hiện tiền khỏi cần cái gì hết. Bao nhiêu kinh, sách Phật dạy, đều cốt làm sao chúng ta tu dẹp bỏ hết những tâm phiền đảo đảo vọng tưởng. Điền đảo vọng tưởng hết gọi là vô tâm, mà vô tâm thì thấy đạo.

Kết luận lại ta thấy hình ảnh con trâu quả thật hiện rõ nét trong Phật pháp và trong nhà Thiền. Còn chuyện chăn dắt con trâu thì rất nhiều. Tùy từng người chăn mà hình thức chăn dắt lại khác nhau đôi chút, nhưng đích đến của những con trâu ấy thì chỉ có một, đó là đưa trở về lại bản thể vô nhiễm, vô sinh, tức cái gốc ban sơ của nó.





BÂY GIỜ

*Bây giờ lỡ một bước về
Đàn rung rức khóc bên lê ly tan
Nhiều khi trong giấc mơ màng
Tưởng còn vang dậy mộng vàng son xưa*

*Gió bay bụi phấn tro thừa
Trầm ngâm đứng đón chiều đưa qua đời
Man man câu chúc tiếng cười
Âm thầm gió cuốn khuất lời buồn tênh*

*Bỗng dưng lòng trở thác ghềnh
Giám ta chết giữa mây đen cô đơn
Tháng năm xếp lớp ven đường
Bàn tay quán quýt giữ vườn xuân xanh*

*Xin cho một giấc mơ lành
Dù sương khói sẽ tan tành ngày mai
Bây giờ lỡ mộng tương lai
Năm ôm dĩ vãng thở dài mà thôi*

*Bây giờ lỡ một môi cười
Sắt se tim nhỏ dấu đời phơi pha
Ta về riêng mỗi mình ta
Lắng nghe thơ trẻ chết già từ lâu*

*Dẫu cho còn chỉ nội sâu
Vẫn xin trở lại buổi đầu bình yên.*

LÊ MAI

NOWADAYS

Now that I have missed the return pace,
Things sound weepy in a separation case.
Many a time during the dreams in haze
I felt them resound with the good old days.

Chalk dust is by the wind blown away;
I pensively wait the evenings my life to sway.
Compliments and laughter vaguely around
Are also silently swept off as sad sound.

My heart suddenly grows into rapids & falls
To imprison me up in the loneliness walls.
Months and years pile up on the roadside,
My hands pother to guard my green tide.

May I have a wholesome dream tonight
Tho' tomorrow the dew will disperse quite.
Nowadays, I have missed the future sky,
Just to embrace the past only to sigh.

Now that I have missed a flowering smile,
I keep in my tiny soul the mark of life trial.
On the way back to myself I am alone
To listen to the young long ago out blown.

Even if I remain in the sole solitude clime
I still crave fervidly for the peaceful prime.

Translation by **THANH-THANH**

ĐỌC “PHẬT ĐIỂN PHỔ THÔNG: DẪN VÀO TUỆ GIÁC PHẬT”

Nguyễn Giác

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Ấn phẩm “Phật Điển Phổ Thông: Dẫn Vào Tuệ Giác Phật” (DVTGP) là tuyển tập Kinh và luận ghi từ 3 truyền thống: Thượng Toa Bộ, Đại Thừa, Kim Cang Thừa. Sách dày 850 trang, chữ nhỏ. Do vậy, khi viết bài này, dù nói là “đọc sách” hay nói là “giới thiệu sách” cũng chỉ là mạo phạm. Cũng y hệt như vào một thư viện Phật học khổng lồ, và tự biết rằng sức người chỉ có thể đọc một phần rất nhỏ, nơi một góc các kệ sách thư viện. Người viết tự biết là không dễ để viết về ấn phẩm này, dù là với nhiệt tâm muốn mời gọi độc giả tìm đọc, để thỉnh ấn phẩm này. Đứng ra, những dòng chữ này xin là “vài suy nghĩ rời” về một ấn phẩm rất cần thiết cho người học Phật.

Phản ứng đầu tiên là giựt mình, khi nhìn thấy tác phẩm quý giá này chỉ “in 1000 cuốn, khổ 12X20 cm tại Xí nghiệp In Fahasa” – tại sao in quá ít như thế, đó là điều rất khó hiểu. Người viết ước mơ rằng sách này nên in vài chục triệu ấn bản, trao tặng tất cả Phật Tử và những người quan tâm về Phật học. Tuyển tập Phật Điển này để đọc một đời, không chỉ để đọc trong một tuần, một tháng hay một năm.



Bìa sách “Dẫn Vào Tuệ Giác Phật” (Photo: sachhuongtich.com)

Hai vị Chủ biên Việt dịch sách DVTGP: Lê Mạnh Thát – Tuệ Sỹ

Một điểm nữa, nói “đọc” hay “giới thiệu” sách Phật Điển chỉ là nói theo kiểu ngôn ngữ phàm trần. Bản thân mình có tư cách gì mà làm như thế. Nơi đây, chỉ là lạm dụng ngôn ngữ thô. Bởi vì Kinh là Lời của Phật, làm sao mình dám làm như khi gặp các tác phẩm truyện hay thơ trong đời thường. Tuy nhiên, nếu lặng lẽ chấp tay, đặt bộ Phật Điển này lên bàn thờ thì lại có lỗi khác, vì không quảng diễn một vài điểm có thể lợi ích cho một số độc giả.

Thêm nữa, đâu có phải chỉ đọc một tuần hay một tháng là xong. Kinh Phật đôi khi có những kinh rất ngắn, mà phải đọc trọn đời. Đó là chưa kể, có những kinh hướng dẫn tu tập, ngay cả các kinh quen thuộc, tu vẫn là cả một đời, như Từ và Bi nơi trang 486, như Chỉ và Quán nơi trang 527, như Bốn Niệm Trụ (thường dịch là Tứ Niệm Xứ) nơi trang 531, Niệm Hơi Thở nơi trang 538, hay Quán Vô Ngã nơi trang 660 là pháp tu trọn đời --- không chỉ để đọc hay để tụng, vì đọc tụng thì không vào sâu được. Nói chung, ấn phẩm DVTGP là cuốn sách với trang nào cũng cần đọc, với dòng chữ nào cũng cần trân trọng.

Sách “Phật Điển Phổ Thông: Dẫn Vào Tuệ Giác Phật” thực hiện với Chủ biên bản dịch Việt là Lê Mạnh Thát và Tuệ Sỹ, ấn hành do Hương Tích và NXB Hồng Đức. Sách này là một dự án của Hội Đồng Vesak Quốc Tế, đặt tại Đại Học MCU của Thái Lan. Kết tập và soạn tập sách này là nhiều Biên tập viên và dịch giả quốc tế. Trong đó, phía người Việt có Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ, GS TS Lê Mạnh Thát, và GSTS Thích Nhật Từ. Biên tập viên và dịch giả tiếng Việt, với Tổng biên tập là Thầy Thích Tuệ Sỹ, và các vị phiên dịch là: Thích Hạnh Viên, Thích Nữ Khánh Năng, Thích Thanh Hòa, Pháp Hiền Cư sỹ, Nguyễn Quốc Bình.

Duyên khởi sách này là từ Hội nghị lần thứ nhất của Hội Đồng Tăng già Thế Giới tại Colombo năm 1967, một số khoảng 20 học giả Phật Giáo tuyển chọn từ ba truyền thống Phật Giáo đảm trách dự án này. Trưởng Biên tập là Hòa Thượng GS TS Phra Brahmapundit viết, “Trong suốt bảy năm, ủy ban biên soạn

đã tổ chức không dưới 20 hội thảo chuyên đề tại MCU để phát huy nhận thức và triển khai phương án cụ thể. Khoảng 490 trích đoạn từ các kinh điển và các luận thư hậu kỳ cùng với các số thích của ba truyền thống Phật giáo được tuyển dịch trong tác phẩm này hợp đồng giới thiệu những gì Đức Phật đã thu-yết..." (DVTGP, trang 10)

Như thế, sách này có thể gọi là đầy đủ các cốt tủy của Phật Học. Độc giả có thể thỉnh sách này ở:

Thư Quán Hượng Tích,
308/12 Nguyễn Thượng Hiền,
P.5, Quận Phú Nhuận, TP.HCM.

Phone: (28) 35500339 hay email: huongtichbooks@gmail.com

Cuốn sách này mênh mông như thế, biết làm sao viết một bài mà giới thiệu được? Do vậy, nơi đây sẽ chỉ nêu lên một truyền thuyết thường được nhắc tới trong Thiền Tông, và in lại trong sách DVTGP ở trang 749. Đề mục này trong sách là "**M.165 Ca-diếp ngộ chỉ niêm hoa vi tiếu, thành Sơ tổ Thiền tông.**"

Chữ M.165 là viết tắt chữ "Mahayana.165" tức là, "Kinh hay luận trong truyền thống Đại thừa, thứ tự mục số 165." Tương tự, Th. là viết tắt Theravada, tức là Thượng Tọa Bộ, có khi quen gọi là Nam Tông. Trong sách này truyền thống Kim Cang Thừa viết tắt là V., nhiều Phật tử còn quen gọi là Phật Giáo Tây Tạng.

Trong M.165 kể về một thiền thoại như sau:

"Đức Thế Tôn niêm hoa: Một lần, trên đỉnh Linh Thứu, đức Thế Tôn đưa lên một cành hoa trước đại chúng. Mọi người bấy giờ đều im lặng, chỉ có tôn giả Ca-diếp mỉm cười. Đức Thế Tôn bảo: "Ta có pháp môn vi diệu, là kho tàng con mắt Chánh Pháp (Chánh Pháp nhãn tạng), tâm vi diệu Niết-bàn (Niết-

bàn diệu tâm), vô tướng của thật tướng (thật tướng vô tướng), không lập văn tự, truyền riêng ngoài giáo, nay đem giao phó cho Đại Ca-diếp." (DVTGP, trang 749)

Đoạn văn trên cũng là trích dịch từ Vô Môn Quan, một tác phẩm của Thiền Tông Trung Hoa, được nhiều người dịch sang tiếng Việt.

Như vậy, Đức Phật truyền cái gì cho ngài Ca-diếp? Pháp môn vi diệu này là gì? Bông hoa đưa lên là có tướng bông hoa, sao gọi là vô tướng của thật tướng và sao lại liên hệ gì tới "Chánh pháp nhãn tạng, Niết-bàn diệu tâm"? Có ai thấy ngài Ca-diếp thò tay ra để nhận pháp hay nhận y bát gì đâu, mà chỉ được kể là mỉm cười thôi?

Hình như (xin dè dặt nói là, hình như) thiền thoại này không được ghi lại trong Tạng Pali, và hình như cũng không ghi trong Tạng A Hàm. Như thế, nghĩa thực của thiền thoại "niêm hoa vi tiếu" là gì.

Trong cương vị của một người hoàn toàn không có thẩm quyền gì, nơi đây xin mạn phép trả lời rằng: *ngay ở cái ngộ thấy hoa đó, tự thân đã là Niết-bàn, đã lìa tham sân si.* Ngay ở cái "thấy hoa" đã là cảnh giới mà Kinh Tứ Thập Nhị Chương gọi là "vô tu, vô chứng" --- nghĩa là, nếu ở cái thấy đó, mà còn tu hay còn mài giũa thì là hỏng, hay nơi cái thấy đó mà còn vin vào chỗ nào gọi là chứng thì cũng hỏng. Bởi vì ngay ở cái thấy đó, tự thân là giải thoát rồi. Chính ngay khi đó, nói bằng ngôn ngữ khái quát hóa, thì ngài Ca-diếp đã "thấy cái vô tướng và nghe cái vô thanh." Bởi vì ngài "thấy cái vô tướng" nên "tướng hoa" mới hiện lên, và vì "nghe cái vô thanh" nên "lời Đức Phật" mới vọng tới. Chính ngay đó là giải thoát. Hễ làm gì khác cho cái thấy đó, cho cái nghe đó đều là hỏng.

Có rất nhiều nhân duyên để hình thành ra một cái "thấy hoa" và "nghe lời Đức Phật" như thế. Có ngọn núi Linh Thứu, có Đức Phật đưa tay cầm hoa lên, có hội chúng vân tập trong đó ngài Ca-diếp tới nghe lời Đức Phật thuyết kinh, có cái được thấy và có cái được nghe, nhưng thực sự không có ai thấy và không có ai nghe, vì tìm hoài, tìm khắp cả ngoại xứ (khắp núi đồi cây cỏ chúng hội...) và nội xứ (khắp thân tâm, gan tim phèo phổi...) cũng không tìm ra cái gì là chủ thể của cái thấy và nghe. Trong khi đó, ngọn gió vô thường chầy xiết, tất cả những hình ảnh (được thấy) và những âm thanh (được nghe) liên tục biến đổi. Trong những hình ảnh được thấy (như thấy hoa, thấy tay Đức Phật đưa hoa lên) và những âm thanh (như nghe giọng Đức Phật nói) hễ ngài Ca-diếp nghĩ là phải mài giũa, phải tu gì nữa, thì sẽ là hỏng, vì chỉ là "bám víu cái niệm của quá khứ" hay chỉ là "mơ tưởng cái niệm của tương lai" hay



Thích Tuệ Sĩ Phạm Văn Thương



Thích Trí Siêu Lê Mạnh Thát

chỉ là “núi kéo cảm thọ khoan khoái khi nghe Đức Phật khen” đều là hồng. Ngài nhận ra ngay trong “cái thấy, cái nghe” tự thân đã là thù với xả, vì hề cố ý thù với xả là tức khắc không còn là “cái thấy, cái nghe” mà nó đã hiện ra “cái tôi muốn hay cái tôi không muốn” -- và là tham sân hiện ra.

Nghĩa là, khi pháp hiện lên rồi biến mất, tất cả những cái thấy (và cái được thấy) và tất cả những cái nghe (và cái được nghe) đều không hề có gì là “tôi” và “của tôi.” Đó là chỗ trong Thiền sử, khi một bà cụ hỏi sư Đức Sơn rằng: “Kinh Kim Cang nói quá khứ tâm bất khả đắc, hiện tại tâm bất khả đắc, vị lai tâm bất khả đắc, xin hỏi Thượng tọa điểm tâm nào?” Thế là nhà sư trả lời không được. Thế nhưng, nụ cười của ngài Ca-diếp được Đức Phật khen ngợi, vị thấy được và sống được với “tâm không chỗ nào để trụ.”

Trong cái thấy, cái nghe đó, toàn bộ quá khứ, vị lai và hiện tại đều bất khả đắc. Hề đắc gì đều là trật nhịp ra ngoài Niết-bàn diệu tâm. Vì trong Pháp tánh Duyên khởi, tất cả đều là rỗng rang, là Tánh không. Nơi đây, để lấy cái “thấy hoa” ra đối chiếu, trong mục “M.16 Pháp siêu việt ngôn ngữ” ở sách DVTGP trang 268, trích như sau:

“Pháp không dao động, vì không y chỉ sáu xứ. Pháp không đến, không đi, vì không sở trụ. Pháp thuận hợp Không, tùy hiện Vô tướng, ứng hợp Vô nguyện, vì viễn ly tăng giảm. Pháp không thù xả vì viễn ly sanh diệt...”

Tương tự, có thể đối chiếu “cái thấy, cái nghe” của ngài Ca-diếp với mục “M.63 Duyên khởi và trung đạo II” nơi trang 423, trích:

“Này Vô Biên Trang Nghiêm, các ông, những bậc trí giả, nên biết như vậy, tướng chân thật của tất cả pháp là không đến, không đi, không phân chia, không gián đoạn, không đồng nhất tánh, không dị biệt tánh, đến bờ kia cao nhất của hết thảy pháp. Không có bất cứ pháp nào mà không đến bờ kia. Đến bờ kia chính là Niết-bàn. Chân thật tướng của các pháp là Niết-bàn. Vì vậy, nên biết, là bất khả thuyết.”

Chúng ta cũng có thể níu áo ngài Ca-diếp bằng một số kinh khác. Thí dụ, như Kinh Bahiya, khi Đức Phật dạy rằng hãy để cái được thấy, được nghe, được tri giác... là cái được thấy, được nghe, được tri giác... thì ngay nơi đó, không còn sinh tử luân hồi nào trôi buộc nữa. Nghĩa là, tự thân, thấy nghe hay biết đã là giải thoát.

Ngài Huệ Năng cũng dạy cho ngài Huệ Minh y hệt như thế: “Đừng nghĩ thiện, đừng nghĩ ác, chính khi ấy cái gì là Bản lai diện mục của Thượng tọa Minh?” Nghĩa là, khi bông hoa của Đức Phật đưa lên, nếu ngài Ca-diếp (và chúng ta) còn nghĩ ngợi bất cứ gì thì ngay khi đó, hoa không còn là hoa đang hiển

lộ trong cái gương tâm tinh khôi của ngài Ca-diếp (và của chúng ta). Ngay khi hoa đưa lên, nếu chợt khởi tâm muốn hoa phải thế này, phải thế kia... thì không còn là “cái hoa đang là” mà là đã, đang và sẽ biến thành một “cái hoa trong ý chí ảo tưởng” của người đối diện.

Có thể dẫn một kinh khác để thấy hoa. Kinh ghi rằng một Thiên nữ hiện ra, hỏi Đức Phật rằng làm cách nào vượt khỏi bực lưu. Ý là, làm sao thoát dòng sông của nghiệp lực. Chúng ta sống trên đời, sinh già bệnh chết, đi đứng nằm ngồi đều là do nghiệp thúc đẩy. Bấy giờ, Đức Phật trả lời: *“Này Hiền giả, không đứng lại, không bước tới, Ta vượt khỏi bực lưu. Này Hiền giả, khi Ta đứng lại, thời Ta chìm xuống. Này Hiền giả, khi Ta bước tới, thời Ta trôi giạt; do vậy, này Hiền giả, không đứng lại, không bước tới, Ta vượt khỏi bực lưu.”*

Hình ảnh trên dòng sông nghiệp có thể giải thích về cái nhìn “thấy hoa” của ngài Ca-diếp. Nếu khởi tâm “thấy không phải là thấy” hay khởi tâm “nghe không phải là nghe” mà là muốn bước tới, tức là muốn nắm giữ hay muốn kinh chống, tức là “thấy hoa phải là cái gì khác” thì sẽ chìm. Nhưng nếu nói rằng cứ đứng lại thì là sẽ bị dòng sông nghiệp kéo chìm (vì chúng ta luôn luôn bị nghiệp thúc đẩy, cho tới khi bức màn vô minh, tức là nghiệp si vén lên). Do vậy, “không đứng lại, không bước tới” là cái tỉnh thức của thấy nghe hay biết, và là xa lìa cả tâm ba thời quá khứ, vị lai, hiện tại, tức là cái nhìn của tâm vô tâm, hoàn toàn vô sở trụ, không trụ vào ba thời, không trụ vào năm uẩn...

Đó mới đúng là cái “thấy hoa” của ngài Ca-diếp. Trong cái thấy đó, hiển lộ trong gương tâm không hơn và không kém, không tới và không lui, một vị bình đẳng; hề ai thấy và nghe mà cứ khởi dị tâm thì tức khắc gương tâm không còn “thấy hoa” mà chỉ là “thấy cái tâm mình muốn hoa phải là, hay thấy cái tâm mình muốn hoa không là” và thế là sẽ hiện ra sáu cõi mịt mù phiền não. Như vậy, chỉ trong một “cái thấy” và “cái nghe” là có thể thấy tận Khổ Tập Diệt Đạo.

Sách DVTGP nơi mục M.66, trang 426 ghi: *“...đối với thế gian vô thường bịnh hoạn mà chúng đặc thường trụ Niết-bàn; đối với thế gian không được che chở, không nương tựa mà che chở và làm nơi nương tựa. Vì sao? Vì pháp không có hơn kém mà chúng đặc Niết-bàn; vì trí tuệ bình đẳng mà chúng đặc Niết-bàn; vì giải thoát bình đẳng mà chúng đặc Niết-bàn; vì thanh tịnh bình đẳng mà chúng đặc Niết-bàn. Cho nên Niết-bàn chỉ có một vị, vị bình đẳng, gọi là vị giải thoát.”*

Khi đã hiểu đạo, sẽ thấy tất cả các tông phái xuyên suốt nhau, không ngăn ngại, dù

là Nam Tông hay Bắc Tông, dù là Thiền Tông hay Bát Nhã, dù là Duy Thức hay Hoa Nghiêm, và vân vân. Cách nói khác nhau, nhưng đều chỉ về một vị giải thoát.

Thí dụ, nơi đây, chúng ta thử nói chuyện "thầy hoa" (như thiền thoại Đức Phật đưa hoa lên và ngài Ca Diếp mỉm cười) hay chuyện "nghe tiếng đàn" (như Kinh Lăng Nghiêm, nói về cội nguồn cái nghe) qua phân tích của Tông Hoa Nghiêm. Trong sách DVTGP, nơi mục "M.150 Kim sư tử chương" ở các trang 652-654) viết về luận này của ngài Pháp Tạng (643-712), nhìn thực tại như là pho tượng sư tử vàng hiện lên như "cái được thấy" và chất "vàng" là tánh của các pháp, tức là tướng (sư tử) dựa vào tánh (vàng) để hiển lộ. Không có "tánh vàng" thì không có "tướng sư tử" và ngược lại.

Như vậy, hình ảnh hoa là cái được thấy, tiếng đàn là cái được nghe. Do vậy, hoa và nhạc là "tướng" và dựa vào "tánh" là duyên khởi trùng trùng đưa tới "hoa ảnh" và "tiếng đàn."

Trong Tạng A Hàm, Kinh SA 1169, Đức Phật dạy về cội gốc của những gì được thấy nghe hay biết đều là do duyên khởi, là rỗng rang, là cạm bẫy sinh tử, chớ nên níu kéo gì hết. Như tiếng đàn, Kinh này viết:

"Ngày các Tỳ-kheo, thời quá khứ có ông vua nghe tiếng đàn hay chưa từng có được, nên sanh yêu thích, say mê, chìm đắm. Vua hỏi các vị đại thần rằng: 'Đó là những âm thanh gì mà nghe khả ái quá vậy?' Đại thần tâu: 'Tâu bệ hạ, đó là những tiếng đàn.' Vua nói với đại thần: 'Khanh hãy đem những âm thanh đó đến đây.' Đại thần vâng lời, liền đem cây đàn đến tâu: 'Tâu đại vương, đây chính là cây đàn đã tạo ra âm thanh hay.' Vua nói đại thần: 'Ta không cần cây đàn, mà chỉ cần đem những âm thanh khả ái đã nghe lần trước đến.' Đại thần tâu: 'Cây đàn này cần phải có nhiều thứ, là phải có cán, có máng, có thùng, có dây, có da và người đàn giỏi. Cần phải hội đủ những nhân duyên này mới thành âm thanh. Nếu thiếu đi những dụng cụ này thì sẽ không có được âm thanh. Âm thanh mà bệ hạ đã nghe trước đây đã qua lâu rồi, chúng đã biến chuyển và cũng đã diệt mất rồi, không thể đem đến được.'..." (Kinh SA 1169. Bản dịch Tuệ Sỹ, Đức Thắng)

Trở lại chuyện sư tử và vàng của Hoa Nghiêm Tông. Như thế, ảnh hoa và tiếng đàn là ví như sư tử, tánh không là ví như vàng.

Sách DVTGP, trang 653 viết về "1. Minh duyên khởi": "*Cái ta gọi là vàng vốn không*

có tự tánh, tùy theo duyên thợ công xảo, thời tướng sư tử hiện khởi. Khởi chỉ do duyên, nên nói là duyên khởi." Như thế, chúng ta thấy, tiếng đàn và ảnh hoa không có tự tánh, tùy duyên khởi mới có tướng là cái được nghe và cái được thấy.

Phần "2. Biện sắc không" nơi cùng trang trên, viết: "*Cái ta gọi là 'sư tử', tướng của nó là hư, vàng mới là thật. Sư tử không phải có, chất vàng không phải không, do đó nói là sắc (vàng) và không (sư tử). Lại nữa, Không không có tướng riêng, nhưng nó không chướng ngại (sắc) huyễn có. Đây gọi là sắc và không."* Như thế, tướng là hư, tức là ảnh hoa và tiếng đàn (cái được thấy và cái được nghe) là hư, vàng

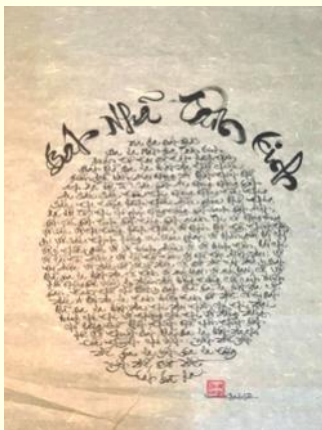
mới là thật, tức là Không tánh, hay Pháp Tánh Duyên khởi tánh mới là thực.

Tương tự Hiển vô tướng nói, "*ngoài vàng không có tướng nào của sư tử mà bắt nấp được. Do đó, nói là vô tướng."* Chúng ta cũng nói, ngoài hoa ảnh và tiếng đàn thì không có tướng nào của Không tánh hiện ra, nên có tướng nhưng thực tướng là vô tướng.

Tương tự Thuyết vô sanh nói, "*Ngay khi thấy sư tử sanh, đó chỉ là vàng sanh. Ngoài vàng, không có một vật gì. Sư tử tuy có sanh diệt, nhưng vàng không có tăng giảm. Đây gọi là vô sanh."* Do vậy, hoa ảnh được thấy, tiếng đàn được nghe, chính là Không tánh sanh khởi. Hoa ảnh và tiếng đàn có sanh diệt, nhưng Không tánh không tăng giảm, nên gọi là vô sanh.

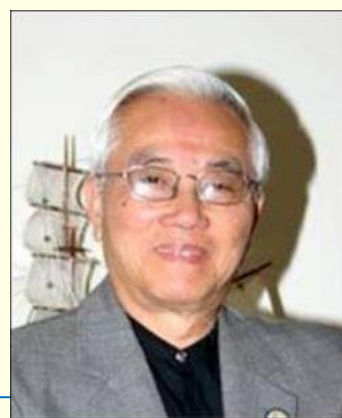
Tận cùng là "10. Nhập Niết bàn" (DVTGP, trang 654) viết: "*Khi thấy sư tử và vàng, cả hai tướng (sư tử và vàng) đều dứt hết, thì phiền não không sanh. Đẹp xấu hiện tiền nhưng tâm an bình như biển lặng. Vọng tưởng dứt sạch, không còn bức bách, thoát triền phược, lia chướng ngại, vịnh viễn bỏ xa nguồn khổ. Đây gọi là nhập Niết-bàn."* Tuyệt vời là như thế, thấy cả hai tướng "tiếng đàn và Pháp Tánh duyên khởi" đều dứt hết, tâm an bình như biển lặng...

Không chỉ cái được thấy (hoa) và cái được nghe (tiếng đàn), độc giả cũng có thể mở sách "Phật Điển Phổ Thông: Dẫn Vào Tuệ Giác Phật" và nghiệm về cái được ngửi. Bạn thấp nhang lên, thấy mùi hương trầm, sẽ thấy "mùi hương" này là "sư tử" và hiển lộ ra với bạn qua Pháp tánh Duyên khởi tức là "Không" hay là "vàng" và bạn có thể tự xét nghiệm từng dòng kinh luận như thế. Tuyệt vời là hạnh phúc, khi sống được từng lời Đức Phật dạy. Trân trọng ghi lại vài suy nghĩ rời nơi đây, và chân thành mời gọi độc giả tìm đọc tuyển tập Kinh luận này.



CẢM THẤY KHỎE HOẶC YẾU

Bác sĩ Nguyễn Ý-Đức



Y KHOA PHỔ THÔNG

1. Khỏe mạnh là thế nào?

Đôi khi chỉ một chữ giản dị ta có thể định nghĩa theo nhiều cách khác nhau.

Quý vị có thể dùng cách định nghĩa của World Health Organisation như: "Sức khỏe là trạng thái của cơ thể với sự toàn vẹn về thể chất, tâm thần và toàn hảo về xã hội chứ không phải chỉ không có bệnh và tật nguyền".

Một cách khác để định nghĩa sức khỏe bằng cách dùng những chữ đo được như quý vị thấy mình khỏe mạnh khi thân nhiệt, huyết áp và các chỉ số khác đều bình thường. Nhưng các con số này cũng thay đổi tùy theo tình trạng sinh học của từng người: Cái gì có thể bình thường với người khác nhưng với quý vị thì chúng lại không bình thường.

Đối với nhiều lý thuyết gia về y học, định nghĩa hợp lý nhất đều có tính cách tương đối. Với họ, sức khỏe đối với một quản thủ thư viện làm việc yên lặng hàng ngày trong khi đó sức khỏe lại có ý nghĩa khác đối với một công nhân kiến trúc. Nói một cách khác, để được khỏe, quý vị không cần theo một tiêu chuẩn nào. Quý vị chỉ cần làm tất các nhu cầu của một ngày.

2. Chuyện gì sẽ xảy ra nếu cơ chế kiểm soát cơ thể của quý vị không làm việc nữa?

Đôi khi triệu chứng của bệnh rất rõ rệt: thân nhiệt lên cao, mưa, ngất siu- chắc chắn là cơ thể của quý vị phản ứng lại với vài khẩn cấp. Trong các hoàn cảnh khác, bệnh không rõ rệt lắm. Bác sĩ của quý vị có thể sẽ yêu cầu làm một số thử nghiệm để xem có gì bất thường. Thí dụ: mức độ đường trong nước tiểu quá cao đôi khi có thể là dấu hiệu của bệnh tiểu đường. Nói một cách tổng quát, tình trạng sinh lý học bị rối loạn khi quý vị bị bệnh.

Một vài cơ chế kiểm soát không hoàn toàn tốt ở trẻ mới sinh vì các cháu mới thoát

ra từ một môi trường được bảo vệ quá chu đáo cho nên không cần chăm sóc kỹ. Cơ chế bảo vệ sẽ bắt đầu nhưng trong khi đó giảm nhiệt độ ở trong phòng có thể làm giảm thân nhiệt của bé một cách đáng kể. Lạnh cũng rất nguy hiểm đối với người cao tuổi.

3. Bệnh Tởng là gì?

Ban đầu, các bác sĩ tương lai có thể tạm thời bị bệnh tởng, một sự quá lo lắng về sức khỏe của mình mặc dù là mình vẫn bình thường. Lần đầu nghe thấy nói về một bệnh nguy hiểm, sinh viên y khoa cho rằng họ có thể bị bệnh đó và họ có thể tưởng tượng đã tìm ra các dấu hiệu của bệnh. Nhiều người biết chi tiết về một bệnh cũng có thời gian bị bệnh này.

Nhưng trường hợp hiểm nghèo của bệnh tởng, được định nghĩa như một ám ảnh với các dấu hiệu về cơ thể và các bệnh với nhiều than phiền về thể chất, là một phản ứng thần kinh về những lo âu hoặc khó khăn. Khi có ám ảnh về sức khỏe mà bắt đầu quên các thú vui khác thì điều khôn ngoan là kiếm lời khuyên của nhà chuyên môn.

Nhưng cần phải phân biệt bệnh tởng với sự quan tâm bình thường. Đó là điều tự nhiên và có ích để thấy các dấu hiệu của chính mình và cho bác sĩ hay. Ngoại trừ khi quý vị mắc bệnh tởng, sau khi khám bệnh mà vẫn khỏe mạnh quý vị sẽ yên lòng. Nhưng người có bệnh tởng ít khi chấp nhận lời an ủi. Họ tin là bác sĩ đã bỏ qua một bệnh trầm trọng nào đó hoặc đã đánh lừa họ để tránh sự thực đau lòng. Một đôi khi người có bệnh tởng có lòng tin ở bác sĩ một thời gian ngắn. Sau đó họ tin là bệnh lại xuất hiện đôi khi tập trung vào các sợ hãi bị bệnh và nhiều khi vào một bệnh mới.

4. Rối loạn thần kinh tâm trí psychosomatic là cỏ thực hoặc chỉ do trí tưởng tượng?

Nguồn gốc Hy Lạp của chữ psyche và so-

ma là tâm trí và cơ thể và rối loạn thần kinh tâm trí là bệnh trong đó tâm trí có ảnh hưởng lên cơ thể. Một cách chính xác hơn, đó chính là một cơn đau về thể chất thực gây ra do một phần hoặc toàn phần bởi một cảm xúc mất ý thức bất tỉnh hoặc các yếu tố tâm lý khác. Các bác sĩ cũng chưa hoàn toàn biết là làm sao mà cảm xúc lại có thể gây ra tổn hại cho một bộ phận cơ thể, nhưng đó là chuyện có thật. Không giống như trong bệnh tưởng, trong đó bệnh là do tưởng tượng, một người bị bệnh tâm thần cơ thể là có bị bệnh thật. Thường thường bệnh tâm thần cơ thể có thể chữa khỏi bằng cách điều chỉnh các vấn đề tâm lý đã gây ra bệnh. Đó là chỗ nứt trên da hay niêm mạc lót đường tiêu hóa, nhức đầu và hồi hộp hoặc đôi khi các bệnh như ung thư...

5. Hội chứng Munchausen là gì?

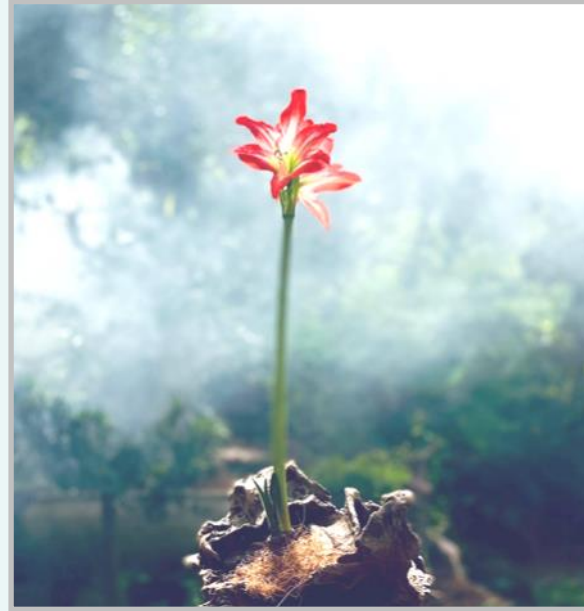
Nếu quý vị giống như nhiều người, họ sợ tới bệnh viện và thích khỏe mạnh hơn là ốm. Nhưng những người khác thích tới bệnh viện, thích hỏi ý kiến bác sĩ với nhiều lý do không đáng nói. Bác sĩ thần kinh tâm trí gọi đó là hội chứng Munchausen hoặc bệnh giả tạo. Giả tạo là giả mạo và người với hội chứng Munchausen là giả vờ và nói dối.

Người mắc hội chứng Munchausen là những người giả vờ ốm đau để được chăm sóc y tế. Họ thường làm cho mình mắc những triệu chứng kinh khủng bằng cách tự gây thương tích hoặc tự tiêm chất độc vào cơ thể để liên tục đến bệnh viện chữa trị. Điều họ muốn là tìm kiếm sự chú ý và chăm sóc.

Người thường giả vờ ốm đau, đến các cơ sở y tế khác nhau, các bác sĩ khác nhau để được chăm sóc. Họ thích gây sự chú ý bằng cách tự gây thương tích cho bản thân.

Coi hồ sơ y tế của bệnh nhân sẽ có dấu hiệu thường xuyên đi khám bệnh, bỏ ra rất nhiều chi phí cho xét nghiệm, kiểm tra, điều trị mặc dù bản thân không có bệnh. Bệnh nhân thường được điều trị tâm thần lâu dài.

Bác sĩ Nguyễn Ý Đức M.D.
www.bsnguyenyduc.com



HOA VÔ THƯỜNG

*Mênh mông dòng nước cánh hoa rơi.
 Hoa theo sóng nước xuôi dòng trôi
 Về đâu hoa hỡi...! sao biết được?
 Nghiệp trần thôi vương, hoa đôi đời.*

*Vô minh che khuất cả cuộc đời
 U mê, vây kín khắp con người
 Đời như giấc mộng, đầy huyền ảo
 Thoáng qua chốc lát, trong kiếp người*

*Quán Âm Bồ Tát, nhũ lòng từ
 Soi sáng tâm con, biết thật hư
 Hầu mong thoát khỏi đời ô trược
 Đời con từ đây, hết mê mù....*

*Tình tâm con kính cầu nguyện Ngài
 Từ bi cứu độ cho muôn loài
 Dứt hết khổ đau và phiền muộn
 Hầu về nương tựa dưới Phật đài.*

(Vía Quán Thế Âm)

thơ

TÂM TƯỜNG - LÊ ĐÌNH CÁT

The Story of the Disciples of Non-Buddhist Ascetics *Dhammapada, Verses 318 & 319*



While residing at the Nigrodarama monastery, the Buddha uttered Verses (318) and (319) of this book, with reference to some disciples of the Tittis (non-Buddhist ascetics).

The disciples of the Tittis did not want their children to mix with the children of the followers of the Buddha. They often told their children, "Do not go to the Jetavana monastery, do not pay obeisance to the bhikkhus of the Sakyan clan." On one occasion, while the Titti boys were playing with a Buddhist boy near the entrance to the Jetavana monastery, they felt very thirsty. As the children of the disciples of the Tittis had been told by their parents not to enter a Buddhist monastery, they asked the Buddhist boy to go to the monastery and bring some water for them. The young Buddhist boy went to pay obeisance to the Buddha after he had had a drink of water, and told the Buddha about his friends who were forbidden by their parents to enter a Buddhist monastery. The Buddha then told the boy to tell the non-Buddhist boys to come and have water at the monas-

tery. When those boys came, the Buddha gave them a discourse to suit their various dispositions. As a result, those boys became established in faith in the Three Gems i.e., the Buddha, the Dhamma and the Sangha.

When the boys went home, they talked about their visit to the Jetavana monastery and about the Buddha teaching them the Three Gems. The parents of the boys, being ignorant, cried, "Our sons have been disloyal to our faith, they have been ruined," etc. Some intelligent neighbours advised the wailing parents to stop weeping and to send their sons to the Buddha. Somehow, they agreed and the boys as well as their parents went to the Buddha.

The Buddha knowing why they had come spoke to them in verse as follows:

Verse 318: Beings who imagine wrong in what is not wrong, who do not see wrong in what is wrong, and who hold wrong views go to a lower plane of existence (duggati).

Verse 319: Beings who know what is wrong as wrong. Who know what is right as right, and who hold right views go to a happy plane of existence (suggati).

At the end of the discourse all those people came to be established in faith in the Three Gems, and after listening to the Buddha's further discourses, they subsequently attained Sotapatti Fruition.

Translated by

Daw Mya Tin, M.A.,

Burma Pitaka Association, Rangoon, Burma.

MỠI KỲ MỘT MÓN CHAY

MÌ XÀO CHAY



Mì chay xào tuy khá đơn giản sự thật cho thấy mùi vị thơm nức mũi cực ngon, chắc chắn bạn sẽ thích khi ăn.

Nguyên Liệu

- 1 gói mì
- 1/8 thìa cà phê đường
- 1/4 thìa coffee muối
- 1 thìa canh nước ấm
- 2 thìa canh nước tương loại thường
- 2 thìa canh nước tương loại đậm đặc
- 1/2 muỗng cafe dầu vừng
- 1 chút hạt tiêu trắng
- 3-4 thìa canh dầu ăn (chia ra để dùng dần)
- 3-5 cái nấm đông cô
- 1 nắm lá hẹ làm sạch

Các bước

Đun nóng một nồi nước, cho mì vào chần tầm chừng 3-4 ph rồi vớt ra.

Hòa tan đường và một ít muối trong một thìa canh nước hơi nóng, và thêm nước tương loại thường; nước tương loại đậm đặc, dầu hào chay, dầu mè, và một chút tiêu trắng. Khuấy đều tay đến khi chúng phối hợp không hoàn toàn.

Làm nóng chảo, thêm hai thìa canh dầu thực vật, láng đều khắp chảo, kể đó cho nấm, 1/2 chỗ lá hẹ vào đảo. Nắm hút dầu ăn do đó các bạn có thể thêm Một muỗng canh dầu nếu nhận thấy chúng bị khô. Tiếp đó cho mì vào xào, đảo hết ở trong 20 giây. Nồi tiếp đó rưới đều hỗn hợp phụ gia lên trên lên mì, đảo đều trong Một p để phụ gia bám đều vào mì. Thêm 1 thìa canh dầu nếu cảm thấy rất cần thiết. Cũng có thể thêm Một xiu nước ấm nếu thấy quá khô.

Hy vọng bạn ngon miệng và hoàn thành công cùng với các bước làm món mì xào chay!

(Nigioivietnam.vn)



Bên kia sông

HUỆ TRÂN

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Chú mục đồng chậm rãi bước xuống sông. Bên cạnh chú, con trâu lớn nhất đàn ngoan ngoãn xuống theo. Đôi mắt hiền lành của nó nhìn chú như mỉm cười, tin tưởng và thuận phục. Những con trâu bé hơn lại nhìn bước đi vững chãi, an lạc của con trâu đầu đàn mà nổi nham, cùng thông thả qua sông.

Đây là khúc sông cạn mà chú đã dọ dẫm kỹ lắm. Đáy sông lại không có những đá nhọn lởm chởm có thể làm chân trâu bị thương. Bên kia sông, qua khu rừng có những cội bồ đề râm mát là tới đồng cỏ rộng. Mùa này, sau những cơn mưa, cỏ non vươn lên xanh mướt, đàn trâu gồm bảy con mà chú có bốn phận chăm sóc tha hồ ăn uống no nê sau những giờ cực nhọc cày bừa ngoài đồng lúa.

Chú rất may mắn được có công việc chăn đàn trâu này cho ông trưởng già trong làng, để có bột mì, bắp khô và muối mè nuôi các em khi cha mẹ đều mất sớm.

Mà chú nào đã lớn mạnh gì cho cam, mới mười tuổi đầu đã phải vừa làm cha, vừa làm mẹ! Chính tình cảnh này mới được ông trưởng già thương tình, cho chăn trâu thuê.

Chú biết, công việc này rất quan trọng cho sự sống còn của mấy anh chị em nên chú hết sức cẩn trọng. Không chỉ chăm sóc trâu kỹ lưỡng ngoài đồng mà trước khi lùa trâu về, chú còn hái dây hai sọt cỏ non để ban đêm trâu nhẩn nha ăn tiếp.

Chỉ sau tuần lễ đầu, ông

trưởng già đã hài lòng, giao cho chú trọn công việc.

Cũng nơi đồng cỏ thuộc khu làng Uruvela, tây nam Ấn Độ, chú mục đồng đã nhìn thấy một vị sa-môn ngồi thiền dưới cội bồ đề, bên kia sông.

Qua dòng sông cạn, đàn trâu quen lối đã thông thả đi về cánh đồng cỏ mà chú còn đứng sững, nhìn vị sa-môn ngồi tĩnh lặng, khép hờ mắt.

Chú đã từng thấy nhiều vị sa môn đi qua làng, tu tập hay ngủ đêm trong rừng, nhưng chưa thấy ai ngồi thiền đẹp và trang nghiêm, thanh thoát như thế.

Phút giây đó đã thành thiên thu.

Vì vị sa-môn ngồi thiền đẹp như tượng vẽ đó, sẽ chính là Đức Phật Thích Ca Mâu Ni.

Và chú mục đồng nghèo khó đó, sẽ chính là Đại Đức Cát Tường trong tăng đoàn đầu tiên của Đức Thế Tôn.

Mười năm, sau khi đạt đạo, Đức Phật đã trở lại ngôi làng xưa, thực hiện lời hứa với chú bé chăn trâu, người bạn trẻ mỗi ngày đều cúng dường cỏ non để Ngài trải làm tọa cụ trong suốt thời gian thiền định ở rừng bồ đề. Thời gian mười năm là để đưa em trai kế của chú đủ sức thay anh chăn trâu, nuôi hai đứa em gái nhỏ.

Năm đó, Cát Tường vừa hai mươi tuổi, được nhập tăng đoàn, cùng lên đường hướng về thành Vương Xá.

Trong một buổi thuyết giảng ở tu viện Trúc Lâm,

Đức Phật đã yên lặng, nhìn khắp đại chúng, rồi ánh mắt Ngài dừng lại nơi vị khất sĩ trẻ.

Cát Tường cảm nhận nơi ánh mắt đó bao nhiêu là kỳ niệm thân thương của mười năm trước nơi cánh rừng bồ đề. Và rồi, Đức Phật cất giọng trầm hùng:

"Này các vị tỳ-kheo, hôm nay tôi muốn nói với quý vị về nghệ thuật chăn trâu. Một em bé chăn trâu giỏi có thể là một tu sỹ giỏi. Tại sao thế? Này, các vị hãy nghe đây:

Em bé chăn trâu giỏi biết nhận ra trâu của mình, cũng như người tu sỹ giỏi nhận ra được những yếu tố tạo nên sắc thân.

Em bé chăn trâu giỏi biết được hình tướng mỗi con trâu trong đàn, cũng như người tu sỹ giỏi thấy được những hành động nào của thân, miệng, ý là đáng làm hay không đáng làm.

Em bé chăn trâu giỏi biết cách cọ xát, tắm rửa cho trâu, cũng như người tu sỹ giỏi biết buông xả, gột rửa thân tâm khỏi tham dục si mê.

Em bé chăn trâu giỏi biết chăm sóc các vết thương cho trâu, cũng như người tu sỹ giỏi biết hộ trì sáu căn để sáu trần không lung lạc được.

Em bé chăn trâu giỏi biết cách đốt khối un trâu để trâu khỏi bị muỗi đốt, cũng như người tu sỹ giỏi biết đem giáo lý giải thoát trao truyền cho người xung quanh để họ khỏi khổ đau dẫn vật.

Em bé chăn trâu giỏi biết tìm đường đi an toàn cho

trâu, cũng như người tu sỹ giỏi biết tránh những lỗi đi dẫn tới danh lợi, sắc dục, sân hận.

Em bé chăn trâu giỏi biết thương yêu trâu, cũng như người tu sỹ giỏi biết quý trọng niềm vui thiền tập.

Em bé chăn trâu giỏi biết tìm bến tốt cho trâu qua sông, cũng như người tu sỹ giỏi biết nương vào Tứ Diệu Đế.

Em bé chăn trâu giỏi biết tìm chỗ có cỏ non và nước uống cho trâu, cũng như người tu sỹ giỏi biết Bốn Lãnh Vực là mảnh đất tốt để phát sinh giải thoát.

Em bé chăn trâu giỏi biết bảo trì những vùng thả trâu, cũng như người tu sỹ giỏi biết cẩn thận khi tiếp xúc với quần chúng và nhận sự cúng dường.

Em bé chăn trâu giỏi biết dùng con trâu lớn làm gương cho những trâu con, cũng như người tu sỹ giỏi biết nương vào đức hạnh và kinh nghiệm của những vị thầy đi trước.

Này các vị tỳ-kheo, một tu sỹ thực hành được mười một điều trên, có thể đạt quả vị A La Hán" ()*

Buổi pháp thoại này, sau đó, được đại đức Ananda trùng tuyên và cùng các trưởng lão trong tăng đoàn soạn thành bản "Phật thuyết về nghệ thuật chăn trâu"

Hình ảnh đàn trâu nương



nhau, vững tin, thanh thản và an lạc vượt sông để qua bờ bên kia, nơi có cỏ non, nước mát là một hình ảnh cảm động và tuyệt đẹp.

Nhưng để có niềm tin, thanh thản và an lạc đó, chúng ta phải được sự hướng dẫn phát xuất từ lòng thương yêu rộng lớn, sự tận tụy bền bỉ, tâm vị tha bình đẳng.

Đức Phật là tiêu biểu tuyệt hảo về Từ, Bi, Hỷ Xả. Đó là Tứ Vô Lượng Tâm toàn bích, không một tỳ vết, thể hiện qua suốt cuộc đời thị hiện Ta-bà của Ngài.

Suốt hơn bốn thập niên hoằng truyền đạo pháp, Đức Phật đã đến với mọi tầng lớp trong xã hội, từ vua quan, trưởng giả, cung tần mỹ nữ, tướng sỹ, thương buôn, tới nghèo hèn, nô lệ, kẻ ác người hiền, từ người lớn tới trẻ nhỏ, từ gia đình đông đúc tới kẻ hiu quạnh cô đơn ...

Tại sao Đức Phật phải mở trái tim từ bi rộng lớn đến thế? Vì sau bốn mươi chín ngày đêm thiền định dưới cội bồ đề, phá tan ma quân, tìm ra con đường thoát khổ, Ngài đã rõ cánh cửa ngục vô minh kiên cố từng giam hãm mọi loài, không trừ một ai.

Mọi hạng người trong xã hội đều có những khổ đau riêng, những khổ đau thường rất sâu kín vì họ phải che dấu để sống trong

sự bình an giả tưởng. Cái gì giả tưởng, trước sau rồi sẽ tan vỡ; và che dấu càng lâu, sự tan vỡ càng khốn đốn, nhưng không biết lối thoát nên nhân loại vẫn tiếp nối nhau lăn trôi trong trầm luân.

Sau khi nhìn rõ mặt mũi tên cai ngục Vô Minh, Đức Phật đã thiền hành quanh một hồ sen và quán chiếu. Có những bông sen còn hàm tiếu, có bông đã nở rộ, có lá vươn cao, có lá còn nằm trên mặt nước.

Đức Phật biết, căn cơ thể gian cũng như thế. Muốn giáo hóa họ, Ngài phải tùy duyên mà độ. Đến với vua, phải hiểu cương vị và tâm trạng nhà vua; đến với dân, phải hiểu hoàn cảnh và nỗi lòng thứ dân; đến với người già phải thấu niềm đau người già; đến với trẻ nhỏ phải hòa đồng sự thơ ngây của trẻ nhỏ ...

Khó khăn thế nên Ma Vương đã tới, yêu cầu Đức Phật nhập Niết Bàn.

Vì thương tưởng chúng sanh, Ngài đã thẳng thắn từ chối.

Và Đức Phật cất bước.

Nhập thế.

Mang đạo vào đời.

Tới bất cứ nơi khổ đau nào có thể tới. Độ bất cứ hạng người nào có thể độ. Bỏ thí tất cả những gì có thể cho. Nói lên tất cả sự thật cần phải nói. Con đường Trung Đạo cứu khổ đã vạch ra. Chỉ có bước tới mà không lùi. Chỉ có dũng mãnh mà không sợ hãi.

Ba giai đoạn quan trọng, đáng lưu dấu suốt con đường hóa độ chúng sanh của Đức Phật là:

1- Đức Phật đạt đạo dưới cội Bồ Đề, giữa rừng cây.

2- Đức Phật chuyển pháp luân lần đầu ở Vườn Nai (Lộc Uyển)

3- Đức Phật nhập Niết Bàn giữa hai hàng cây Sa La đầy hoa trắng, thuộc ngoại thành Câu Thi Na.

Đức Phật không chính

thức trụ trong chùa, trong tu viện nào, dù thời đó các đại thí chủ đã cúng dường nhiều cơ ngơi để đáp ứng nhu cầu khi Tăng đoàn đông đảo dừng chân có chỗ tu dưỡng và hoằng pháp. Một vài địa danh thường thấy trong kinh điển như: Venuvana (tu viện Trúc Lâm), Kudagarasala (tu viện Trùng Các), Isipatana (tu viện Lộc Uyển), Jetavana (Kỳ Viên) ...v.v.v...

Đức Phật luôn di chuyển. "Nhất bản thiên gia phạn. Cô thân vạn lý du"

Đức Phật đi tới đâu, người đủ duyên được nghe và hiểu lời Phật dạy đều cất bước theo Ngài tới đó, nên Tăng đoàn từ 1250 vị Tỳ-Kheo đã trở thành "không thể tính đếm xuể".

Điều này có thẳm lặng nói lên phần nào lời dạy, là việc đào tạo Tăng Thân thiết yếu hơn việc dựng chùa to tượng lớn vì "Tăng tài có thể dựng chùa to tượng lớn; nhưng chùa to tượng lớn không chắc đã tạo được Tăng tài"

Những tăng đoàn liễu nghĩa lời Phật dạy, Đã và Đang theo dấu chân Đức Thế Tôn, nhập thế độ đời. Nhập thế bằng trí tuệ, lặng thinh trước thị phi, kiên trì đi trên đường Phật đi, mới thật sự là đèn ơn Chư Phật.

May thay, giữa thời mạt pháp điên đảo, vẫn còn những Tăng đoàn, nương tánh-không-Bát-Nhã, bi-trắng-tâm-hương, để HÀNH THEO HẠNH PHẬT.

Huệ Trân

(*) Ý tưởng để viết, khởi từ "Nghệ Thuật Chấn Trâu" trong "Đường Xưa Mây Trắng" của Thiền Sư Thích Nhất Hạnh.



TUYẾT SƠN

*Tuyết sơn hòa quyện mây trời
Bức tranh huyền ảo tuyết vờ không gian
Vờ trông cảnh vật mênh mang
Thiên hình vạn trạng không ngừng đổi thay
Chạnh lòng lữ khách ngát ngày
Nỗi niềm tương nhớ tháng ngày xa xăm
Chúng sinh trong cõi hồng trần
Cùng chung định luật chuyển luân không ngừng.*

THÀNH TÂM - NGUYỆN CẦU

*Từng trong hơi thở, nhịp tim
Đưa tâm vào cõi êm đềm, an nhiên
Đi vào giấc ngủ bình yên
Tâm hôn thanh thoát nhẹ nhàng lâng lâng
Nguyện cầu kẻ lạ người thân
Mọi loài sinh chúng thái bình an vui
Thành tâm nhất niệm nguyện cầu.*

thơ CHÁNH NĂNG

Quân Tử Cầm và Ông lão Vườn Đào

TRẦN HOÀNG VY

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Chiều cuối năm hiu hắt, cái nắng hanh hao, vàng vọt, lọt qua kẽ lá, kéo thành những vệt dài gãy guộc và ẻo lả. Gió ngoài sông Vân vẫn thổi từng chập, từng chập, khiến những cành đào mảnh mai như run lên cùng với cái lạnh mùa đông, cứ thấm từng chút một khiến ông lão cứ như giật mình thon thót.

Vườn đào năm nay đã thu hẹp lại, như cái bánh đa nhỏ, bị trẻ con gặm dần từng chút một, bởi hai, ba cái dư án gì đó kéo dài hết vệt đất bờ tây của sông Vân, chỉ còn chừa lại rẻo đất nhỏ như lòng bàn tay cho cái vườn hoa đào đã có từ bao đời nay của ông cố, ông nội, cha và bây giờ là của lão.

Căn chòi nhỏ, xiêu vẹo, nhưng lại được cất dựng công phu theo hình bát giác, kiểu những căn nhà nghinh phong, đón nguyệt, cầm ca,

xướng hát của những bức thức giả hay trí nhân quân tử, hoặc giả người mai danh ẩn táng, muốn tận hưởng kho “phong nguyệt” của trời đất, bỏ mọi chính sự, thế sự ngoài tai, tẩy rửa tâm hồn cùng thiên nhiên. Có lẽ cũng đã được làm từ rất lâu rồi. Cứ nhìn những cây cột, kèo, làm bằng tre gai đằm bùn và ngâm nước, lâu ngày lảng bóng, đen như gỗ mun thì khắc biết.

Ông lão chủ nhân của căn chòi và khu vườn, người nhỏ nhắn, thanh mảnh như phụ nữ, trên mình luôn mặc bộ bà ba màu chàm. Điểm nổi bật của ông lão có lẽ là mái tóc trắng muốt, chải tém rất điệu nghệ, như một kếp lão về già. Còn đôi mắt, lúc nào cũng như vờ vờ buồn thương rất khó tả. Gia tài duy nhất trong căn chòi là cái hòm gỗ đen bóng, cùng cây đàn “Quân tử cầm”

cũng đã lên nước bóng loáng vì thời gian và tay người chơi đàn.

Gió cứ lê thê lướt thướt làm run rẩy từng giọt nắng chiều. Vườn đào năm nay xơ xác, thất trắng vì bão lũ, duy chỉ còn một gốc đào già, sần sùi những nốt u, nốt nần, là chúm chim dăm chục nụ hoa hàm tiếu, màu hồng phơn phớt tím, như ngạo nghệ, thách thức cùng cơn gió cuối năm bức dọc và rét buốt.

Ông lão quý gốc bích đào này nhất. Cứ nhìn cách ông chăm chút, cắt lá, tỉa cành cũng đủ biết ông nâng niu gốc đào đến nhường nào. Theo lời kể bất chợt của lão, đây là gốc đào chiết từ cây đào mà vua Quang Trung đã mang về tặng công chúa Ngọc Hân từ ngày xưa, ngày xưa, khi mà ông cố của lão là lính cấm vệ trong kinh thành Phú Xuân. Nhưng mỗi khi có ai tò mò, vạ vẹo cặn kẽ, thì lão lại lờ sang chuyện khác. Phải chăng cái bí mật nửa kín, nửa hở của ông lão đã có từ thời ông cố của lão, khi vương triều của Tây Sơn rơi vào tay họ Nguyễn Ánh, và với chủ trương trả thù truy cùng, bắt kiệt, những người theo Tây Sơn, đã khiến ông cố của lão phải mai danh ẩn tích, cảnh giác và bí mật về thân thế của mình?

Duy chỉ có chiếc đàn “Quân tử cầm” (ấy là theo cái cách gọi sang trọng của lão, khách thì gọi là đàn Nguyệt, hoặc nôm na là cây đờn kim theo kiểu người Nam bộ) là lão kể tận tình gốc tích, sau khi đã sương sương gần bứt



xị rượu đế.

"Trước khi nói tông tích, lai lịch của cái anh 'Quân tử cầm' này, xin dạo anh nghe mấy bản 'Xuân' và mấy bản 'Oán' để anh 'rửa tai' đã..." Ông lão nói như tự điều cốt.

"Dạ, dạ không dám! Xin được lắng tai nghe!" Khách tử tốn trả lời.

Khúc Xuân được trỗi lên, khách như nổi da gà. Nghe như có nắng ấm chan hòa, muôn hoa khoe sắc, và nổi bật cái màu bích đào của hoa, bắt người nghe phải hướng mắt về cội đào một cách kỳ lạ...

Rồi khúc Oán với tiếng réo rất thảm sâu. Muôn ngàn cánh hoa lã chã, rơi tả trong cuồng phong thịnh nộ... Khách nghe như thấy đoạn trường của kiếp đời, nghiệp chướng, u uất đến tận tâm can.

Khách ngồi nghe mà lòng chìm đắm trong men say mơ màng, hun hút tiếng sóng, tiếng gió với bao thể sự thăng trầm qua lời kể của lão.

"Cái đàn Quân tử cầm này xưa vốn là của một cao tăng ở ngoại ô kinh thành Phú Xuân, là bạn thâm giao với tướng quân Trần Quang Diệu. Chỉ khi có vợ chồng tướng quân Trần Quang Diệu, Bùi Thị Xuân, cao tăng mới đưa đàn ra dạo những cung điệu của vùng An Khê thượng và cùng bàn luận việc nước rất tâm đắc.

Nguyễn Ánh lên ngôi, vợ chồng tướng quân Trần Quang Diệu, Bùi Thị Xuân bị trả thù một cách dã man. Cao tăng treo đàn phía sau Phật điện, bỏ đi vào núi. Lúc ấy, ông cố tôi cũng vừa chạy trốn vào chùa xin cứu mạng. Cây đàn được giao cho cố tôi cất giữ cho đến đời tôi..."

Ông lão bỗng ngưng kể đột ngột, đôi mắt trĩu buồn, nhìn xa xăm ra ngoài hướng sông Vân. Khách trịnh trọng rót thêm vào ly rượu, hai tay nâng lên kính cẩn mời ông lão:

"Mời lão uống thêm ly rượu cho đỡ... sầu bi."

Ông lão cầm ly rượu, trút thẳng vào họng, không một tiếng khà. Giọng ông bỗng trở nên đờ đẫn, lắp bắp:

"Anh..., anh biết không? Quân... Quân tử cầm cũng có linh hồn anh ạ! Gần cuối đời cổ tôi, những sợi dây đàn khi khảy lên, không hề có âm thanh... anh ạ! Chỉ khi người con trai trưởng của cổ tôi, mang đàn đến rẻo đất này, trông xuống gốc đào ghép từ thời Tây Sơn, hay còn gọi là gốc đào tổ. Cây đàn lúc đó mới lên tiếng!

Anh biết không? Mùa đào năm ấy, đẹp như chưa bao giờ có. Ánh nắng cuối đông, đầu xuân như cũng nhuộm hồng, rực rỡ cùng với sắc thắm của đào. Một màu hồng đỏ ấm đến từng cọng cỏ, dấu rêu..."

* * *

Mùa xuân năm ấy, ánh dương quang đầm ấm dịu dàng, cái màu sắc đẹp nhất của đất trời vào đầu năm mới, điểm xuyết bằng những hạt mưa phùn tha thiết bịn rịn, vương lên vai áo, tóc người cái ngan ngát của hoa, của hương, của khói trầm như tích tụ màu trời đất sau mùa hôn phối, long lanh mắt ướt và hây hây môi má, thắm đỏ, tươi tắn.

Một nữ khách đến thăm vườn đào trong những ngày đầu xuân ấy. Khách tuổi chừng tuổi nguyệt tròn, có lẽ lúc ấy tôi cũng độ mười bảy, sức trai phơi phới xuân thì, có thể quật ngã con trâu mộng, vậy mà..., vậy mà tôi bỗng như cây sậy run rẩy, yếu đuối trước ánh nhìn rạng rỡ, tinh nghịch của khách. Nữ khách tóc chấm ngang vai, óng ả, đen mượt. Sợi tóc mỏng manh, mềm mại là thế mà... như trói buộc tôi đến tận bây giờ?

Ông lão thở dài ngâm

ngùi. Giọng như ngọn gió bị tàn cây cản lại, dồn cục, ào ào đến khó nghe.

"Anh biết không? Nữ khách xin gặp nội tôi và đòi mua cây đào tổ, gốc đào mang từ kinh thành về. Nàng sẵn lòng trả bằng mọi giá!

Nội tôi cũng là người hào hoa phong nhã, dù tuổi đã thất tuần, ông tinh quái hỏi nữ khách.

- Tôi sẵn sàng nhường lại cây đào tổ cho cô, nhưng cô phải... phải làm thiếp tôi, cô có chịu không?

Đang ngồi ngoài hiên hóng chuyện và ngắm trộm dung nhan nữ khách, trái tim non tơ của tôi như bị ngọn gió xuân phới phới, mơn trớn tơ tưởng một khuôn mặt đào hoa tuyệt thế của nữ khách. Nghe câu nói của nội, tôi bỗng bừng bừng... ngồi ngậy như hóa đá... Trong nhà vẫn tiếng của nội tôi:

- Nếu cô bằng lòng, nội nhật hôm nay sẽ cho người mang hoa đến tận nhà cô và xin phép được rước...

Tại tôi như bị ù đi, tiếng trả lời của nữ khách tôi không nghe thấy. Nữ khách đứng dậy cáo từ, bước ra như tiên nữ từ trong tranh, mặt không hề biến sắc. Đôi mắt long lanh, môi hoa chúm chím. Đón nắng phía trước còn có một nữ đồng tay cầm dù hồng. Cả hai khoan thai yếu điệu khuất dần sau những nhánh đào ửng đỏ.

Nội trong nhà bỗng cười lên sảng khoái. Tôi oán trách nội: "Người ta còn quá... bé mà nội..." Nội nghiêm nét mặt:

- Ấy là ta thử lòng người cũng như giá trị của gốc đào tổ. Ta già rồi, còn thiết chi... Ta muốn cô bé là... cháu dâu của ta đó, ha...ha...ha...

Tôi lại chết lặng trong cảm giác ngất ngây, lâng lâng trong tràng cười sảng khoái của nội. Người không hổ danh là trí lự của dòng họ.

Cô bé ấy hẹn ba ngày sau sẽ đến trả lời, nội cho tôi

biết vậy. Có lẽ nàng còn phải về trình báo lên song thân. Cuộc "mua bán," trao đổi có vẻ huyền hoặc này không biết có thành sự thật hay không? Tôi như người sống trong khắc khoải chờ đợi, người nhẹ như chiếc lá, sợ cơn gió làm rụng đi lúc nào không biết...

- Tôi chờ và chờ đến bây giờ...

Tiếng ông lão bỗng giống như tiếng mưa rơi, lộp bộp, lào phào trên phiến lá non tơ của nhánh đào vừa biếc lợt...

* * *

Khách cứ ngỡ người ngồi nghe, lạc dần vào trạng dã sử mà chỉ có những con người bình dân, chân đất, ngang tàng, nghĩa khí mới dám nghĩ ra và lưu truyền trong dòng tộc, cũng như việc mua bán gốc đào tổ đây hồ nghi huyền hoặc của ông lão.

Cả vườn đào bỗng dậy thơm bằng làng, gió như quấn quýt, bịn rịn, không nở bay đi. Mưa tạnh. Ánh nắng đầu xuân nhuốm hồng phơn phớt. Ông lão đã nghiêng đầu lên chiếc gối mây, mắt lim dim ngủ. Khách nhẹ nhàng lấy cái chăn len đắp ngay ngắn trên ngực ông lão.

Cầm lấy cây đàn, khách bỗng rùng mình như bị điện giật trước cái mát lạnh của cần đàn. Vuốt ve Quân tử cầm, khách thử búng ngón dạo khúc Hành vân. Nhưng tiếng bục, bục vang lên lạnh lẽo. Cái vô âm bất ngờ của cây đàn làm da gẻ của khách cứ nổi lên rờn rợn. Ông lão bỗng tựa mình và trên đôi môi thâm tái của lão bỗng rạn rở một nụ cười vô ưu như trẻ nhỏ.

Khách biết mình dạo hạnh kém cỏi, kính cẩn nâng đàn lên treo ở cột lớn của cần chòi. Bỗng một âm thanh náo nức, như khúc Nghê thường, hay phút giao hòa giữa trời - đất, giữa đông - xuân... ấm áp ngân rung. Thấy trên chiếc kệ nhỏ có chiếc lư hương và thê nhang. Khách đốt lên nén nhang. Mùi trầm thơm tràn ngập.

Ngoài kia, những cành đào đã hé mở, trông như những đôi môi đào trong buổi chiều cuối năm rừng rụng những rắng đỏ...



CHÂN NHƯ

*Nắng xuân trải nhẹ mặt hồ
Hồ sen thanh tịnh đang chờ bước ai
Nhìn theo hoa lá bay bay
Cửa Thiên rộng mở đón ngày mới lên
Thuyền Từ gió mát trời êm
Tòa sen lộng lẫy soi miền vô vi
Hồng trần nhẹ bước trầm tư
Lung linh hương khói điểm tô đạo tràng
Cúi đầu dâng nén tâm nhang
Nam mô công đức hào quang sáng ngời
Từ bi lời Phật sáng soi
Hoa Ưu Đàm nở đẹp tươi cảnh chùa
Sen hồng, huệ trắng hương đưa
Thinh không vắng tiếng chuông chùa nhẹ rơi
Gió lên thanh thoát nhạc trời
An nhiên thanh tịnh tuyệt vời Chân Như.*

thơ **DƯƠNG HỒNG ANH**

Truyện cực ngắn

STEVEN N.

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT



CÓ GÌ CŨ ĐÀU

Anh Hữu Tân là một kỹ sư trẻ, học vấn cao, sống rất thực tế và thời thượng. Anh thường nói với mọi người:

- Sắc-không là chuyện mơ hồ, không khoa học. Chuyện của mấy ông già xưa, lạc hậu, không còn thích hợp với thời đại khoa học tân tiến.

Ngày kia máy nén hơi trong hãng nổ, hệ thống máy móc chết cứng, nhiều người chết và bị thương. Anh ta may mắn không bị gì nhưng cảm thán:

- Không khí vốn là không, vậy mà có thể gây ra hậu quả thế này! Mà nếu không có nó thì mấy cái máy kia cũng không hoạt động được!

Một anh bạn vong niên làm chung bảo:

- Không thể mà lại có, sự đời vốn có lại là không. Việc này Phật đã nói từ hai mươi lăm thế kỷ trước, giờ nó vẫn vậy, có gì cũ đâu?

CHỈ MỘT GIỜ

Y đóng vai hiền nhân quân tử, làm người tốt, viết lách này nọ toàn là đạo lý... Ngày kia người ta phát hiện y có những mối quan hệ nhí nhắng mờ ám. Dân mạng còn tung hê chuyện y xem phim đen, đăng hình bậy bạ... Bây giờ thiên hạ bật ngửa ra và chửi y thậm tệ:

"Đồ xảo sự, đồ hai mặt, đồ giả trá... và còn bao nhiêu thứ đồ khác tung ra hết."

Vợ y xấu hổ và giận dữ:
- Bấy lâu nay tôi tin anh, nào ngờ anh là người như thế!

Y chống chế:

- Chuyện trên mạng chỉ là ảo nào phải thật!

Vợ y chì chiết:

- Phật, thánh hiền làm gì có hình tướng với sắc thân, vậy cũng ảo ư?

Y cứng họng không nói được gì. Vợ giận bỏ về ngoại, bạn bè chế giễu:

- Kiểm củi ba năm đốt một giờ.

CÁI NÀO NGUY HƠN

Dịch corona virus từ Vũ Hán lan tràn khắp thế giới, thiên hạ kinh sợ, xã hội ngưng trệ, kinh tế đình đốn... Ấy vậy mà ông trùm còn liên tục tung ra những thuyết âm mưu giả trá:

"Mùa hè nóng lên thì virus sẽ hết, uống lysol trị được Corona, người chết bỏ phiếu, bầu cử bị đánh cắp..."

Thiên hạ càng động loạn thêm. Người xử hồng kỳ cũng tung ra thuyết âm mưu hòng chạy tội:

"Corona Virus trên bao bì hải sản từ nước ngoài, quân đội của đại bàng chế ra để đồ vấy ta, virus có nguồn gốc ngoại..."

Vừa tung thuyết giả vừa xóa chứng cứ, che giấu nhân chứng vật chứng, ngăn cản quốc tế đến điều tra... Dân chúng phần lớn mịt mờ, trí thức yếm thế, bọn cộn đồ manh động được thể làm

càng. Có nhà bào viết bài, kết luận rằng:

"Những thuyết âm mưu còn nguy hơn cả virus thật."

HỌ LƯƠNG

Ngày đầu năm họ hàng gặp mặt vui vẻ, ai nấy đều hoan hỷ chuyện trò. Anh lương tâm chợt cảm thán:

- Cùng họ với nhau cả, sao chỉ mỗi mình tôi bị người ta lôi ra chửi, nào là: đồ vô tâm, đồ vô lương tâm, đồ táng tận lương tâm...

Chị lương tháng trông có vẻ gầy gò ốm yếu ỉ ôi:

- Người ta sống nhờ tở, vậy mà cứ khi dễ, dè biu, chề bai tở: lương ba cọc ba đồng, không đủ cho đại gia ăn điểm tâm.

Chú lương lậu vốn im lặng kín kẽ lắm, bỗng dưng cười ngạo mạn:

- Chỉ có tôi là phủ phê nhất họ. Thiên hạ chẳng ai biết tôi có bao nhiêu nhưng biết tôi có thể "cái gì không mua được bằng tiền thì mua được bằng nhiều tiền."

Cụ lương tri khế e hèm:

- Bởi vậy xưa nay ai cũng kêu thiếu lương tiền chứ có ai nhận mình thiếu lương tâm bao giờ!

HỌ PHẢI CẢM ƠN CẬU

Trời tháng hai rét căm căm. Lũ sóc trong vườn hình như chẳng biết lạnh, chúng nháy nhót chuyền càn nhanh như chớp. Những nụ hoa đào bu bám trên cành phàn nàn:

- Các cậu tăng động vừa thôi, kéo làm bọn tớ rụng hết!

Lũ sóc mắt tròn xoe, đuôi ngúc ngoắc:

- Mùa đông ít thức ăn quá, bọn tớ không thích tí nào.

Những nụ hoa đào thì thầm:

- Hồng có mùa đông thì làm sao bọn tớ có thể rực rỡ lúc xuân về? Không có mùa đông thì lũ sâu bọ không chết, lúc ấy cũng chẳng có mùa màng bội thu.

Lũ sóc ngơ ngác ngừng trong khoảnh khắc nhưng nhanh chóng nhảy tưng tưng trở lại. Những cây đào rủ rỉ:

- Bọn người phải cảm ơn các cậu, các cậu cứ tha hạt đi giấu khắp chốn rồi quên mất, bởi vậy những cái cây mới mọc lên khắp nơi.

VỀ TẾT

Ông vốn là bậc nhân sĩ cự trào, sau mấy mươi năm bôn tẩu chưa hề về quê ăn Tết, nhiều người bảo ông không có tình với quê hương. Ông nói:

- Nhớ Tết lắm chứ, nhớ quay quắt nhưng không về vì không muốn thỏa hiệp với cái ác.

Tháng ngày qua mau, đồng môn, đồng nghiệp cùng quan tướng lần lượt đi về. Họ bảo:

- Giờ khác trước rồi, về hưởng thụ kéo chết không kịp biết.

Ông cười chua chát khẽ ngâm:

*Lập lò đánh lận con đen
Xưa sao ghét bỏ nay
quen lạ thường*

*Tết dù rộn rã quê hương
Mùa xuân hiển hiện
mười phương đất trời.*

THAY HỒ BẰNG HÙM

Cối này vốn nhiều kham nhẫn khổ đau, độc tài cũng là một cái nạn thống khổ của dân. Có vô số người chết oan, tù đày, ly biệt, lưu lạc... Một nhóm cư dân gốc mít cũng nằm trong số này, sau khi tìm được chốn dung thân mới, họ bèn lập hội đoàn để tranh đấu cho bốn thổ. Nhóm chánh nghĩa tuyên bố:

- Chúng tôi là nhóm chánh nghĩa yêu nước duy nhất. Chúng tôi không chấp nhận chế độ độc tài, ai chống lại chúng tôi tức là chống lại quốc gia.

Hội ái quốc tuyên bố:

- Những ai không theo đường lối yêu nước của

chúng tôi tức là nổi giáo cho giặc, kết thân với giặc thù!

Liên đoàn hợp nhất cho người phát ngôn bố cáo:

- Tổ chức và cá nhân nào không đồng ý với chúng tôi thì cần phải loại bỏ!

Những nhân sĩ trí thức tinh táo thì cười chua chát

- Thay hồ bằng hùm thì cũng như không!

CHỈ ĐỂ DIỄN TUỒNG THÌ PHÍ QUÁ

Y làm bang trưởng mấy bạn, già khú để nhưng vẫn còn tham, quyết ứng cử tiếp. Lá phiếu của y ngoài những dòng chữ sáo rỗng, đao to búa lớn và ảnh chân dung đã được bọn thợ chụp sửa chữa cho mình miễn hợm. Y còn cho in hình đá cầu bóng ở bên trên, ngụ ý kẻ nào không bỏ phiếu cho ta sẽ bị ăn gậy!

Giang hồ lục lâm cho chí bàn dân thiên hạ chẳng ai ngạc nhiên khi y lại tiếp tục làm bang trưởng. Họ bảo:

- Y và môn phái không đậu mới là lạ, đậu là dĩ nhiên, ai cũng biết trước kia mà!

Ngày đăng quang y thề thào tâm sự:

- Mổ đã cống hiến nhiều rồi, mổ muốn nghỉ nhưng ngặt giang hồ cái bang tín nhiệm quá nên mổ phải tiếp tục hy sinh cống hiến thêm.

Môn nhân bang khác có kẻ cười sảng sặc:

- Bỏ khi nhà anh, dận tổn bọn bạc chỉ để diễn tuồng thì phí quá!

Hắn cười xong bảo đệ tử mang giấy bút ra viết:

*Dần vất vả dất dứ mưu
sinh mật mà vàng ệch hai
tay trắng túi chẳng còn đồng
bạc*

*Quan tí từng tung tăng
phó hội cờ xí đỏ lòm cặp da
đen chứa khẳm đô la xanh.*



STEVEN N
Georgia, 02/2021

Thời Gian Không Chờ Đợi Ai

(Phóng tác theo kinh Đại Bát Niết Bàn)

THÍCH NỮ HẰNG NHƯ

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

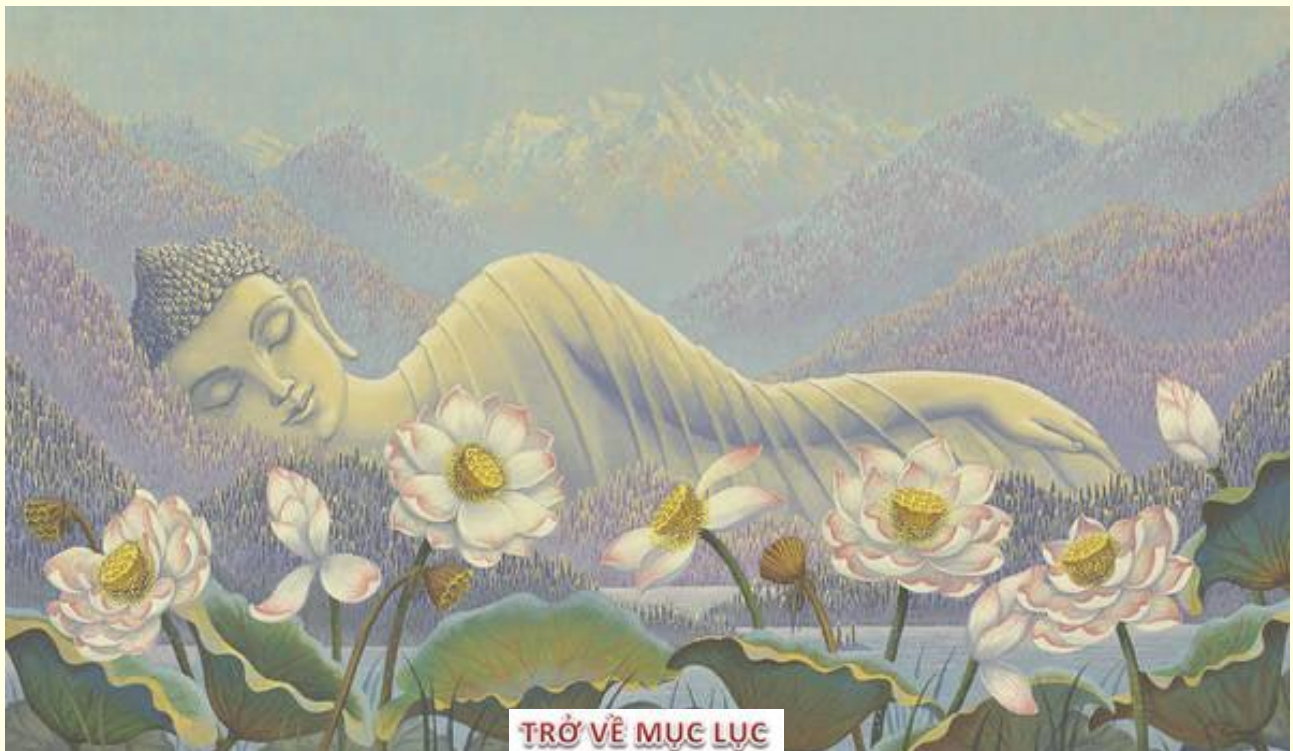
(tiếp theo)

Đại đức Ananda ngồi yên trong đêm tối, thầy nhìn lên bầu trời không có một vì sao, bỗng dung trên cao có những tia sáng chớp xẹt xuống ngang trước mặt thầy. Đã sắp tới canh hai rồi. Có phải là các chư thiên lần lượt từ giã Đức Phật bay về trời tạo ra những tia chớp này hay không? Đức Phật đã chia thời gian làm việc của Ngài như vậy rồi cơ mà! Giờ giấc làm việc của Đức Phật thật là khít khao. Đại đức thấy thương Đức Phật ghé lằm, vừa thương vừa kính trọng Ngài không cách nào diễn tả được. Trên đời này không có ai tự nguyện như Đức Phật từ bỏ đời sống đầy quyền lực của một vị vua trong tương lai, rời bỏ đời sống xa hoa sung sướng đầy hoan lạc nơi cung vàng điện ngọc... để lao vào sống đời nghèo nàn, đầu trần chân đất, mảnh khăn quấn thân, trì bình khất thực mỗi ngày rày đây mai đó, không phiền đến ai. Ngoài ba tháng an cư tại một chỗ, còn tám tháng kia là thời gian hoằng khai Diệu Pháp. Đức Phật không dừng gia công đem lại những điều tốt đẹp và hạnh phúc cho tất cả mọi người không phân biệt giai cấp giàu sang quyền quý hay bần hàn. Ngài đã tế độ và cứu

rồi không biết bao nhiêu sinh linh, từ lúc Ngài mới chuyển Pháp Luân cho đến ngày hôm nay, và chắc chắn Ngài sẽ tiếp tục làm như thế cho đến khi nhập diệt.

Nghĩ đến ngày Đức Phật không còn bên mình nữa, Đại đức Ananda cảm thấy trái tim của thầy nhói lên, và chưa chi Đại đức đã cảm thấy hụt hẫng bơ vơ. Bơ vơ vì Đại đức biết rõ con đường trước mặt Đại đức còn lằm chông gai, còn nhiều hăm hố. Nếu không có Đức Phật bên cạnh hướng dẫn diu dắt, thì làm sao Đại đức có thể một mình bước lên bờ Giác Ngộ?

Trong thời gian tu hành thảnh thơi những ý nghĩ phức tạp xuất hiện phá rối Đại đức. Bọn chúng thường hướng dẫn tâm trí của Đại đức chạy nhảy lung tung. Nhưng nhờ sự hộ trì của Đức Phật nên Đại đức thoát khỏi những vọng niệm tạp nhạp đó. Tối hôm nay, Đại đức nhận thấy mình bị mất chánh niệm và sự lo ngại vu vơ tràn ngập trong tâm Đại đức. Hết hình ảnh này hiện ra rồi đến hình ảnh khác tiếp nối... Bây giờ những câu chuyện xảy ra trên ngọn núi Linh Thú chiếm lĩnh tâm thầy. Thầy bắt đầu nhớ lại rất rõ....



TRỞ VỀ MỤC LỤC

Núi Linh Thứu nằm trong thành phố Vương Xá là kinh đô của nước Ma-Kiệt-Đa do vua Tần-Bà-Xa-La trị vì. Về sau, vua nhường ngôi lại cho con là Thái tử A-Xà-Thế. Mấy năm qua, Đức Phật ưa cư trú trên ngọn núi Linh Thứu này. Đây là một ngọn núi đá, trên đỉnh có phiến đá lớn hình dáng giống như chim Thứu nên người ta gọi là Thứu Sơn.

Khi Đức Phật ngự nơi đây, vua Tần-Bà-Xa-La thường hay đến viếng Phật và nghe Pháp trên núi này. Vua đã cho xây bậc đá từ chân núi lên tới tịnh xá của Phật và ra lệnh quân lính san bằng phía dưới thành thung lũng, đồng thời bắc cầu ngang qua mấy dòng suối để giúp các khất sĩ qua lại dễ dàng. Mỗi lần đến thăm Đức Phật, khi tới chân núi, vua Tần-Bà-Xa-La thường xuống kiệu đi bộ lên từng bậc đá để bày tỏ tấm lòng tôn kính Đức Phật.

Tịnh thất của Phật được xây trên một tảng đá lớn trên đỉnh núi. Phía Đông Bắc tịnh thất, là một dòng suối trong suốt, mát lạnh, uốn cong theo khe đá. Vào những ngày mùa Hạ, khi Đức Phật còn trẻ, Ngài thường tự giặt y áo của Ngài tại dòng suối này và phơi trên một phiến đá lớn bên cạnh suối. Tại nơi đây vào những ngày quang đảng, Đức Phật đứng nơi tịnh thất nhìn xuống, Ngài chỉ cho Đại đức Ananda thấy cả kinh đô thành Vương Xá. Hướng tầm nhìn về phía trái Ngài hỏi Đại đức có thấy những lâu đài đồ sộ nguy nga? Quay về phía bên phải Ngài khen đồng ruộng lúa bát ngát được chia thành từng ô vuông rõ nét thật là đẹp. Hình ảnh đồng ruộng đó Đức Phật ví là những ruộng phước. Người cư sĩ có thể cất giữ phước báu của mình trong những ruộng phước đó.

Những lần đứng hay ngồi hầu bên cạnh Đức Phật, nếu không được Đức Phật chia sẻ những ý nghĩ của Ngài, hẳn nhiên Đại đức sẽ không nhận ra được vẻ đẹp huy hoàng diễm lệ khi cùng Ngài ngắm cảnh mặt trời từ từ lặn xuống ở phương Tây. Vì thế đối với Đại đức Ananda, Đức Phật không phải chỉ là một bậc đại giác ngộ với lòng từ bi hỷ xả vô bờ, mà Ngài còn là một người biết thương thức vẻ đẹp thiên nhiên trong trời đất nữa.

Núi Linh Thứu không phải chỉ có mình Đức Phật trú ngụ, mà là nơi các đại đệ tử của Ngài cất am rải rác để được ở gần với Đức Phật, như các đại sư huynh Xá-Lợi-Phất, Mục-Kiền-Liên, Ca-Diếp, Ưu-Bà-Ly, Đề-Bà-Đạt-Đa v.v...

Nhớ đến sư huynh Đề-Bà-Đạt-Đa, Đại đức nhớ đến những liên hệ dòng tộc. Đề-Bà-Đạt-Đa là con của Hoàng hậu Pamila là cô ruột của Đức Phật, là anh của Công chúa Da-Du-Đà-La. Công chúa là Thái tử phi, tức là vợ của Thái tử Sĩ-Đạt-Đa khi chưa xuất gia. Vừa có liên hệ dòng tộc, vừa là đệ tử lớn của Đức Phật, thế mà sư huynh Đề-Bà-Đạt-Đa lại

là người quyết tâm mưu sát Đức Phật, là người tự đặt mình vào thế kẻ thù không đội trời chung với Phật, chỉ vì lòng hám danh, muốn đoạt quyền chưởng quản toàn thể Giáo Hội Tăng Già. Sư huynh Đề-Bà-Đạt-Đa đã nhiều lần vẫn kể người khác hại Phật, nhưng lần nào cũng thất bại. Do đó, sư huynh liều mạng chính mình lập mưu giết Phật. Nhờ cùng trú ngụ trên núi Linh Thứu nên sư huynh Đề-Bà-Đạt-Đa tìm cách xô đá chặn Phật khi Ngài đang dưới chân núi đi lên. May thay tảng đá do sư huynh Đề-Bà-Đạt-Đa xô xuống lại va nhằm một tảng đá khác, bể ra làm nhiều mảnh, chỉ có một mảnh vụn rơi trúng vào chân Đức Phật làm chảy máu. Giết Phật lần này không được, sư huynh Đề-Bà-Đạt-Đa tìm cách khác giết Ngài. Một lần nọ, sư huynh đã phục rượu mạnh cho voi say rồi xua voi ra đâm Phật. Nhưng lạ thay khi voi đến trước mặt Đức Phật thì hai chân trước quỳ xuống, rồi hai chân sau cũng khụy xuống, hai tai và đuôi cụp xuống. Thế hung hăng ban đầu không còn nữa, thì ra Đức Thế Tôn đã nhập vào Đại Bi Định cảm hoá voi say. Nghĩ đến những hành động tội lỗi ác độc của sư huynh Đề-Bà-Đạt-Đa, Đại đức cảm thấy buồn bã hết sức.

Còn đại huynh Mục-Kiền-Liên cũng chết trong đau đớn, nhưng cái chết của người đối với Đại đức Ananda là một cái chết dửng dưng vì đạo. Sư huynh Mục-Kiền-Liên là người có tài lý luận, đặc biệt là A-La-Hán được Đức Phật tuyên dương là vị đại đệ tử đứng hàng thứ ba của Ngài, sau sư huynh Kiều-Trần-Như và Xá-Lợi-Phất. Sư huynh Mục-Kiền-Liên là một vị đại khất sĩ hiểu thảo đối với mẫu thân nổi tiếng trong Tăng đoàn, đã từng dùng thận thông xuống tận địa ngục tìm kiếm mẫu thân. Thấy mẹ chịu cảnh gông cùm đối khát mà sư huynh không làm gì được để giúp mẹ. Ngay cả bát cơm của sư huynh dâng cho mẹ dùng, cũng biến thành lửa đỏ. Quả thương tâm, sư huynh trở về dương thế cầu cứu cùng Đức Phật.

Đức Phật thuyết rằng:

- Mẹ của thầy gây nhiều tội lỗi, gốc những tội tà trời của bà đã thành uẩn nghiệp nặng nề. Dù thầy là người con có lòng hiếu thuận, là vị Sa-môn tu hành đặc biệt, cũng không đủ sức cứu nổi bà. Chỉ có cách là thầy nên mang hết tài sản của cha mẹ thầy, mua sắm đủ một trăm món ăn, trái cây trăm thứ, hương, dầu, đèn nến, giường, chiếu v.v... sắp thành một lễ cúng dường chư vị Đại đức khắp mười phương. Cúng cả các vị Thánh chúng hoặc các vị đang thiền định ở trong rừng sâu núi thẳm. Những vị đã đắc bốn quả đạo lớn, những vị đang sáu phép thần thông và nhiều vị khác... Khi dâng cúng các vị này xong, thầy chỉ khẩn cầu họ một điều duy nhất là: Đúng vào ngày Rằm tháng

Bảy, là ngày Tự tứ, mười phương chúng Tăng, mỗi người nên vì hiện thời cha mẹ, hoặc cha mẹ tiền kiếp bảy đời của họ đang bị đọa vào đường ách nạn, hãy cùng nhau dồn hết oai lực tụng niệm cầu xin vãng sanh, thì mẹ của thầy nương nhờ phước đức đó mà thoát nạn.

Sư huynh Mục-Kiền-Liên phụng hành theo đúng lời dạy của Đức Phật. Năm đó, vào ngày Rằm tháng Bảy, tất cả các vị Tăng ở khắp nơi đã hợp lực với sư huynh tụng kinh giải tội cho cha mẹ bảy kiếp của mình. Nhờ vậy, bà Thanh Đề, mẹ của sư huynh Mục-Kiền-Liên được thoát kiếp ngạ quỷ đói khổ, sanh về cõi trời.

Gương hiếu thảo của sư huynh Mục-Kiền-Liên được Phật dùng làm bài học truyền dạy cho tất cả chúng sanh. Mỗi năm đến ngày Rằm tháng Bảy là ngày hoan hỷ của thập phương chư Phật, nên thiết Lễ Vu Lan dâng cúng Phật, chúng Tăng. Chí thành cầu nguyện cho cha mẹ hiện tiền được tuổi thọ dài lâu, thân tâm an lạc. Cũng cầu nguyện cho cha mẹ bảy đời quá khứ thoát khỏi cảnh ngạ quỷ sanh về cõi người, cõi trời an vui.

Sư huynh Mục-Kiền-Liên không những vang danh là người con hiếu thảo, biện luận giỏi, mà còn được mọi người biết đến là một vị khất sĩ bao dạn và cương trực nhất của giáo đoàn. Khi cần phải tuyên bố lập trường của giáo đoàn hoặc giáo pháp, sư huynh bao giờ cũng nói thẳng, không dung nhượng hay tha thứ giảm tội bất cứ một ai. Mỗi khi có cuộc thi đua nghị luận về giáo pháp với các giáo phái khác, sư huynh đều được Đức Phật cử thay thế nếu Ngài bận việc. Với tài hùng biện lưu loát, lần nào cũng như lần nầy, sư huynh Mục-Kiền-Liên đều thu phục được lòng người một cách vẻ vang. Vì những điều này mà sư huynh bị nhiều người thuộc các giáo phái khác ganh tỵ thù ghét.

Đại đức Ananda nhớ hôm đó... sau khi thầy cùng Đức Phật đi hoẵng hoá hơn nửa tháng, lúc trở về núi Linh Thứu thì nhận một tin sét đánh là Đại đức Mục-Kiền-Liên đã bị những người thuộc giáo phái lửa thể ám sát ngay tại cổng tu viện Trúc Lâm. Nhục thân của Đại đức đã được trà tỳ. Tro xương của Ngài được thu gọn trong một cái bình và đặt sẵn bên ngoài tịnh thất của Đức Phật.

Nhận tin này, Đức Phật yên lặng một lúc, rồi trầm giọng hỏi thăm Đại đức Xá-Lợi-Phất. Các thầy cho biết là Đại đức Xá-Lợi-Phất đã đóng cửa am thất từ ngày Đại đức Mục-Kiền-Liên bị giết. Đức Phật nghe như vậy nên đi tìm Xá-Lợi-Phất để an ủi. Đại đức Ananda cũng lèo đèo đi theo Đức Phật, trong lòng vừa thương tiếc người đã mất lại vừa chua xót cho người còn sống. Đại đức lặng im bước theo từng bước chân Phật, thầy không dám nói gì nhưng trong đầu thầy nghĩ: "*Phật đi an*

úi sư huynh Xá-Lợi-Phất, trong khi người mất một lúc tới hai vị đệ tử lớn là sư huynh Mục-Kiền-Liên và vua Ba-Tư-Nặc trị vì nước Kosala. Vua Ba-Tư-Nặc là vị cư sĩ quy y với Phật từ những năm đầu khi Đức Phật mới hoẵng dương đạo Pháp, là một người bạn già tri kỷ cùng thời với Phật. Còn sư huynh Mục-Kiền-Liên là vị đệ tử phẩm hạnh thay Phật hướng dẫn giáo đoàn. Trong một lúc mất cả hai người thì thật là hụt hẫng". Dù Đức Phật không nói gì và không tỏ thái độ gì, nhưng Đại đức vẫn cứ lo âu cho Ngài.

Sau hơn nửa tháng dài hoẵng pháp mệt mỏi, mới trở về tịnh thất thì nhận được tin buồn như vậy, nên đêm hôm đó Đại đức trần trọc hoài không ngủ được. Sáng hôm sau, Đức Phật ôm bình đựng xá lợi của sư huynh Mục-Kiền-Liên xuống núi. Ngài bảo Tăng chúng đến tu viện Trúc Lâm chọn vị trí để xây tháp kỷ niệm và an trí xá lợi của Đại đức Mục-Kiền-Liên.

Tại đây nhằm an ủi và trả lời những câu hỏi thăm kín của Đại đức Ananda, Đức Phật nhìn sâu vào mắt thầy rồi nói:

- Này, Ananda, trong giáo đoàn ai cũng khen thầy học nhiều nhớ nhiều về chánh pháp. Thầy không nên lấy sự học nhiều và nhớ nhiều đó làm đủ. Thầy làm thị giả, chăm sóc cho Như Lai và lo lắng cho giáo đoàn cẩn thận, điều đó tuy cần thiết và công đức vô lượng, nhưng cũng không đủ. Thầy phải biết "**thời gian không chờ đợi ai**". Đại đức Mục-Kiền-Liên chấp nhận cái chết không chống trả, dù thầy ấy có đầy đủ phép thuật thần thông. Nếu thầy ấy không muốn, thì không một kẻ nào có thể đung được đến thầy ấy, nói chi sát hại thầy một cách tàn bạo như vậy.

Đức Phật yên lặng một giây rồi thuyết tiếp:

- Người hiểu đạo không chống trả những gì không cần chống trả. Thầy Mục-Kiền-Liên là một vị thánh tử đạo, là một vị Bồ Tát. Số thầy ấy như vậy! Đại đức Ananda, thầy hãy noi theo gương Mục-Kiền-Liên bình thản trước sự sanh tử và cố gắng tinh tấn để thoát ra khỏi vòng sinh tử đó. Phải xem chuyện sanh tử là một chuyện bình thường và vượt qua khỏi chuyện bình thường để diệt hẳn nó, hầu đạt được cái hạnh phúc cao quý bên trong của thầy.

Đại đức Ananda chấp tay trước ngực xá Đức Phật. Thầy cúi đầu thật thấp lí nhí hỏi:

- Mô Phật! Như vậy Đức Thế Tôn đã biết trước chuyện này hay sao?

Đức Phật đưa tay che mắt trước ánh nắng chói chan ngoài sân tu viện rồi nói:

- Thầy Ananda lại hỏi Như Lai chuyện không cần phải hỏi nữa rồi! Ngay cả thầy Mục-Kiền-Liên cũng biết trước chuyện thầy ấy phải chịu nữa mà! Trước khi đi hoá đạo,

Như Lai có dặn thầy ấy đừng nhận lời thách đố biện luận của giáo phái loã thể, thầy Ananda quên rồi sao?

- Mô Phật, đệ tử có nhớ!

Qua lời dạy này của Đức Phật, Đại đức Ananda thật muôn vàn biết ơn Đức Phật. Đại đức biết Đức Phật rất quan tâm đến thầy. Kiểm điểm bản thân, quả thật cho đến bây giờ Đại đức cũng chưa chứng được quả vị nào khá hơn quả vị Nhập Lưu. Đại đức vẫn ngày đêm bên cạnh Đức Phật, hoạn hỷ hầu hạ Ngài, vẫn nhớ rất rõ những lời Đức Phật thuyết pháp. Nhưng mà thầy vẫn chưa thấy phải lúc cần nỗ lực. Hôm nay câu nói "thời gian không chờ đợi ai" của Đức Phật dội mạnh vào tâm khảm thầy và cái chết của sư huynh Mục-Kiền-Liên giống như mũi tên của ai đó ghim sâu vào lồng ngực của thầy.

Bây giờ hai vị sư huynh Mục-Kiền-Liên và Đề-Bà-Đạt-Đa đã nhập diệt rồi. Một người ra đi trong sự bình thản chấp nhận, còn một người ra đi trong sự dày dò hối hận. Đại đức nghĩ sẽ đến một lúc nào đó thầy cũng ra đi. Thầy muốn mình ra đi mang theo niềm hạnh phúc, sự sáng đạo... như lời dạy của Đức Phật, chứ không muốn bị đọa vào địa ngục như sư huynh Đề-Bà-Đạt-Đa. Muốn như vậy thì phải tinh tấn hạ thủ công phu, tự mình giải thoát cho mình mà thôi!

Hình ảnh của hai vị sư huynh qua đời vừa ra khỏi tâm trí của Đại đức Ananda, thì hình ảnh khác lại chiếm ngự...

Đại đức nhớ một buổi sáng sớm nọ... Đức Phật bảo với Ananda rằng Ngài muốn gặp lại tất cả các vị khất sĩ hiện sống dưới chân núi Linh Thứu và xung quanh làng lần cuối. Nghe lời Phật dạy, chiều hôm đó Đại đức Ananda đã ra đi triệu tập những vị khất sĩ ở dưới chân núi, đồng thời nhờ mọi người giúp truyền khẩu... triệu tập tất cả khất sĩ có mặt ở thành Vương Xá và quanh vùng phụ cận đến gặp Phật. Chỉ trong vòng một tuần lễ, màu áo cà sa của gần hai ngàn vị khất sĩ tăng ni tạo thành một màu vàng rực rỡ dưới ánh nắng mặt trời trên năm ngọn đồi Linh Thứu.

Ngày hôm sau, khi đại chúng đã quy tụ trước giảng đường đầy đủ. Đức Phật từ tịnh thất thông thả đi xuống. Ngài bước lên pháp tọa cao, chấm rãi ngồi trong thế kiết già, rồi

đưa mắt nhìn đại chúng với nụ cười hiền lành trên môi. Sau khi hỏi thăm sức khỏe tất cả mọi người. Ngài bắt đầu thuyết giảng:

- Nay hồi các đệ tử, hôm nay vì lợi ích của chư đệ tử, Như Lai truyền dạy bày điều kiện thính suy của chúng Tăng, gọi là "Bảy Pháp Bất Thối," những lời nói của Như Lai hôm nay, quý vị hãy lắng nghe và cố gắng thực hành để hoằng dương chánh pháp.

Hai ngàn tiếng "Mô Phật" của khất sĩ

vang lên và vọng lại trong rừng núi tạo thành một thứ âm thanh ngân nga như điệu nhạc hoà theo tiếng gió. Tất cả mọi người hướng về Đức Phật chờ nghe giáo huấn của Ngài.

Đức Phật từ tốn nhắn nhủ:

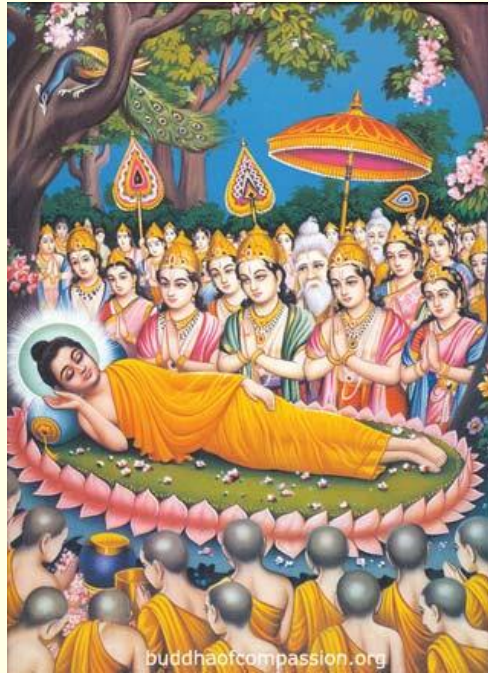
- Hồi các đệ tử... Ngày nào mà chư Tỷ-kheo còn thường gặp gỡ và họp mặt đông đảo với nhau để học hỏi và tìm hiểu chánh pháp như ngày hôm nay. Ngày nào chư vị còn đến với nhau trong ý niệm mong mỏi được học hỏi và cố gắng chu toàn trách nhiệm tăng sĩ trong tinh thần đoàn kết. Ngày nào mà tất cả các tăng sĩ nghiêm trì giới luật không tạo ra những hiểu lầm chia rẽ. Ngày nào mà chư vị Tỷ-kheo còn hộ trì, kính trọng những vị cao hạ đạo

đức trong giáo đoàn. Ngày nào mà chư vị chấp nhận cuộc sống thanh đạm giản dị để tránh bị ảnh hưởng của tham ái. Ngày nào mà chư Tỷ-kheo còn được an vui thích thú trong việc chú tâm thiền định ở những nơi vắng vẻ thanh tịnh. Và ngày nào các chư Tỷ-kheo còn tự thân an trú chánh niệm khiến các bạn đồng tu chưa đến đã muốn đến, các đạo hữu đã đến thì được sống yên lành... thì ngày đó đạo pháp vẫn còn hưng thịnh và giáo đoàn không bị suy thoái.

Đức Phật giảng tiếp:

- Quý vị nên biết rằng không một yếu tố nào bên ngoài có thể phá hoại được giáo đoàn. Chỉ có những phần tử từ bên trong giáo đoàn mới có thể làm cho giáo đoàn bị tan rã mà thôi! Hồi các vị khất sĩ, hãy bảo vệ chánh pháp bằng cách sống theo "bảy pháp bất thối" mà Như Lai vừa mới đưa ra!

Sau khi dặn dò bày điều trên, Đức Phật nhận thấy có nhiều đệ tử chưa đủ căn cơ để có thể tiến lên trên con đường tu học. Bằng tâm từ bi vô lượng vô biên, Đức Phật soi sáng thêm cho các Tỷ-kheo "bảy pháp bất thối" an toàn khác như sau:



- Nay các vị khất sĩ, để rút ngắn con đường mưu cầu giải thoát. Quý vị không nên mất thì giờ đắm chìm trong thế sự. Chớ nên la cà nói chuyện thiên hạ. Cũng đừng để mất thì giờ vào những giấc ngủ triền miên. Đừng chứa chấp hay rơi vào những ham muốn thấp hèn. Đừng thân cận với những người xấu ác có khuynh hướng đê tiện. Đừng tự mãn với những kiến thức. Cũng không nên tự mãn với trình độ chứng đắc nhỏ bé của mình, nếu có.

Sau khi giảng "*mười bốn pháp bất thối*" cho các Tỷ-kheo. Đức Phật nhắc nhở thêm "*bảy yếu tố giác ngộ*" mà mỗi tu sĩ đều phải đi qua. Đó là: Yếu tố chánh niệm, yếu tố quán chiếu vạn pháp, yếu tố tinh tấn, yếu tố hỷ lạc, yếu tố nhẹ nhàng, yếu tố chánh định và hành xả. Đức Phật cũng chỉ dạy các phép quán vô thường, vô ngã, bất tịnh, buông bỏ, xa lìa tham dục và giải thoát.

Mười ngày trôi qua nhanh chóng, Đại đức Ananda có cảm tưởng trong mười ngày này, Đức Phật đã đem tất cả sở học sở chứng của mình ra truyền dạy cho đệ tử, với hy vọng tất cả mọi người trước sau đều được giải thoát. Đại đức Ananda cảm nhận những ngày sống bên Đức Phật thật là có ý nghĩa, an tịnh và hạnh phúc. Hai ngàn vị khất sĩ cư trú khắp nơi trên năm ngọn đồi. Vị trú dưới gốc cây, vị trú trong hang đá, am thất hoặc khe suối. Cũng có vị ngủ hẳn ngoài trời với tấm y xếp gối đầu và tấm y làm mền che thân. Mỗi ngày các vị ấy tụ tập một lần tại giảng đường để nghe Đức Phật giảng dạy. Thính chúng ngồi thành nhiều bậc khắp nơi trên núi Linh Thứu, vì sân không đủ rộng để chứa ngần ấy người.

Qua ngày thứ mười một, Đức Phật từ giả các vị khất sĩ và khuyên họ xuống núi trở về trú xứ để hành đạo, chỉ có các vị thường trú ở núi Linh Thứu là còn ở lại với Phật mà thôi!

Gần hai ngàn vị khất sĩ từ từ xuống núi. Màu y vàng của các vị nổi bật lên giữa màu xanh của rừng núi tạo thành một bức tranh đẹp để thanh thoát. Đại đức đứng phía sau Đức Phật nhìn xuống núi cho đến khi không còn một vật y nào nữa mới quay lại. Trước khi về tịnh thất, Đức Phật đứng nhìn những chòm núi in trên nền trời rồi nhẹ nhàng bảo:

- Nay thầy Ananda, núi Linh Thứu này thật là đẹp, thật là hùng vĩ, nhưng không phải lúc nào chúng ta cũng ở đây hưởng thụ vẻ đẹp thiên nhiên mãi được. Thầy hãy chuẩn bị, ngày mai chúng ta sẽ xuống núi, bắt đầu một chuyến hoằng pháp dài mấy tháng. Không chừng Như Lai sẽ không có dịp trở về nơi đây nữa! Nơi chúng ta ghé thăm đầu tiên sẽ là tu viện Trúc Lâm.

Đại đức chấp tay thưa:

- Mô Phật! Con sẽ chuẩn bị tất cả. Bạch Đức Thế Tôn, sáng mai chúng ta khởi hành sớm như thường lệ?

- Phải, thầy báo với các Đại đức nào muốn tham gia chuyến hoằng hoá này hãy chuẩn bị. Thầy trò chúng ta sẽ bắt đầu khi mặt trời chưa mọc. Vào lúc đó mọi cảnh vật còn đang hưởng sự thanh tịnh, do Như Lai vừa rời ra. Bắt đầu chuyến đi vào giờ đó, các thầy cũng sẽ hưởng được sự an tịnh nữa!

Đức Phật thường dạy các đệ tử không nên truy tìm về quá khứ, không dính mắc với hiện tại, cũng không nghĩ tưởng đến tương lai, chỉ an trú trong bây giờ và ở đây, nghĩa là chánh niệm trong mỗi lúc mỗi thời. Khi ở bên Đức Phật nhờ sự hộ trì của Ngài mà Đại đức không bị thất niệm. Ngày hôm nay dừng chân ở làng Nadika này, Đại đức chạnh lòng nhớ các sư huynh sư tỷ đã viên tịch ở nơi đây, nên hỏi han lung tung, nhưng mà được Đức Phật cho biết những người thân thiết tu hành tinh tấn đó đã hoá sanh về chỗ an lành, thầy cũng cảm thấy an ủi và hoan hỷ cho họ.

Đêm đã xuống từ lâu. Một cơn gió lạnh thổi qua. Mưa bắt đầu rải hạt. Hơi đất ẩm ướt bốc lên khiến Đại đức nháy mũi liên hồi. Đại đức đứng dậy vươn vai, bước vào tịnh thất trông chừng giấc ngủ của Đức Phật. Bên ngoài mưa mỗi lúc một lớn, sấm chớp vang rền. Đức Phật không đi kinh hành, nhưng Ngài đang nhập định. Đại đức múc nước rửa chân rồi rón rén bước vào hương phòng, sát cạnh bên tịnh thất của Đức Phật. Thầy trải tấm y, ngồi lên giường tọa thiền. Một lát sau thầy nghiêng mình nằm xuống. Trước khi đi vào giấc ngủ Đại đức ôn lại lời dặn dò của Đức Phật: "*Này Ananda, thầy phải biết thời gian không chờ đợi ai. Thầy đừng cho sự học rộng hiểu nhiều của thầy là đủ. Thầy phải tinh tấn để đạt được điều thầy mong muốn. Quả vị đang chờ người cuối cùng*". Đại đức khó nhọc trở mình, tự hỏi: "*Quả vị đang chờ người cuối cùng, người cuối cùng ấy là ai? Chẳng lẽ lại là ta. Nếu như vậy thì sau ta không còn ai nữa ư?*" Cơ thể mỏi mệt, tay chân đau nhức rã rời, nhưng Đại đức cảm thấy cõi lòng mình thật ấm áp bởi vì Đại đức đang được Đức Phật phủ tâm từ hộ trì cho thầy đi vào giấc ngủ không mộng寐. Trong giấc ngủ bình an, Đại đức không còn nhớ gì ngoại trừ câu nói ấm áp của Đức Phật: "*Thời gian không chờ đợi ai, hãy tinh tấn lên thầy Ananda.*"

THÍCH NỮ HẰNG NHƯ

(Chân Tâm thiền thất 02-11-2020)

XUÂN VÀ THƠ

Mời bạn cùng ta dạo thưởng Xuân
Hồng vàng, cúc tím vẫn đợi chờ
Già, trẻ hân hoan mừng Xuân mới
Oanh ca, chim hót rộn trời thơ.

Diễm tuyệt vườn trần đủ sắc hoa
Vui Xuân thi hữu cứ thao thao
Được với bạn thơ cùng xướng họa
Lời hay, ý đẹp, đôi và trao...

Buông vắn, giáng bút... thú thanh tao!
Áu cũng duyên may Phật độ vào
Thơ dù hay mấy không quên Đạo
Thanh thản đường trần sống tiêu dao.

Lửng lơ mây lượn non cao
Dưới đời hoa lá lao xao cọt đũa
Bỗng nghe thì tí dạt dào
Êm êm như tiếng suối dào vườn quê
Mùa lá rụng, tuôn trăng lên
Biết bao kỷ niệm êm đêm buồn vui...
Xuân về vội thảo vần thơ
Viết lời bái biệt tạ từ hết năm
Bình minh chim hót trên cành
Xuân sang hạt giống nảy mầm xanh xanh
Bướm vàng bay lượn quanh quanh
Cùng ta là bạn - bạn bè rất thân!
Rủ nhau chơi giữa mùa trăng
Bướm hay Trang Tử? – Ai là mộng đây?
Ngược xuôi mấy nẻo đường trần
Trả về quán trọ cung đàn ngày xưa
Thoảng nghe tiếng sáo đầu dây
Tặng nhau một trái tim đầy tình thương!
Đâu rằng vạn hữu vô thường
Tâm ta vẫn mãi thường hằng dấu yêu!



XUÂN DI LẶC

Xuân đến trần gian tặng nụ cười
Nụ cười Di Lặc, Chúa Xuân ơi!
Sông núi tung bừng khoe sắc thắm
Cỏ hoa đua nở đảo màu tươi
Đầu Xuân đi lễ cầu an lạc
Thế giới hòa bình, nhân loại vui
Ngưỡng mong Đức Phật tương lai tới
Cứu độ quần sanh khắp mọi nơi!

thơ **DIỆU VIÊN**

NATALIA PETRUNINA

MỘT NGƯỜI PHẬT TỬ NGƯỜI NGA

Tiểu Lục Thần Phong

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Lời giới thiệu:

Đạo Phật vốn du nhập vào nước Nga khá sớm, từ những năm đầu thế kỷ mười bảy. Có lẽ đạo Phật du nhập qua cửa ngõ vùng Siberia, Những nước cộng hòa thuộc liên bang Nga như: Buryatia, Kalmykia, Tuva..., là những nước rất sùng đạo Phật, thậm chí còn có thể coi như quốc giáo. Đạo Phật ở Nga được xem như là một tôn giáo truyền thống, một di sản văn hóa lịch sử. Ngày nay đạo Phật truyền bá rộng rãi và phổ biến ở nước Nga. Tôi có kết bạn với một cô Phật tử người Nga, ban đầu cô ấy là một tín đồ chính thống giáo, nhưng sau khi đọc một ít tài liệu khái quát về Phật giáo và cô ấy đã thay đổi, theo lời cô ấy thì "Một sự hoan hỷ và truyền cảm như trời đậy từ trong tiềm thức". Cô ấy bày tỏ cảm tưởng trên trang cá nhân về quá trình đến với đạo Phật và sự lợi ích của Phật pháp đối với cô ấy. Tôi nhận thấy hấp dẫn nên dịch sang tiếng Việt để tặng những bạn không đọc được tiếng Anh, nguyên bản cô viết bằng hai ngôn ngữ Nga và Anh. Đạo Phật ở Trung Hoa, Việt Nam, Đại Hàn, Lào... hay ở các nước Âu - Mỹ thì chúng ta chẳng lạ gì, nhưng nói đạo Phật ở Nga chắc có không ít người ngạc nhiên, quả đúng như vậy, đạo Phật đã đến với nước Nga đã bốn thế kỷ rồi, phần lớn theo truyền thống Phật giáo Tây Tạng, Mông Cổ... Gần đây có thêm những đạo tràng tu tập theo truyền thống Việt Nam, Thái Lan và nam truyền. Cô Natalia Petrunina là một Phật tử tu học theo truyền thống này. (TLTP)

NATALIA PETRUNINA – MỘT NỮ PHẬT TỬ NGƯỜI NGA

Cho đến hôm nay là tròn năm năm tôi đã tu tập thực hành thiền và tôi rất hoan hỷ với sự kiện này. Tôi muốn chia sẻ đường lối học Phật pháp (với các bạn hữu duyên). Lúc ban đầu tôi đã từng không nghĩ rằng những chỉ dạy của đức Phật sẽ in dấu ấn thật sâu cuộc đời tôi. Tôi nhớ có lần đã gõ trên trang Yandex "Phật giáo và những chỉ dạy của đức

Phật là cái quái gì vậy?" Và khi tôi đọc vài hàng chữ về đạo Phật, một vài khái niệm tổng quát và sau đó tôi cảm nhận rằng hầu hết đây là những chỉ dẫn tuyệt vời và dĩ nhiên là những chỉ dạy ấy đã đi vào cuộc đời





năm. Lúc mới bắt đầu chỉ tập năm phút, dần dần tăng thêm thời gian, sau đó thì tôi mới học được cách thiền định đúng đắn. Tôi đã bắt đầu đọc tốt hơn về văn hóa và chỉ dạy của đức Phật. Sau đó tôi gặp được những pháp hữu. Tôi quy y tam bảo, quay về nương tựa Phật Pháp Tăng thông qua ba khóa tu thiền, chương trình của tôi vượt xa giới hạn. Tôi tham gia vào việc xây dựng một tu viện Phật giáo và như thế trong năm cho đến tận bây giờ, không chỉ là thường xuyên thiền định, những chỉ dạy tốt đẹp của đức Phật đã trở nên vững chắc trong đời tôi.

Dịch Việt: Tiểu Lục Thần Phong
 Ất Lăng thành, 01/2021

tôi và điều đầu tiên tôi cảm nhận là tự trong tiềm thức, tại thời điểm này, tôi vẫn là một tín đồ Thiên Chúa chính thống, trong hai năm rưỡi cuối cùng tôi vẫn tham gia hoạt động trong đời sống của nhà thờ chính thống giáo. Tôi có mặt ở nhà thờ một cách thường lệ và tiếp nhận của cộng đồng. Tôi đọc kinh cầu nguyện rất nhiều, tôi thêm những biểu tượng của chính thống giáo bằng những hạt cườm và dĩ nhiên là tôi tuân theo những điều răn dạy luân lý tâm linh, những điều răn của kinh thánh. Ở nhà thờ tôi đã cảm nhận được sự yên tĩnh và an hòa tuyệt vời nhưng tôi vẫn có rất nhiều những câu hỏi về tính chất chính thống và cuối cùng thì cái gì sẽ dẫn dắt tôi đến với tâm linh một cách chính xác nhất? "Tôi sẽ làm cái gì để cho trái tim được cảm nhận tốt nhất"? (lúc đó tôi vẫn tin rằng linh hồn tồn tại vĩnh viễn, không bao giờ thay đổi), chỉ cầu nguyện thôi ư? Tôi có thể làm được gì cho bản thân? tin ở thượng đế? Vì sao tín đồ Thiên Chúa không chấp nhận có kiếp quá khứ? vv... Vì vậy tôi đã đọc những chỉ dạy của đức Phật, tôi đã đi từ kinh ngạc này đến kinh ngạc khác, có biết bao nhiêu là sự tương ứng phù hợp với thế giới quan trong tôi, bao nhiêu là tin tưởng từ những lời dạy đã truyền cảm hứng cho tôi và tôi đã mong muốn thực tập những chỉ dạy ấy biết bao, và đây là lý do tại sao tôi cố gắng thử thực hành thiền, sau đó chỉ duy nhất một từ "thử". Tôi nhớ lại khi ở nhà một mình, tôi lên youtube để tìm những video với chủ đề "Thực hành thiền như thế nào?" Và nó chỉ dẫn cách tiến hành ngồi riêng một mình trong tư thế hoa sen (kiết già toàn phần), ngồi thiền trong hai mươi phút mà không có chú ý đến bất cứ một tiêu điểm đặc biệt nào, chỉ đơn giản ngồi và chấp nhận thực tế như thế. Tôi sắp xếp thời gian và ngồi mỗi lần hai mươi phút, hoàn toàn tự nhiên mà không có bất cứ vấn đề đặc biệt nào với tôi. Tôi nhận ra rằng bạn không phải chỉ thiền định một lần và sau đó thì hành thiền một cách đều đặn ít nhất là một



Cặp mắt Thái tử Câu Na La

Soạn giả: THÍCH MINH CHIẾU

(Truyện Cổ Phật Giáo)

TRUYỆN TÍCH PHẬT GIÁO

Thuở xưa ở Ấn Độ có một ông vua tên là A Dục trị dân rất công bình. Hồi còn trẻ, tính Ngài hay giận dữ nhưng dần dần Ngài trở nên hiền từ dịu dàng. Nhờ gương sáng của Ngài, nhờ huấn dụ đưa ra, Ngài dạy cho dân tính nhã nhặn đối với mọi người và lòng bác ái đối với kẻ khổ sở. Ngài lập bệnh viện để chữa trị người bệnh, lập công viên để người và vật có chỗ nghỉ ngơi, sai đào giếng để khách bộ hành và vật khỏi bị khát nước, sai trồng hai bên đường những cây ăn quả và cây để làm thuốc.

Người con đầu tiên của Ngài có cặp mắt đẹp hiền từ như chim "Câu Na La". Vì thế người ta gọi chàng là Câu Na La. Đức vua rất đời yêu mến, Hoàng hậu Liên Hoa là mẹ của Thái tử.

Hoàng hậu mất sớm. Nhưng Thái tử rất được vua cha yêu dấu và tin dùng. Lòng từ ái, tính khiêm nhượng của Ngài làm nhân dân rất yêu mến và kính trọng. Vợ Ngài rất dịu dàng, bao giờ cũng làm vừa lòng Ngài, tên nàng là Ma Đa Vi.

Hoàng hậu mất, vua A Dục lấy một người vợ kiêu căng và độc ác tên là Xích Di. Sau khi nàng sanh được một con, nàng ước ao nó sẽ được nối ngôi thay chân Câu Na La, và tuy không để lộ ra một cử chỉ gì, lòng nàng rất ghét người con ghê.

Nhân khi vua mắc bệnh nặng, các thầy thuốc đành bó tay, nàng Xích Di tìm cách

chữa khỏi, vua tỏ ý muốn tạ ơn nàng, nàng xin vua cho con nàng được nối ngôi. Thật éo le cho vua A Dục. Ngài rất làm buồn rầu vì không thể chiều lòng ân nhân, và Ngài nhắc lại lời hứa với chánh hậu lúc lâm chung là chỉ truyền ngôi cho Thái tử Câu Na La mà thôi. Ngài nói: "Ta có thể bỏ ngôi báu chứ không thể phụ lời hứa được".

Thấy chuyện không lành, Xích Di xin vua cầm quyền chánh một ngày mà nàng sẽ định sau. Vua nghe lời, và nàng định nhân dịp ấy mà làm những việc ghê gớm.

Trong nước có một thành gọi là Đắc Xô Thi La nổi lên chống lại các quan cai trị của nhà vua. Chính hoàng hậu Xích Di cũng dính vào việc ấy. Thật thế, trước hết nàng cho các quan tiền rồi bảo lấy thuế dân thành ấy thật nặng, sau xúi dân nổi lên làm loạn. Hoàng hậu xúi dân nên yêu cầu vua cho Thái tử Câu Na La ra cai trị thành ấy, lấy cớ rằng chỉ có Thái tử là công bình mới dẹp loạn được. Sáng hôm sau các đại biểu thành Đắc Xô Thi La đến để yêu cầu việc ấy, Xích Di tâu vua cho được tự tiện dùng ấn của Ngài, là cái ấn dùng để niêm phong những sứ mệnh gởi đi. Thế tức là nàng nắm được quyền hành trong ngày ấy.

Rồi các đại biểu, Hoàng hậu tán thành lời yêu cầu của họ, tâu vua rằng chỉ có Hoàng tử được dân khâm

phục và vì thế đưa dân đến chỗ bình an mà không có cuộc bạo động gì. Vua nghe lấy làm bối rối, vì Ngài nghi Hoàng hậu có manh tâm.

Có gì nguy hiểm bằng sai Thái tử đến một thành phiến loạn.

Thấy vua lo âu, Hoàng hậu giả vờ đau đớn nói rằng: "Nếu nhà vua còn nghi ngờ lòng thiếp thì từ nay thiếp không nói gì nữa." Rồi nàng giả bộ giận dữ trả ấn lại cho vua, vì nàng biết thế nào vua cũng không nỡ thu. Thật thế, vua A Dục trọng lời hứa không dám lấy ấn lại. Thái tử cũng một mực xin đi, Ngài phải bằng lòng. Nhưng muốn chắc chắn Ngài định cho một đội quân đi hộ thân Hoàng tử. Hoàng tử từ chối việc ấy, vì ngài nghĩ muốn tránh sự đổ máu, phải hành động rất mau: Nếu đi với đạo quân thì mất nhiều thì giờ. Ngài lại nói rằng: "Nào phải thấy gươm giáo như rừng, nghe tiếng ngựa hí, voi gầm, tiếng xe, tiếng trống, tiếng kèn, mà yên nhân tâm được đâu."

Vua không nói gì nữa. Thái tử từ giả Ngài, từ giả nàng Ma Đa Vi rồi một mình cỡi ngựa Ma Đăng La phi đi mau như gió. Chàng có ngựa đầu sau lưng chàng có người kỵ mã phóng nước đại. Đó là người rất trung thành với Hoàng hậu, đương mang trong mình một sứ mạng có niêm ấn vua kỹ lưỡng.

Thái tử cưỡi bạch mã đi mau như bay. Hai bên đường làng mạc núi đồi đồng lúa rừng xanh như thụt lui lại.

Nhưng cái tên chàng còn đến nhanh hơn, vì nhân gian mong ngài đến lắm. Họ sửa soạn tiếp chàng. Kê thì rắc hoa xuống đường, kê thì hái quả đến hiến, đầu đầu cũng dậy tiếng hoan hô. Nhân dân xin Thái tử tha tội vì dân chúng không dám nổi lên chống vua, mà chỉ vì bọn tham quan ô lại. Nghe tiếng kêu van, Ngài lấy làm thương hại tha lỗi mà đi vào thành giữa tiếng nhạc vang lừng. Thái tử đặt lại thuế má chọn người công bình ra trị dân; dân lấy làm mừng rỡ và phái đại biểu về tâu vua tở bụng trung thành, và ca tụng Thái tử đã đưa lại sự yên ổn.

Thành Đắc Xô Thi La đang vui vẻ thì bỗng nhiều người cưỡi ngựa theo Thái tử vừa đến, và giao cho công chức trong thành một cái dụ. Mở ra xem ai nấy sững sờ hãi vì đạo dụ ra lệnh: "Phải móc mắt Thái tử Câu Na La kẻ thù lợi hại của nhà vua và là kẻ làm nhơ nhuốc nòi giống." Đạo dụ lại nói rằng khi đã làm hình phạt ấy rồi, không được người dân nào cứu giúp Thái tử và cấm không được nói đến tên Ngài nữa.

Các viên chức không dám cho Thái tử biết đạo dụ vô nhân đạo ấy. Sau một đêm lo ngại, họ nói với nhau rằng: "Nếu ta không tuân lệnh sẽ bị nhiều nguy hiểm. Đến Hoàng tử là người tốt đối với tất cả thiên hạ mà nhà vua còn bắt tội nữa là chúng ta."

Ngày mai họ dâng đạo dụ lên cho Hoàng tử. Đọc xong Ngài nói: "Đây chính là lệnh của nhà vua, vì có niềm ẩn rõ ràng, các người cứ thi hành theo lệnh ấy."

Ngài cũng biết rằng vua cha chẳng bao giờ có ra lệnh hành hình con, đó là chỉ do Hoàng hậu, nhưng đã có niềm ẩn thì phải tuân theo.

Dân gian được tin sẽ thi hành mệnh lệnh tại một khoảng đất giữa thành phố. Đến giờ đạo phủ được lệnh

móc mắt Thái tử, nhưng bọn này chỉ chấp tay cung kính xin chịu: "Chúng tôi không ai đủ can đảm làm việc ấy."

Thái tử tháo chuỗi ngọc mang trên đầu đưa cho đạo phủ nói rằng: "Đây là tiền thưởng cho các người để làm tròn phận sự." Chúng vẫn một mực từ chối. Sau cùng có một người hình thù quái gở, đến xin thay chân đạo phủ. Nhưng anh này cũng không có gan dùng tay móc mắt. Anh ta đốt một đồng lửa lớn nung một thanh sắt đỏ rồi lại gài Thái tử. Thái tử ngồi tự nhiên để đốt cặp mắt. Cảnh tượng bấy giờ thật là đau đớn đến nỗi hằng nghìn người chung quanh đều khóc vang lên.

Hành hình xong, Thái tử một tay chống lên người kia, một tay ra hiệu bảo mọi người chung quanh yên lặng. Thái tử khuyên phải xa Ngài ra không được cứu giúp Ngài và kêu tên Ngài, y như trong đạo lệnh. Họ cúi đầu vừa đi vừa khóc, trong lúc ấy Thái tử nằm phục xuống đất. Nghe tiếng dội nóng, Ngài lê

đến một chỗ có bóng mát để nghỉ.

Lâu lắm, chung quanh Ngài yên tĩnh không một tiếng động, bỗng Ngài nghe tiếng chân ngựa dậm gần đến rồi có tiếng kêu thảm thiết.

Nhận ra con ngựa Mãng Đa La, Ngài nói: "Còn con nữa, con cũng nên bỏ thầy con."

Con ngựa quanh quẩn vài lần rồi đi xa, ra khỏi thành phố, một mình lúi thủi trở lại con đường mà nó đã vui vẻ đưa Thái tử đi.

Mặt trời lặn. Một vài người động lòng muốn giúp Ngài. Song đã có lệnh cấm, họ đành đứng xa nhìn nhau lắc đầu. Sau mãi một bà lão nghèo đi lại gần Ngài lấy nước rửa chỗ đau và lấy cỏ băng lại; bà đỡ Ngài dậy, diu ra khỏi cổng làng rồi đành thở dài trở về.

Trong lúc Thái tử đang đau đớn, thì đại biểu thành Đắc Xô Thi La được vua tiếp đãi ân cần. Thấy nói Thái tử được tung hô tôn trọng, lòng nàng Ma Đa Vi cũng bớt lo

NGƯỜI ĐÀU

*Nỗi riêng như chiêm bao
Niềm riêng dài vô hạn
Mắt buồn ngày xuân mới
Người đau, bật âm hao.*

VĨNH HẢO

(Nhớ Mẹ hiền...)





sợ, vì nghe chồng nàng phải đi dẹp loạn nàng vẫn áy náy không yên.

Mấy ngày sau, sốt ruột nàng đi đến chỗ nàng từ biệt chồng; qua ngày thứ ba, nàng bỗng thấy con ngựa Ma Đa La trở về một mình. Một tư tưởng ghê gớm thoáng qua óc nàng; rồi như cây gỗ bị đốn gốc, nàng ngã xuống bất tỉnh.

Tỉnh dậy nàng nghĩ rằng có lẽ chồng nàng đã bị dân nổi loạn giết chết. "Sao ta lại không tin chồng ta còn sống? Nếu chưa được tin chắc chắn, sao ta không đi tìm chồng!" Nghĩ vậy nàng không để mất một phút, trở về cung, trút bỏ đồ trang sức, ăn bận như người thường dân rồi trốn đi tìm chồng nàng không dám cho vua biết, sợ vua vì thương mà cầm lại chẳng.

Nàng lủi thủi đi về phía thành Đắc Xô Thi La, ruột đau như cắt, dọc đường gặp ai nàng cũng hỏi có gặp Thái tử không? Đi ngày này sang ngày khác chẳng được tin gì cả.

Một buổi sáng vừa ra khỏi chỗ trú đêm, nàng liền gặp một người nông phu đang gieo mạ. Người ấy nói lúc rạng đông, nhân đi qua đám rừng nhỏ thấy một người trẻ tuổi mù mặc áo ra

dáng ông hoàng; người nông phu liền cho người ấy mấy quả cây hái trong rừng và một chén nước lã.

Nàng Ma Đa Vi liền đến chỗ ấy thì nàng thấy Câu Na La một mình ngồi trên đá. Nhưng đau đớn thay, cặp nhỡn tuyến của chàng đã tắt hẳn. Nàng khóc nức lên và quì trước chàng nghẹn ngào, cầm lấy tay chàng hôn. Nghe nước mắt nhỏ xuống tay, Thái tử cảm động, đoán là nàng Ma Đa Vi. Nhưng chàng chưa dám tin. Đến khi nghe rõ tiếng nàng thì không còn nghi ngờ gì nữa. Chàng bảo nàng ngồi xuống; trong lúc đang đau khổ ấy, được gặp người thân yêu, nỗi vui mừng khôn xiết.

Thái tử thuật lại cho vợ nghe những chuyện xảy ra. Rồi nàng đỡ chàng đứng dậy đưa chàng cùng về ra mắt vua cha.

Về phần vua A Dục từ khi được tin con ngựa Ma Đa La về một mình và nàng Ma Đa Vi đi trốn, Ngài rất lo ngại; tức khắc sai sứ về thành Đắc Xô Thi La để hỏi tin Thái tử và tìm nàng Ma Đa Vi. Nhân dân trong thành, thấy vua lo ngại cho Thái tử liền hiểu họ bị cái dụ đầu tiên lừa. Sợ bị nghiêm trị, họ bèn tìm cách lừa sứ giả rằng Thái

tử đã một mình về triều. Dân chung quanh không dám hé răng, vì chúng biết rằng nói sẽ bị trừng phạt. Sứ giả nghi dân đã giết Thái tử nhưng không có chứng cứ gì đành trở về.

Trong khi ấy hai vợ chồng Thái tử cùng dắt nhau về kinh. Bấy giờ Thái tử đã trút bỏ bộ quần áo ông hoàng mà khoác đồ rách rưới vì trong cảnh ấy đồ trang sức chỉ làm thêm đau lòng. Đi qua làng hai vợ chồng cất tiếng hát trong trẻo dịu dàng, dân làng động lòng đưa cho đồ để ăn uống.

Một ngày kia hai người đến cung điện nhà vua. Lính canh cửa thấy người lam lũ nên không cho vào. Nhưng thấy cảnh thương hại áo rách bùn lầy bụi bặm nên cho vào trú trong chỗ chứa xe. Mỗi một hai người ngủ thiếp. Ngày mai vua A Dục đương buồn rầu nghĩ đến con thì ngài giật mình vì nghe tiếng hát quen tai; đó là tiếng hát của Thái tử ở trong nhà chứa xe. Vua nhận ra là tiếng con, nhưng còn sợ lắm. Ngài sai ra hỏi xem ai hát. Cận thần tâu rằng: đó là tiếng hát của người ăn mày mù, đi với một người vợ. Vua liền sai

dẫn cặp vợ chồng kia đến sân rồng. Thoạt đầu thấy người ăn mặc rách rưới vua còn nghi ngờ chưa dám nhận là con nhưng hộ mặt hiền từ phúc hậu kia thật là của Thái tử, còn làm sao được. Hơn nữa dầu nàng Ma Đa Vi áo quần thô kệch cũng còn dễ nhận. Vua đưa mắt nhìn dâu, nhìn con rồi ôm choàng cả hai mà khóc nức nở.

Một hồi lâu vua mới định thần lại, hỏi vì sao Thái tử mắc nạn. Khi hiểu nguyên do, vua nổi giận, hỏi rằng: “Đứa nào dám dùng ấn của trẫm để làm việc tà trời kia?” Thái tử ngồi im, vì chàng không muốn nói vì sợ Hoàng hậu bị nghiêm phạt, hỏi mãi, nàng Ma Đa Vi mới nhắc lại cho vua hay rằng Hoàng hậu Xích Di có được phép dùng riêng ấn vua trong một ngày. Đã nhiều lần vua nghi Hoàng hậu có bụng ác với Thái tử. Vì Ngài nghĩ rằng, Hoàng hậu muốn con được nối ngôi tức là muốn trừ Hoàng tử Câu Na La; tuy nghi vậy Ngài vẫn không dám tin. Nhưng bây giờ sự đã rõ ràng, Ngài liền truyền lệnh vời Hoàng hậu đến.

Về phần Hoàng hậu, từ khi thi hành được thủ đoạn, mất ăn mất ngủ; hễ chợp mắt là thấy hiện ra cảnh mặt Thái tử bị hành hình. Thế rồi vừa tỉnh dậy vừa la. Nàng lo rằng tội nàng sẽ có ngày tiết lộ. Nàng tưởng tượng rằng từ vua chỉ dân, lính tráng, quan

lại ai cũng nhìn thấu rõ tâm can mình, khiến nàng càng thêm khắc khoải lo sợ.

Khi có lệnh đòi, nàng đoán biết là việc bại lộ, lúc thấy các tội ác của mình, nàng hối hận nhưng không nói ra tiếng nữa chỉ cúi gằm mặt xuống, đợi lời tuyên án. Thái độ ấy rõ ràng hơn lời thú tội.

Vua A Dục nổi giận mắng lớn và truyền rằng trước khi đưa Hoàng hậu ra chém còn bắt chịu nhiều cực hình đau khổ đã. Thái tử tâu xin vua mở lượng từ bi giảm tội cho nàng. Nhưng vua vẫn không nghe. Thái tử bèn quỳ xuống nói rằng: “Tâu lay phụ vương, nào phải một mình Hoàng hậu phạm tội đâu! Đó chỉ là kiếp trước con làm nhiều tội ác, nên nay bị nghiệp báo thôi. Đã từ lâu con cố nhớ xem lại kiếp trước con đã tạo nên tội ác gì nhưng mãi đến tối hôm qua, con mới nhớ rõ...”

Vua ngắt lời: “Như con thì có tội gì, con là người tốt nhất trên đời!” Thái tử cảm động đáp: “Một người hiền lương chưa hẳn là vô tội. Vì nếu kiếp này ăn ở hiền lành, nhưng kiếp trước bạc ác thì cứ phải chịu quả báo. Tâu phụ vương, thuở xưa, có một người đi săn, một hôm thấy năm chục con dê rừng trong núi, liền tung lưới bắt hết. Anh ta nghĩ rằng nếu giết hết thì tiêu thụ làm sao cho hết, chỉ bằng ta móc

mắt chúng đi, chúng không trốn được, ta sẽ lần lượt đưa từng con tới tinh mà bán. Nghĩ thế anh ta không ngần ngại liền dùng tay móc mắt chúng đi rồi thả vào hang núi để bán dần. Người đi săn ấy là tiền kiếp của con. Người đi săn ấy đã làm đau khổ năm mươi chúng sanh, ngày nay là ngày cuối cùng người ấy trả nợ vậy.”

Vua nghe lấy làm cảm động, nhưng còn phân vân chưa tin thì Thái tử ngồi ngay ngắn lại, chấp tay trước ngực mà nói rằng: “Nếu lời tôi nói đúng sự thật thì xin Phật chứng minh cho và mắt tôi sáng lại.”

Lời nói vừa dứt, mắt Thái tử bỗng sáng như thường, vua A Dục và nàng Ma Đa Vi xiết bao vui mừng.

Vua dẹp giận ra lệnh ân xá cho nàng Xích Di, chỉ buộc nàng phải tìm chỗ yên để sám hối tội lỗi. Vua từ đó ngôi báu vững vàng, còn Thái tử được chính thức phong Đông cung để nối ngôi sau và nàng Ma Đa Vi sẽ là Hoàng hậu.

Thái tử Câu Na La là tiền thân Phật Thích Ca vậy.

(Trích: Phật Pháp)

Tạo một nghiệp nhân gì, dù lâu đến trăm ngàn kiếp cũng không mất, hễ đủ nhân duyên rồi, thì mình phải chịu quả báo.



Ngõ thoát

(tức **Phương Trời Cao Rộng 3**)

Truyện dài của **VĨNH HẢO**



VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

CHƯƠNG BỐN

(tiếp theo)

Thầy Tịch Quang đóng cửa nhập thất ngay từ khi cộng sản mới chiếm miền Nam. Ngài đóng cửa để không tiếp xúc với chính quyền mới, giới hạn những người khách đến thăm, chứ không phải tuyệt đối không tiếp khách. Tôi có cái diễm phúc là lúc nào đến cũng được thầy mở cửa cho vào. Thực ra, tôi chẳng là thứ gì quan trọng cả. Chẳng qua, thầy cũng như nhiều vị cao tăng khác của Phật giáo, đã biết tôi qua trung gian mẹ tôi, một nhà thơ Phật giáo nổi tiếng, thường có những bài thơ đạo đăng trên các báo Phật giáo từ những năm trước 1945 tại Huế. Năm đầu tiên vào Sài Gòn, tôi có đến lạy thầy để xin tìm cách giúp để tôi một chỗ yên ổn mà tu học. Thầy hứa sẽ giới thiệu một chùa. Nhưng vì không đủ giấy tờ hợp lệ, tôi phải sống lẩn tránh chính quyền, phải thay đổi chỗ ở liên tục, khiến thầy chẳng biết đâu mà gặp hay nhắn tôi đến.

Có hai ngả đi đến phòng

thầy. Tôi chọn lối đi kín bên trong. Gõ cửa ba tiếng. Từ trong, thầy cất giọng hỏi:

“Khang đó phải không?”

“Dạ, con đây, bạch thầy.”

Thầy mở cửa, tôi lách vào. Cửa đóng lại ngay. Tôi lạy, thầy ngăn, bảo tôi ngồi xuống ở cái ghế thấp còn thầy thì nằm ở cái ghế gỗ.

“Bạch thầy, sao thầy biết con đến?”

“Ừ thì nghe tiếng gõ cửa tự dung biết. Mỗi người có một cách gõ cửa khác nhau. Tiếng nặng, tiếng nhẹ, tiếng thưa, tiếng nhặt. Giống như giọng nói chứ khác chi. Sao con ăn bận như ri, lại để tóc nữa? Lâu nay con đi mô, ở mô?”

“Dạ... con phải cải trang như vậy để đi vượt biên. Nếu mang hình thức tu sĩ mà đi vượt biên thì bị bắt giam lâu lắm, chẳng biết lúc nào mới thả. Con đã đi nhiều lần nhưng không được. Bây giờ con chán ngán chuyện ấy lắm rồi, muốn ở yên một chùa nào đó để tu học, xin thầy giúp con.”

“Hôm trước thầy có tìm được chỗ tương đối yên ổn

cho con, nhưng chẳng biết con đi đâu mà gọi. Nay, muốn hỏi lại chỗ đó thì phải chờ thầy liên lạc lại. Con có gấp không? Mà thôi, để thầy gọi con chỗ nì. Con biết chùa Già Lam chứ hì?”

“Dạ... biết.”

Tôi nghe nói chùa Già Lam thì e ngại trở lại gặp Hòa thượng Trí Thủ lần nữa, nhưng thầy dạy sao thì nghe vậy, đâu dám cãi. Huống chi, tôi đâu có lý do nào chính đáng để từ chối. Tôi im lặng. Thầy lấy giấy viết một lá thư ngắn.

“Con đến chùa Già Lam, lạy thầy Trí Thủ, đưa thư nì, rồi ở bên nớ mà tu học.”

Tôi cầm thư định đi ra thì thầy gọi lại.

“Khang, thôi đưa thư lại cho thầy. Con cầm thư đi như ri không tốt. Con hiểu không? Thầy không muốn có thư từ chi của thầy mang ra ngoài, đi trên đường... Chẳng hạn chi cho thầy, nhưng bất lợi cho con. Thôi, để thầy điện thoại trực tiếp đến chùa Già Lam. Đi, theo thầy xuống văn phòng thầy nói chuyện với thầy Trí Thủ một chút.”

Tôi theo thầy xuống văn phòng trụ sở trung ương của

giáo hội. Thầy gọi điện thoại đến chùa Già Lam, tôi đứng chờ.

"À, thầy đó hả, khoẻ không? Tôi có thằng điệu muốn gọi tới thầy, được không? Hắn chừng hai mươi, hai một tuổi... Hắn tu lâu rồi... Lâu nay hắn chạy lung tung... thôi không tiện nói mô. Tôi bảo hắn đến thầy hí? À, thứ năm sắp tới? Họp ban chỉ đạo à? Rửa cũng được. Tôi giao hắn cho thầy lúc nào luôn hí?... Được rồi, thôi hí," thầy quay qua tôi, "thầy xin cho con được rồi. Thứ năm ni con đến đây, thầy gọi con cho thầy Trí Thủ, rồi con theo thầy ấy về bên chùa Già Lam. Nếu bên đó có chương trình gì cho con học được thì học, còn không thì đạp xe đến đây, thầy dạy kèm cho con."

Hai ngày sau, tôi lại đến chùa Ân Quang. Tôi chẳng hiểu sao lúc ấy tăng ni thành phố kéo đến rất đông, bu quanh ở văn phòng Viện Hóa Đạo tại chùa Ân Quang. Tôi ngồi nơi phòng thầy Tịch Quang. Thầy dạy:

"Hôm nay Viện Hóa Đạo họp về chuyện thống nhất Giáo hội toàn quốc rồi cũng bàn luôn chuyện tổ chức lễ cúng kỵ cho thầy Thiện Minh bị chết trong tù. Chuyện ni tế nhị lắm, thầy không đồng ý, nhưng chưa biết góp ý ra rằng. Thầy Thiện Minh đi rồi thì thầy Trí Thủ đâu có ai cố vấn, không làm rằng mà từ chối được chuyện vận động thống nhất giáo hội do nhà nước hướng dẫn... Chao ôi, thống nhất giáo hội thì quý hóa quá, nhưng không phải thống nhất theo kiểu ni... Mà này, con qua chùa Già Lam thì lo ở yên mà tu học, đừng để ý chi ba cái chuyện đó, nghe không. Con chỉ biết lo việc học tu thôi. Còn chuyện quý thầy lớn làm, mỗi người mỗi cách, ai cũng có lập trường, quan điểm và nỗi khổ riêng... Con xuống văn phòng xem thử thầy Trí Thủ đã đến chưa, đến rồi thì lên

nói thầy biết để thầy đem con vào giới thiệu trước khi buổi họp bắt đầu. Con biết mặt thầy Trí Thủ chứ hí? Không biết thì cứ hỏi mấy thầy dưới đó."

Tôi rời phòng riêng của thầy Tịch Quang để xuống dưới. Vây quanh văn phòng trụ sở của giáo hội, đông nghịt những thầy tu trẻ. Tôi phải khó khăn lắm mới xin chen vào được gần cửa sổ để nhìn vào trong. Thấy có mặt Hòa thượng Trí Thủ rồi, tôi vội trở lên phòng thầy Tịch Quang. Thầy nghe tôi thưa, liền mặc áo nhật bình lam vào, bảo tôi theo thầy xuống văn phòng. Tầng ni thấy thầy bước về hướng văn phòng thì vái chào rồi dạt ra hai bên để nhường lối. Nhưng cái lối đó khép lại rất nhanh sau lưng thầy, khiến tôi không làm sao bước theo được, đành đứng lại bên ngoài.

Tôi nghe tăng ni xầm xì bàn tán về việc xuất hiện đột ngột của thầy Tịch Quang:

"Thầy Tịch Quang hôm nay phá lệ hay sao mà cũng xuống họp Viện Hóa Đạo? Có lẽ từ nay thầy không đóng cửa nhập thất nữa."

"Lâu nay thầy ấy đâu

có nằm giữ bất cứ một chức vụ nào trong giáo hội đâu mà xuống họp?"

"Ừ thì giáo hội lâm nguy rồi, thầy phải có mặt chứ!"

Lời bàn tán chưa ngưng đã thấy một thầy từ văn phòng bước ra, đứng nơi cửa gọi lớn:

"Chú Khang đâu, chú nào đi theo Thượng toạ Tịch Quang đâu, vào trong mau lên."

Tôi nghe vậy thì xin phép tăng ni, chen đến cửa. Vị thầy kia thấy tôi mang hình thức thế tục liền hỏi lại:

"Là chú đó à? Sao Thượng toạ Tịch Quang nói là một chú tiểu mà?"

"Dạ, con đây. Con đi theo thầy Tịch Quang."

"Vậy thì vào mau đi, quý thầy chờ ở trong."

Bên trong, Ban Chỉ Đạo Viện Hóa Đạo đang ngồi đàm đạo trước buổi họp. Thầy Tịch Quang xoay qua chỉ tôi, nói với Hòa thượng Trí Thủ:

"Tôi gọi thầy thẳng điệu ni. Lạy Ôn đi con. Ôn nhận con về chùa Già Lam rồi đó."

Hòa thượng Trí Thủ ngó tôi, ngạc nhiên:

"Ừa, thẳng điệu ni à? Tưởng ai xa lạ chứ hắn thì tôi biết mà. Hắn ở Hải Đức Nha Trang chứ mô!"



Chùa Ân Quang, quận 10, Sài-gòn

"Rứa à, thầy biết hẳn càng tốt, tôi khỏi phải giới thiệu chỉ dài dòng. Thôi hí, tôi giao hẳn cho thầy. Tui lên à," thầy Tịch Quang vừa nói, vừa dợm đứng dậy.

"Khoan cái đã, hôm nay tôi còn bận lắm. Hay thầy cứ giữ hẳn cho đến thứ sáu tuần sau, đúng ngày vía Quan Âm, cũng là ngày sinh nhật tôi, và là ngày kỵ thầy Thiên Minh tổ chức tại chùa Già Lam, thầy đến thì mang hẳn theo luôn, được không?"

"Thôi thì để hẳn lên thẳng thầy luôn, tôi đâu có giữ hẳn ở Ân Quang được."

Thứ sáu tuần sau, lễ lớn tổ chức tại chùa Già Lam. Với ba cái lễ đồn chung lại một ngày như thế, tôi đoán biết là tăng ni và Phật tử sẽ qui tụ rất đông đảo. Tôi không muốn đến vào ngày đó. Tôi muốn đến vào ngày kế tiếp, sau lễ.

Những ngày chờ đợi đến chùa Già Lam, tôi tiếp tục tá túc tại xưởng làm nước tương của Thiện, một người bạn học cũ của tôi ở Phật học viện Quảng Nam. Thiện đã hoàn tục sau một thời gian làm Đông y sỹ châm cứu, đổi qua kinh doanh, mở hãng nước tương. Tại đây, lúc đó còn có chú Hòa, chú Sâm, cũng là hai bạn học cùng lớp của tôi và Thiện. Tôi muốn đến chùa Già Lam bằng hình thức tu sĩ cho tiện, nên lo cạo tóc trước để mặc đờ tu trở lại. Ở xưởng nước tương không có dao cạo tóc. Tôi nói với các bạn:

"Thôi, để tôi ra tiệm hớt tóc nói thợ lấy tông-đơ ủi sạch là xong."

Thiện nói:

"Í, Khang cạo đầu tu lại thì phải để cho mấy thầy cạo tóc giùm mới tốt chứ! Ai lại ra tiệm hớt tóc?"

"Tôi có bỏ tu hồi nào đâu mà nói là tu lại? Tôi có xả giới hay hoàn tục gì đâu! Tôi chỉ cài trang để đi vượt biên, bây giờ không đi vượt biên nữa thì cạo tóc, có gì quan trọng đâu mà phải chờ đến

mấy thầy cạo giùm?"

Vậy là tôi cùng Sâm thả bộ ra tiệm hớt tóc. Sâm hỏi trước ở Phật học viện Quảng Nam là chú tiểu nổi tiếng trong câu chuyện tình với cô gái Thiên Chúa giáo nơi quán bánh mì bà Đạo. Cộng sản chiếm miền Nam, Sâm hoàn tục, lo làm ăn sinh sống nuôi mẹ già. Rồi vì nằm trong tuổi quân dịch, chú bị nhà nước gọi đi bộ đội. Không muốn cầm súng, chú trốn vào Sài Gòn, đến ở tạm với Thiện và gặp tôi với chú Hòa ở đó. Nhờ chính quyền địa phương dễ dãi với ông chủ xưởng có bọn tiền, chúng tôi cùng ở chung với Thiện gần một năm trời mà không bị công an kiểm tra hay để ý đến. Nghe tôi cạo tóc trở lại chùa, Sâm mừng cho tôi nhưng cũng buồn vì không có bạn tâm đắc mỗi ngày để nói chuyện vui vẻ sau những giờ làm việc mệt nhọc nơi xưởng nước tương. Trong thời gian sống chung nơi xưởng nước tương ấy, Sâm chỉ chơi thân với tôi, Đáng ra chú Hòa và Sâm để gần gũi nhau hơn vì đã chơi thân từ nhỏ, nhưng Sâm đã hoàn tục còn chú Hòa thì vẫn còn giữ hình thức tu sĩ, vì vậy mà có chút khoảng cách. Còn Thiện thì tuy đã hoàn tục, và tuy chung lớp với chúng tôi những năm trước, nhưng tuổi tác lớn hơn, lại bận bịu chuyện làm ăn, chuyện tình cảm đôi lứa. Nên cuối cùng, ở xưởng nước tương, Sâm chỉ chơi thân được với tôi. Sâm rủ tôi ghé vào quán cà phê, nói rằng người ta chia tay nhau lấy rượu mà tiền, bọn mình xưa nay ăn chay cũ rượu, thôi thì vào uống với nhau ly cà phê rồi mai Khang lên đường trở lại chùa. Trong quán cà phê, tôi hỏi Sâm có muốn trở lại chùa không. Sâm chỉ chúc may cho tôi. Sâm ứa nước mắt.

Ở tiệm hớt tóc, anh thợ trẻ hỏi tôi:

"Anh muốn hớt sao đây?"

Chà, tóc mềm mà nhiều sợi quá hả, lại quần nữa, tóc này để dài hip-pi, chải ra phía sau mới đẹp. Nhưng mà thanh niên để tóc dài thì bị mấy ông công an với tụi du kích chặn lại ngoài đường, cạo trọc cho thì cũng phiền!"

Tôi cười nói:

"Ồi dào, cạo trọc cũng được chứ phiền gì đâu. Cạo trọc cho tôi đi."

Anh thợ cười ha hả:

"Cái gì? Cạo trọc? Giỡn sao cha! Hớt sao đây, nói thiệt để tôi hớt."

"Cạo trọc giùm đi," tôi nói.

Sâm đứng cạnh người ngặt nghẽo, phụ họa:

"Cạo trọc đi anh thợ ơi, anh ấy nói thiệt đó. Anh nổi hứng rồi, muốn cạo trọc thôi, để tóc mất công sinh chí rận!"

Anh thợ hỏi lại một lần cho chắc, thấy tôi nghiêm giọng nhắc lại một ý y hệt, anh mới dám đưa tông-đơ lên, ủi những sợi tóc vương mùi trần tục của gần hai năm lẫn lóc tìm đường xuất dương của tôi.

Sáng sớm hôm sau, tôi khoác áo nhật bình, đón xe xích lô máy đến chùa Già Lam. Đường khá xa. Và có lẽ vì thầy Tịch Quang đã gởi gắm tôi như gửi gắm một chú tiểu, nên Hòa thượng Trí Thủ cũng xem tôi như chú tiểu mà thôi.

Được trở lại với chùa, lại được tham gia khóa cao đẳng Phật học dưới sự đảm trách của nhiều giáo sư đại học nổi tiếng, tôi hứng thú say mê học thêm các môn ngoại ngữ, đọc sách, viết, quên hết những gì xảy ra chung quanh ngoài xã hội. Nội qui của viện lúc ấy cũng khá gắt gao. Tăng sinh viên chúng tôi suốt ngày chỉ ở trong chùa viện để chăm lo bài vở và tụng niệm, tham thiền; cuối tuần mới được cho phép ra ngoài với sự chấp nhận của vị quản

chúng. Nhưng tôi chẳng muốn bước ra khỏi cửa chùa. Tôi không biết đi đâu và cũng chẳng cần phải gặp gỡ bất cứ người nào ngoài khuôn viên chùa, ngoại trừ đôi lúc phải đến chùa Ấn Quang để thăm thầy Tịch Quang. Từ ngày rời Nha Trang rồi bị thầy bốn sư đuổi, dù không chính thức nói ra, tôi cũng đã bái thầy Tịch Quang như là vị thầy hướng đạo cho việc tu học của tôi. Thịnh thoảng tôi phải đến thăm thầy để nghe lời chỉ dạy. Thường thì thầy tiếp tôi đầu khoảng một tiếng đồng hồ; thầy nói, tôi ngồi nghe, rồi không chờ tôi có ý kiến gì, thầy tự nói:

"Thôi con về, hôm nay nói chuyện với con như vậy đủ rồi. Thầy có việc phải làm. Khi mô rảnh con trở lại thầy nói chuyện tiếp."

Chùa Già Lam chỉ dài thọt nơi ăn chốn ở cho tăng sinh viên chúng tôi, ngoài ra, tiền tiêu riêng đều phải tự túc. Hầu hết các thầy cùng lớp tôi đều có sự tài trợ của vị thầy bốn sư, của gia đình, hoặc phật-tử quen biết. Tôi đã xa quê hương Nha Trang, lại bị thầy bốn sư đuổi, nên quanh năm suốt tháng, chẳng có một món tiền nhỏ nào. Cũng may là tôi không có nhiều nhu cầu. Lâu lâu ở chùa có lễ trai tăng do Phật tử phát tâm thiết cúng, tôi có được chút tiền nhỏ để dành mua thêm sách đọc. Một số thầy cùng quê Nha Trang có biết tôi, thỉnh thoảng cũng chia sẻ cho tôi một ít quà, tiền hoặc những món ăn nhỏ dặm thêm vào cái bao tử trống để có thể thức đêm học bài.

Vậy rồi một năm học cũng trôi qua.

Chúng tôi phải trải qua kỳ thi cuối năm học thứ nhất, nhằm vào dịp tháng bảy Vu Lan. Kỳ thi này khá quan trọng vì theo thông báo bằng miệng của ban giám học, tăng sinh viên nội trú chúng tôi, người nào bị rớt không những sẽ không được dự học chính thức mà còn phải rời

khỏi chùa Già Lam để nhường chỗ cho những tăng sinh viên chính thức đang còn ở tạm các chùa bên ngoài. Điều an ủi cho những tăng sinh viên thi rớt là họ vẫn có thể đến học dự thính mỗi ngày.

Kỳ thi kéo dài gần một tuần lễ. Tình cờ, mẹ tôi từ Nha Trang vào thăm tôi đúng vào dịp thi này. Đang ngồi làm bài cho môn thi cuối cùng, tôi nhắc thầy đáng mẹ đi ngang cửa sổ. Tôi làm vội bài thi xong, ra gặp bà. Mẹ tôi hỏi:

"Nghe nói chú đang thi mà, sao không làm bài cho xong rồi hãy ra?"

"Làm xong rồi. Mẹ mới vào hử?"

Mẹ nhìn tôi sung sướng. Hai năm rồi, biết tôi vất vả tìm đường vượt biển phải cải trang làm người thế tục, bà buồn lo lắm. Nay thấy tôi đã trở lại với chùa mà còn được học nữa, bà vui vô cùng. Mẹ con tôi đang ngồi nói chuyện đâu được một lúc thì đến giờ làm lễ Vu Lan. Tôi phải chia tay mẹ, trở về phòng mặc y áo. Khi tôi bước ra khỏi phòng, bỗng thấy bốn thiếu nữ từ đâu dưới phòng khách bước đến, chặn tôi lại bằng cách vây bước đi được, phải đứng dựa vào tường. Các cô đòi cài hoa trên ngực áo tôi theo tục cài bông hồng vào lễ Vu Lan để tưởng nhớ đến mẹ. Các cô cười đùa hồn nhiên nhí nhảnh. Một cô nói:

"Phúc, bây giờ đến phiên mày rồi đó. Mày cài cho chú Khang đi."

Cô gái tên Phúc e lệ một chút rồi cũng tiến tới, cài bông hồng cho tôi. Tôi đứng thẳng đuột, ngưng ngưng chờ đợi cái tục cài hoa. Xong, tôi nói lời cảm ơn rồi vội vã lên chính điện làm lễ. Đúng ra, việc cài bông hồng không diễn ra theo cách đó mà được tiến hành ngay trên điện Phật, sau khóa lễ Vu Lan. Chẳng hiểu sao các

thiếu nữ này lại tự động đến cài hoa cho tôi ngay trước cửa phòng như vậy.

Sau khóa lễ, tôi thay áo y rồi lại xuống phòng khách tìm mẹ. Bà ngập ngừng một lúc rồi nói:

"Mấy cô nào hồi trưa đến đùa giỡn với chú vậy? Mẹ thấy cách các cô ấy nói chuyện, cười giỡn, không được bình thường."

"Ồi chao, con có quen biết gì mấy cô ấy đâu. Các cô thường đi chùa, quen với mấy thầy ở đây. Hôm nay lễ, các cô đi cài bông hồng cho quý thầy cho vui vậy mà, chứ trên đây lâu con ở, ngày thường đâu có khách tục nào được phép bước lên."

"Không đơn giản như vậy đâu. Trước đám đông, có mẹ ngồi dưới nhìn lên mà các cô còn làm vậy, thử hỏi khi không có ai thì các cô còn lộng hành đến mức nào. Mẹ chỉ nhắc chú để phòng ngừa vậy thôi. Có lẽ tại chú hiền quá, không chịu la mắng cô nên mấy cô không sợ. Mẹ nghe mấy người Phật tử ở đây khen rằng chú nghiêm lắm, khó có ai đến gần được, nếu chú dễ dãi một chút chắc chắn là *Ma-dăng-già* vây quanh còn nhiều hơn. Nhưng mẹ nghĩ, có lẽ chú cần phải nghiêm hơn nữa mới được. Hề mình nghiêm thì chẳng ai dám đùa giỡn với mình cả."

"Ui cha, mấy cô đó ngày nào cũng lảng vảng ở chùa, có biết sợ thầy nào đâu. Thôi mẹ đừng lo. Con biết được cái gì nên làm, cái gì nên tránh mà."

"Chú đừng tự tin như vậy. Mẹ nhắc là thương chú, muốn bảo vệ chú thôi. Tánh chú mẫn cảm, dễ tin người, nếu không cẩn thận thì có ngày vấp ngã không biết đường mà gở."

Tôi nghe vậy thì giật mình. Tôi tưởng tôi đã xa gia đình khá lâu, mẹ tôi sẽ không hiểu gì về tôi. Vậy mà không phải. Cái mặt tâm lý hay tình cảm nào đó ẩn sâu trong tôi, cũng được bà nhìn ra bằng

đôi mắt nghệ sĩ tinh anh, nhạy bén. Có thể tôi khinh bỉ những cảm dỗ nào đó của thế gian, nhưng tim tôi không phải là gỗ đá trước những sắc đẹp. Tôi chỉ là kẻ phẫn đầu bằng cách xa lánh, tảng lờ hoặc chạy trốn cái thực tại đầy sức mời gọi của nữ sắc mà thôi.

Buổi chiều cùng ngày, ban giám học họp tại thư viện để tổng kết kết quả kỳ thi. Nghe rằng, bảng kết quả đã có nhưng sau lễ Vu Lan mới được nêu lên ở bảng thông cáo của lớp học. Ban giám học không muốn tăng sinh viên chúng tôi bị xao động bởi kết quả kỳ thi này trong dịp vui của ngày đại lễ Vu Lan.

Buổi tối, có khoa cúng chần tế cô hồn tổ chức tại chùa. Phật tử tập trung đông đảo, nghệt cả sân. Tiếng tụng niệm của ban kinh sư được hỗ trợ bởi mấy cái loa phóng thanh, vang khắp vùng. Tôi đứng một mình ở góc bao lơn trên lầu, nhìn trời đêm vắng vặc ánh trăng..Tự dưng, tôi thấy không khí ồn ào bên dưới hội trường, nơi chính điện, chung quanh sân, khu vực nhà bếp, khu vực nhà ăn, khu nhà khách, và các dãy phòng tầng, không có thứ gì dính nhập đến mình cả. Và hình như ngay chính tôi cũng không thuộc về thế giới nhộn nhịp này nữa. Trong cái vui rộn ràng của ngày hội Vu Lan, bỗng dưng tôi lại nghĩ đến niềm thống khổ của dân tôi. Niềm thống khổ ấy, không có thứ lễ lạc tưng bừng nào có thể khỏa lấp nổi. Vu Lan – ngày xá tội vong nhân, cũng không sao xá bỏ được gông cùm xiềng xích cho những tù nhân của chế độ, cho mấy chục triệu lương dân phải chịu oằn vại mình xuống để gánh hết nỗi nhục nhằn tủi phận của quê hương... Tự dưng tôi thấy một niềm uất nghẹn nào đó, chặn ngang cổ họng. Tôi tự hỏi, tại sao mình lại có thể

an phận cắm đầu cắm cổ ngồi ghế nhà trường trong giai đoạn khổ đau cùng tột của đất nước nhỉ? Cái học đó sẽ đóng góp được cái gì cho hiện tình quê hương? Chẳng phải là đất nước này, và cả giáo hội nữa, đang lâm nguy hay sao? Sách vở, nghiên bút, lúc này có nghĩa lý gì chứ? Chữ Phạn, chữ Hán, chữ Anh, chữ Nhật, luận đề Phật Pháp, A-tỳ-đạt-ma Câu Xá luận, Trung Luận, Kinh Dịch... Ôi, những môn học ấy, những buổi giảng ấy... có thứ nào chuyển dịch nổi vận mệnh đen tối của đất nước tang thương này chứ! Tôi phải làm một cái gì, hoặc ít nhất cũng phải bước ra khỏi cái trường lớp khoa bảng đang êm đềm yên phận lướt trôi từng ngày bên cạnh cái vực sâu khổng lồ chứa đầy nghiệp dĩ khổ đau của quê hương. Một lần nữa trên đời, tôi lại cảm thấy việc học hành chữ nghĩa chẳng có giá trị gì cả.

Đang đứng lặng lẽ một mình với những cảm xúc mạnh mẽ ấy, bỗng nghe có tiếng chân bước đến bên tôi nhẹ nhẹ. Tôi quay lại, bắt gặp thầy Tuệ Sỹ. Tôi mở một nụ cười để chào thầy. Thầy đến đứng bên cạnh tôi. Cũng ngược nhìn trời cao, nhìn cảnh vật chung quanh một lúc, rồi nói:

“Chú Khang đỗ thủ khoa trong kỳ thi này rồi đó nha! Khá lắm.”

“Vây hả thầy?”

Thầy tôi có vẻ không ngạc nhiên, không hứng thú gì trong việc đón nhận một tin vui như vậy, thầy im lặng một lúc, rồi nói:

“ Dĩ nhiên đó chẳng phải là thành quả gì to lớn đáng để vui mừng, nhưng ít ra, trong khi chưa tìm được lối thoát nào, nó cũng là điều khích lệ cho một năm học khó khăn vừa qua, phải không?”

“Dạ, cảm ơn thầy.”

Sáng hôm sau, bảng kết quả được treo lên ở trước

cửa phòng học. Tin vui và tin buồn lan đi thật nhanh khắp các dãy phòng. Không những tăng sinh viên khóa học đi xem “bảng vàng ghi danh” mà Phật tử thành phố từng quen biết tăng sinh viên, cũng xúm xít chen coi. Tôi thì đã biết kết quả nên không chen đến chỗ treo bảng kết quả làm gì. Người ta thương xót đi an ủi những vị bị rớt, nhưng cũng không quên tìm tôi, ngỏ lời chúc mừng, hoặc chỉ đứng nhìn từ xa, chỉ tỏ, trầm trồ. Cứ bước ra khỏi phòng để xuống nhà ăn, hay đi tụng kinh, tôi đều bị người ta chặn lại giữa đường để chúc tụng, ngợi khen. Tôi mệt cái màn đó quá, trốn luôn trong phòng, khóa kín cửa lại.

Trong phòng riêng, ngồi nhìn đồng sách vở trên bàn, tôi bỗng phì cười một mình. Cảm ơn công khó của các vị giáo sư đã hướng dẫn giảng dạy, nhưng, xin thực tình mà nói, tất cả những gì mà tôi thu nhận được sau một năm trời theo đuổi chương trình ấy, đến phút này, tôi thấy cũng chẳng ý nghĩa gì. Tôi đang vùng vẫy muốn thoát khỏi vùng hào quang của chữ nghĩa, khoa bảng, trường lớp... Tôi muốn lên đường.

(hết Chương 4 -
mời đọc tiếp Chương 5)

